

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

**VĂN KIẾN ĐẢNG VỀ
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
(2004-2014)**

HÀ NỘI - 2020

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

NHÓM BIÊN SOẠN

TS. NGUYỄN HỮU DŨNG (Chủ biên)
TS. LÊ MẬU NHIỆM (Đồng chủ biên)
TS. LÊ MINH HÀ
TS. NGÔ HOÀNG NAM
ThS. NGUYỄN TIẾN KHOA
ThS. ĐINH THỊ THANH GIANG

HIỆU ĐÍNH BẢN THẢO

PGS.TS. TRẦN HẬU

LỜI MỞ ĐẦU

Văn kiện Đảng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ năm 2004-2014 bao gồm những văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong 10 năm.

Đây là giai đoạn lịch sử đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của cách mạng Việt Nam, đó là Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI của Đảng, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)”. Cương lĩnh năm 2011 xác định 8 phương hướng, trong đó có các phương hướng là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh...

Đặc điểm nổi bật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ này là nâng cao vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc “vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Các văn kiện của Đảng trong giai đoạn này tiếp tục nhấn mạnh và khẳng định quan điểm quan trọng về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công trình *Văn kiện Đảng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ năm 2004-2014* trình bày và làm rõ sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận trong tình hình mới - thời kỳ phát triển quan trọng của dân tộc - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong quá trình biên soạn, các tác giả đã cố gắng sưu tầm tài liệu và biên soạn, song công trình không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Ban

Biên soạn rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để nâng cao hơn nữa chất lượng công trình.

Quá trình nghiên cứu, biên soạn, các tác giả đã nhận được sự chỉ đạo của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự đóng góp ý kiến của các đồng chí Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qua các thời kỳ, sự giúp đỡ của Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các trung tâm lưu trữ, các thư viện,... đã đóng góp nhiều công sức trong việc cung cấp tư liệu, biên tập và xuất bản cuốn sách này.

CHỦ BIÊN

TS. Nguyễn Hữu Dũng

Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
số 34-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2004
về Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương
(Trích)

(...)

Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị và nghề nghiệp quan trọng của giới văn nghệ nhằm đánh giá đúng tình hình hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ và hoạt động của các cấp hội. Phân tích sâu sắc hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật hiện nay, khẳng định những khuynh hướng sáng tác lành mạnh chủ đạo, khuyến khích tìm tòi sáng tạo hướng tới những giá trị chân - thiện - mỹ trong văn học, nghệ thuật. Đánh giá đúng thực trạng của công tác nghiên cứu lý luận, phê bình. Kiểm điểm toàn diện các hoạt động của tổ chức và trách nhiệm các ban chấp hành.

Các Hội cần quán triệt sâu sắc phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa của nước ta trong thời kỳ mới là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở đó cần xác định nhiệm vụ trung tâm của công tác văn học, nghệ thuật trong thời gian tới là: tiếp tục phấn đấu tạo ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ. Tiếp thu truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, có tác dụng sâu sắc giáo dục con người. Thực hiện tốt phương châm lấy tác phẩm tốt cổ vũ, giáo dục con người và xã hội, tạo nguồn giải trí lành mạnh, đẩy lùi những hoạt động văn nghệ phản động, đồi trụy, phi nhân tính, phi dân tộc.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: PHAN DIỄN

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
số 34-NQ/TW ngày 3 tháng 2 năm 2004
về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi
Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng
(Trích)**

(...)

Trong nước, mặc dù công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, yếu kém.

Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết như thiếu việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân nhất là nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục thấp; tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS và tình trạng tội phạm chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều.

Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn rất nghiêm trọng; kỷ cương phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm.

(...)

- Làm tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân

(...)

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giảm mạnh tai nạn giao thông và tích cực phòng chống tệ nạn xã hội.

(...)

- Thực hiện tốt hơn chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Xây dựng cơ chế, chính sách và cơ sở kinh tế bảo đảm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong tình hình mới. Tập trung chỉ đạo các xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp... thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp.

Bổ sung và hoàn chỉnh chủ trương, biện pháp xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đa dạng hóa hình thức, phương pháp tập hợp thanh niên, mở rộng phong trào tình nguyện của thanh niên, sinh viên.

Làm tốt công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và từng bước ổn định cơ sở vùng xung yếu; xử lý kịp thời, linh hoạt các vấn đề đặt ra trên quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Ban hành phát luật, cơ chế, chính sách có liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo, các hội quần chúng, hội nghề nghiệp, người Việt Nam ở định cư ở nước ngoài.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết và thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, đề cao vai trò giám sát, hướng mạnh về cơ sở, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức và hoạt động. Bồi dưỡng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở vùng đồng bào tín đồ, tôn giáo.

(...)

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực nhằm vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng vừa phát huy quyền lực và hiệu lực quản lý nhà nước của các cơ quan chính quyền, phát huy vị trí và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

số 38-CT/TW ngày 28 tháng 4 năm 2004

**về lãnh đạo Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp tiến tới
Đại hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V**

1. Tiếp tục chỉ đạo và quan tâm tạo điều kiện để xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thật sự là tổ chức xã hội rộng rãi của thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam là mặt trận đoàn kết, tập hợp rộng rãi tất cả thanh niên Việt Nam; là môi trường giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tinh thần tự lực, tự cường; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tính tích cực, khả năng sáng tạo của thanh niên, chăm lo quyền lợi chính đáng của thanh niên; phát huy vai trò và tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp thanh niên, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, sôi nổi trong thanh niên, góp phần tạo sự chuyển biến mới trong việc đoàn kết, tập hợp thanh niên. Đổi mới việc tổ chức đại hội để đại hội thực sự là ngày hội của tuổi trẻ, là diễn đàn sôi động của thanh niên, bảo đảm đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, trang trọng, thiết thực; tránh phô trương hình thức.

3. Chỉ đạo Đoàn thanh niên và Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội. Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng công tác Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên ở mỗi cấp, khẳng định những bước trưởng thành của Hội và sự cống hiến của các tầng lớp thanh niên, nêu rõ những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích sâu sắc những nguyên nhân hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm.

(...)

Phương hướng quan trọng là phải tăng cường tính liên hiệp rộng rãi của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Đa dạng hóa các loại hình tổ chức và hình thức tập hợp thanh niên. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức thành viên và Liên hiệp Hội phong phú hơn, phù hợp với các đối tượng thanh niên khác nhau, tạo những điều kiện ngày càng thuận lợi hơn để thanh niên được học tập, giáo dục, rèn luyện, trưởng thành, cống hiến; chăm sóc và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thanh niên; đáp ứng nhu

cầu và nguyện vọng đa dạng của tuổi trẻ. Trên cơ sở đó mà thu hút rộng rãi hơn nữa thanh niên tham gia vào tổ chức Hội, đặc biệt là mở rộng tập hợp thanh niên vùng tôn giáo, dân tộc, trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và lực lượng sinh viên, học nghề; đồng thời tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

4. Chỉ đạo tốt công tác nhân sự, lựa chọn người có uy tín, năng lực và nhiệt huyết với công tác thanh niên tham gia Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; chú trọng trẻ hóa, bảo đảm tính đại diện, tính liên hiệp rộng rãi, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết và sức mạnh của các tầng lớp thanh niên. Lãnh đạo chặt chẽ, đảm bảo dân chủ việc lựa chọn giới thiệu cán bộ Đoàn chủ chốt ở mỗi cấp để hiệp thương giữ vị trí lãnh đạo trong Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Ban Bí thư cũng chỉ đạo các cấp ủy Đảng tập trung chỉ đạo tốt Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp. Các cấp chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phối hợp, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp tổ chức thành công đại hội.

5. Công tác thanh niên là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo tốt Đại hội Liên hiệp Thanh niên các cấp.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: PHAN ĐIỂN

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

số 39-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 21 tháng 5 năm 2004

về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến

Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 03 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới, nhìn chung công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua yêu nước trong cả nước đã có bước chuyển biến tích cực. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp được kiện toàn, củng cố và hoạt động bước đầu có hiệu quả. Các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã tổ chức được nhiều phong trào thi đua có tác dụng thiết thực. Các cơ quan thông tin đại chúng đã chú ý hơn việc tuyên truyền biểu dương gương người tốt, việc tốt. Nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được các cấp, các ngành và Nhà nước khen thưởng đã có tác dụng giáo dục, động viên, nêu gương học tập. Thi đua, khen thưởng đã tác động tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua yêu nước còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đối với công tác thi đua, khen thưởng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Phong trào thi đua phát triển chưa đồng đều, rộng khắp và liên tục, nhiều nơi còn mang nặng tính hình thức, chạy theo thành tích. Việc khen thưởng có lúc còn chưa kịp thời, chưa chính xác hoặc có biểu hiện tiêu cực. Hình thức, nội dung và phương pháp tổ chức thi đua chậm được đổi mới. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua chưa kịp thời và thường xuyên. Vai trò của các tổ chức trong công tác thi đua ở cơ sở chưa được phát huy mạnh mẽ. Các cấp, các ngành chưa quan tâm đúng mức công tác bồi dưỡng, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng còn nhiều bất cập và thiếu thống nhất.

Nhằm tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước trong những năm tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt nội dung đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước và tinh thần Chỉ thị 35-CT/TW, ngày 03 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII), qua đó nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời tổ chức tốt việc hướng dẫn, thực hiện Luật Thi đua - Khen thưởng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua. Mỗi chi bộ, đảng viên cần phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu là hạt nhân trong các phong trào thi đua ở cơ sở. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp phải phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức chỉ đạo công tác thi đua, làm cho phong trào thi đua trở thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

2. Phong trào thi đua trong những năm tới phải đạt được yêu cầu thiết thực, sâu rộng và bao quát được toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang... Xây dựng phong trào thi đua phát triển đều khắp ở tất cả các vùng, miền, góp phần tạo được sự tiến bộ rõ rệt về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, tạo môi trường xã hội lành mạnh, đời sống văn hóa cao, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trước mắt, phát động phong trào thi đua đặc biệt nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; lập thành tích xuất sắc chào mừng các ngày kỷ niệm và các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005.

3. Tập trung chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến. Mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị cần xây dựng và lựa chọn được những điển hình tốt, tiêu biểu toàn diện hoặc về từng lĩnh vực của địa phương, đơn vị để nêu gương học tập, đồng thời góp phần tổng kết những điển hình tiên tiến toàn quốc.

Tích cực chuẩn bị tổ chức tốt Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VII vào năm 2005.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa – Thông tin hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng kịp thời phát hiện, tuyên truyền và nêu gương các điển hình tiên tiến; thường xuyên phổ biến kinh nghiệm, cách làm hay của các điển hình tiên tiến và thông tin về việc đổi mới các hoạt động thi đua, khen thưởng.

4. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và cải tiến thủ tục, quy trình xét khen thưởng, thực hiện công khai dân chủ, kịp thời và đảm bảo tính nêu gương, giáo dục trong khen thưởng. Xây dựng, ban hành các quy định cụ thể để thực hiện Luật Thi đua - Khen thưởng và tặng thưởng Huân chương, Huy

chương. Kiên quyết chống tiêu cực và bệnh hình thức trong công tác thi đua, khen thưởng. Các cấp ủy đảng, chính quyền chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung giải quyết dứt điểm, hoàn thành trong năm 2005 việc khen thưởng thành tích đóng góp trong các cuộc kháng chiến.

5. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc củng cố hệ thống tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thành lập Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (là cơ quan thường trực, giúp việc cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương) và Ban Thi đua - Khen thưởng ở các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phù hợp quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng với bộ máy tinh gọn, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban cán sự đảng Chính phủ giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Đã ký: PHAN DIỄN

**KẾT LUẬN CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX**

số 30-KL/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2004

**về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng
và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,,
trong những năm sắp tới**

(Trích)

(...)

Phát huy tính năng động sáng tạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các hội sáng tạo văn học – nghệ thuật, khoa học – kỹ thuật và thông tin, báo chí trong sự nghiệp văn hóa, tạo nên *sức mạnh tổng hợp*, động viên nhân dân và đội ngũ trí thức thực hiện các nhiệm vụ văn hóa; nâng cao chất lượng sáng tạo, sản xuất, bảo quản, tôn tạo, truyền bá và tiếp nhận các sản phẩm, công trình văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định đáp ứng yêu cầu *xã hội hóa hoạt động văn hóa* nhằm động viên, huy động có hiệu quả sức người, sức của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia xây dựng và phát triển văn hóa.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH**

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
số 49-CT/TW ngày 21 tháng 02 năm 2005
về xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá,
hiện đại hoá đất nước
(Trích)

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian tới, nếu chúng ta không quan tâm củng cố, ổn định xây dựng gia đình, những khó khăn và thách thức nêu trên sẽ tiếp tục làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mục tiêu chủ yếu của công tác gia đình trong thời kỳ công nghiệp và hiện đại hoá là ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một hoặc hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.

Để thực hiện mục tiêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, đoàn thể các cấp lưu ý lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ và các giải pháp sau:

1. Nhiệm vụ

1.1 Cần nhận thức rõ gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Coi đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững. Gia đình có trách nhiệm với các thành viên và với xã hội; Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình. Xây dựng gia đình phải luôn gắn với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Cán bộ, đảng viên có trách nhiệm gương mẫu chăm lo xây dựng chính gia đình mình và vận động nhân dân cùng thực hiện.

1.2 Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên; chủ động rà soát, đánh giá tình hình gia đình tại địa phương, xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án cá thể giải quyết những khó khăn, thách thức về gia đình và công tác gia đình. Cần đặc biệt quan tâm xoá bỏ các thủ tục tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực kỷ, đòi trụ; tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có kế hoạch và biện pháp cụ thể phòng, chống tệ nạn xã hội và bạo hành trong gia đình:

1.3 Tăng cường công tác giáo dục đời sống gia đình. Cung cấp tới từng gia đình các kiến thức, kỹ năng sống, như: kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau và với cộng đồng. Giáo dục và vận động mọi gia đình tự nguyện tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh. Vận động các gia đình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, quy chế dân chủ cơ sở; phát triển các hình thức tổ hoà giải, các câu lạc bộ gia đình tại cộng đồng; giữ gìn và phát huy văn hoá gia đình và truyền thống tốt đẹp của dòng họ, xây dựng tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, nhắc nhở, động viên nhau thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Trong giáo dục, phải kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.

1.4 Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình; nhân rộng các mô hình kinh tế hộ tiên tiến; bảo đảm kết quả bền vững của chương trình xoá đói giảm nghèo và tạo việc làm, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đông bào dân tộc thiểu số, quan tâm đặc biệt tới các gia đình có công với cách mạng, gia đình là nạn nhân của chiến tranh.

1.5 Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, cộng đồng và gia đình tham gia tích cực xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, khu phố văn hoá, cụm dân cư văn hoá; xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình điển hình, tiêu biểu, tạo ra phong trào xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, biểu dương kịp thời và nhân rộng các mô hình gia đình vượt khó vươn lên, gia đình làm kinh tế giỏi, gia đình hiếu học, gia đình trẻ hạnh phúc, gia đình nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

1.6 Cần sớm xây dựng và triển khai chiến lược và chương trình mục tiêu về công tác gia đình, xây dựng các đề án cụ thể giải quyết những thách thức hiện nay đối với gia đình.

2. Giải pháp

2.1 Đẩy mạnh đổi mới và đa dạng hoá công tác truyền thông, tăng cường giáo dục đến từng hộ gia đình pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình, đặc biệt là Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh Dân số; đưa chủ đề gia đình vào các chương trình tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt và phê phán những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng cuộc sống gia đình.

2.2 Bảo đảm đủ nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước và huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác gia đình. Đưa nội dung công tác này vào

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch hàng năm của ngành và của địa phương

2.3 Củng cố và ổn định cơ quan Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp cơ sở, đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành về công tác gia đình.

2.4 Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình, đặc biệt quan tâm tới các gia đình đã nhượng đất sản xuất cho đô thị hoá, phát triển công nghiệp và các hộ đi đầu; triển khai và mở rộng các loại hình dịch vụ an sinh xã hội để nâng cao năng lực tự chủ của mỗi gia đình, đảm bảo cho các gia đình có cơ hội tiếp cận sự bảo trợ của nhà nước ổn định cuộc sống, chăm lo giáo dục con cái và chăm sóc người cao tuổi.

2.5 Tăng cường công tác nghiên cứu điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình, đặc biệt là nghiên cứu các giá trị, truyền thống tốt đẹp của gia đình cần gìn giữ, phát huy những giá trị mới, tiên tiến cần tiếp thu, nghiên cứu xây dựng các mô hình gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, áp dụng các kết quả nghiên cứu để giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới.

2.6 Các cấp uỷ đảng, các tỉnh uỷ, thành uỷ xây dựng kế hoạch hành động, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình theo tinh thần của Chỉ thị này.

Ban cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quán triệt, thể chế hoá và chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị, động viên toàn dân tích cực tham gia công tác gia đình, tạo ra một phong trào xây dựng gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một đến hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc trong cả nước.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị, nêu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

(...)

Chỉ thị này phổ biến và quán triệt tới các chi bộ./.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: PHAN DIỄN

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005
về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân
trong tình hình mới
(Trích)

(...)

Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là hoạt động nhân đạo, trực tiếp bảo đảm nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư phát triển, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ.

(...)

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng, là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

(...)

Nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội, cộng đồng và mỗi người dân trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân phải được đưa vào các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và ở từng địa phương.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đặc biệt là ở cơ sở, phải xác định việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng; quy định rõ trách nhiệm và kiểm tra hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở địa phương. Triển khai rộng rãi phong trào xây dựng làng văn hoá - sức khỏe ở mọi thôn bản.

(...)

Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng có thể chủ động phòng bệnh, xây dựng nếp sống vệ sinh, rèn luyện thân

thể, hạn chế những lối sống và thói quen có hại đối với sức khỏe, tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng. Nghiêm cấm quảng cáo thuốc lá, rượu mạnh, các chất kích thích có hại cho sức khỏe.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

GHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005
về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và
kế hoạch hoá gia đình
(Trích)

(...)

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tâm lí, tập quán sinh đẻ trong toàn xã hội. Vận động toàn xã hội chấp nhận và thực hiện mỗi cặp vợ chồng chỉ có một đến hai con, coi việc dừng ở hai con là nghĩa vụ của mọi người dân để góp phần giảm bớt gánh nặng về dân số của đất nước. Việc tuyên truyền, vận động phải sâu sát, cụ thể, phù hợp với từng đối tượng.

(...)

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên xây dựng chương trình hành động, phát động các phong trào toàn dân tham gia thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005
về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

(Trích)

(...)

Xây dựng cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, cơ quan, các tổ chức quần chúng trong phát hiện, phòng ngừa tham nhũng; bảo vệ người trung thực phát hiện, tố cáo, người điều tra truy tố, xét xử hành vi tham nhũng; khen thưởng người có công trong đấu tranh phòng chống tham nhũng. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc ngăn ngừa, kiểm soát các hành vi tham nhũng.

Hoàn thiện pháp luật dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch, thúc đẩy các quan hệ dân sự phát triển lành mạnh; hoàn thiện chế định hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn...

Hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp.

(...)

Đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp Quốc hội, hội đồng nhân dân. Quốc hội và hội đồng nhân dân nên có nghị quyết riêng về hoạt động tư pháp sau khi nghe báo cáo và trả lời chất vấn.

Tăng cường và nâng cao hiệu lực giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là của lãnh đạo các cơ quan tư pháp. Nghiên cứu việc thành lập Ủy ban Tư pháp của Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động tư pháp, trọng tâm là việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho mọi người dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tập trung làm tốt công tác động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với các cơ quan tư pháp khắc phục, sửa chữa. Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

**VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X (4-2006)**
(Trích)

(...)

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giữ gìn sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) đồng thời giữ vững kỷ cương xã hội và đạo lý dân tộc.

Chúng ta cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo; chú trọng chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, đồng bào định cư ở nước ngoài v.v...

Đảng ta luôn coi *vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm *quyền tự do tín ngưỡng*, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo

pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Thực hiện đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một nội dung trọng yếu trong chủ đề của Đại hội này, là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Về phần mình, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần chúng cần đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng hoạt động, khắc phục cho được tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*.

(...)

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phải phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chúng ta chủ trương xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân, đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Theo phương hướng đó, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp.

(...)

Tăng cường phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

(...)

Bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý kinh tế - tài chính, về thanh tra, kiểm tra; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy gọn nhẹ; bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức. Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bổ sung, sửa đổi Luật khiếu nại và tố cáo. Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; xử lý nghiêm những người bao che cho tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí.

(...)

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng thiết thực. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được mở rộng và có hiệu quả hơn, nhất là ở xã, phường. Công tác dân tộc, tôn giáo, vận động người Việt Nam ở nước ngoài có tiến bộ.

(...)

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn mang tính hành chính, hình thức. Dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi không nghiêm.

(...)

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Đối với giai cấp công nhân, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khoẻ đối với công nhân; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công nhân và những người lao động, chú trọng

công nhân làm việc ở các khu công nghiệp và đô thị lớn. Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú.

Đối với giai cấp nông dân, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách về ruộng đất. Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hoá. Hỗ trợ và khuyến khích nông dân học nghề, tiếp nhận và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

Đối với trí thức, phát huy trí tuệ và năng lực, mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Đối với doanh nhân, tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam.

Đối với thế hệ trẻ, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Chú trọng bồi dưỡng nguồn cán bộ, đào tạo thanh niên trong lực lượng vũ trang có nghề khi hết thời hạn nghĩa vụ quân sự. Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Đối với phụ nữ, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu

tranh chống các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Đối với cựu chiến binh, phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Động viên cựu chiến binh giúp nhau cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo, góp phần giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Đối với người cao tuổi, chăm sóc sức khoẻ, tạo điều kiện để hưởng thụ văn hoá, được thông tin, sống vui, sống khoẻ, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình "ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo". Giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.

Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ

đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước; khen thưởng những người có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội.

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ đảng và cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân và có trách nhiệm với dân*.

(...)

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định

đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

(...)

Từ thực tiễn xây dựng Đảng những năm đổi mới, có thể khái quát một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

Một là, phải kiên trì đường lối đổi mới, đổi mới toàn diện, có nguyên tắc và sáng tạo; trong quá trình đổi mới, phải luôn luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không đa nguyên, đa đảng.

Hai là, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đổi mới công tác xây dựng Đảng. Phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật; thường xuyên tự phê bình và phê bình, nói thẳng, nói thật; giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đấu tranh kiên quyết đối với những phần tử cơ hội. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, thâm quyền, trách nhiệm rõ ràng, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Ba là, Đảng phải chăm lo xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn để hoàn thành nhiệm vụ. Phải tạo sự chuyển biến thực sự và đồng bộ trong công tác cán bộ trên tất cả các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và chính sách. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, trọng dụng nhân tài.

Bốn là, Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Phải xây dựng các thiết chế mở rộng và phát huy dân chủ, bảo đảm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều có sự tham gia xây dựng của nhân dân, phản ánh ý chí, lợi ích của nhân dân, của quốc gia, dân tộc. Cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân.

Năm là, Đảng phải tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời sai lầm, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò

giám sát của nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể và của các cơ quan thông tin đại chúng.

Sáu là, Đảng phải đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nhất là phương thức lãnh đạo Nhà nước, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân. Phải xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các ngành, các cấp. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

(...)

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm vừa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và người đứng đầu; khắc phục khuynh hướng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

(...)

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải nhận thức sâu sắc tính cấp thiết, lâu dài, phức tạp và khó khăn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; có quyết tâm chính trị cao, đấu tranh kiên quyết, kiên trì, liên tục, có hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, trong Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; có hệ thống giải pháp đồng bộ, cụ thể và có hiệu lực về tuyên truyền, giáo dục và hành chính, về kinh tế, tài chính và pháp luật, về thanh tra, kiểm tra và giám sát, về chế độ chính sách đãi ngộ và kỷ luật Đảng; sử dụng sức mạnh tổng hợp của tổ chức Đảng, bộ máy nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Các cấp ủy và tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp cao phải thực sự tiên phong, gương mẫu đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(...)

Sắp xếp tổ chức, bộ máy Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng tinh gọn ở cấp Trung ương, tỉnh, huyện. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phù hợp với chức năng, tôn chỉ, mục đích hoạt động của từng tổ chức; hướng về cơ sở; khắc phục tình trạng hành chính hóa, xa dân, phô trương, hình thức.

(...)

Phải quán triệt và thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân: thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý là để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân. Hoạt động của Đảng và Nhà nước phải chịu sự giám sát của nhân dân. Sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, là cái gốc của thắng lợi, là tài sản quý báu của Đảng.

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp hài hòa sự phát triển kinh tế với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội trên phạm vi cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, từng địa phương, từng chính sách phát triển.

Chăm lo thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, xử lý đúng đắn, kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Điều hòa hợp lý lợi ích xã hội của các tầng lớp dân cư, các vùng, miền, lĩnh vực; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là bộ phận có nhiều khó khăn trong công nhân, nông dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa.

Hoàn thiện những thiết chế thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Tăng cường xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có trình độ học vấn và nghề nghiệp ngày càng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Phát huy trí tuệ và năng lực của đội ngũ trí thức, trọng dụng nhân tài.

Tạo điều kiện và phát huy tiềm năng, vai trò của doanh nhân, của người Việt Nam ở nước ngoài trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Tăng cường các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tương thân, tương ái và công tác vận động đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

(...)

Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động đúng định hướng chính trị, đúng pháp luật và có hiệu quả. Phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của mình. Có cơ chế, chính sách lãnh đạo và quản lý phù hợp với từng loại hội. Tiếp tục luật hóa các hoạt động của các đoàn thể nhân dân và các hội.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 04-NQ/TW Ngày 21 tháng 8 năm 2006 về tăng cường sự lãnh đạo của
Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí
(Trích)

(...)

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong những năm tới, phải đẩy mạnh toàn diện và kiên quyết cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.

(...)

Tiến hành Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" về cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, tạo nên phong trào tự tu dưỡng, rèn luyện, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ tham nhũng, lãng phí trong Đảng, trong xã hội. Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải nêu gương về đạo đức, lối sống và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đưa nội dung Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào chương trình giáo dục. Mở chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về vấn đề này trên các báo, đài.

Tổ chức đảng phải lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp làm tốt vai trò giám sát. Hàng năm, cán bộ chủ chốt cấp xã phải trực tiếp tự phê bình và phê bình tại hội nghị đại diện nhân dân do Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Xây dựng và thực hiện cơ chế chất vấn trong sinh hoạt Đảng.

(...)

Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng; chú trọng kiểm tra, thanh tra, giám sát việc sử dụng các quỹ từ thiện, nhân đạo. Thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả thanh tra nhân dân, khắc phục bệnh hình thức.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 06-CT/TW ngày 07 tháng 11 năm 2006
về tổ chức cuộc vận động
"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"
(Trích)

(...)

1. Mục đích

Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh... nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. Yêu cầu

- Tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sâu rộng, thiết thực, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội, không phô trương, hình thức.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn liền với việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, với các phong trào thi đua yêu nước.

- Gắn tính tự giác học tập, rèn luyện của mỗi cá nhân với sự đôn đốc, kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và nhân dân.

3. Nội dung cuộc vận động

- Tổ chức nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong các tác phẩm "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", "Di chúc" và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Mỗi người tự liên hệ, tự phê bình, kiểm điểm cá nhân; tổ chức đề quần chúng ở nơi công tác và nơi cư trú góp ý cho cán bộ, đảng viên.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để phấn đấu thực hiện phù hợp với tình hình từng cơ

quan, đơn vị; xây dựng chương trình hành động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém; xử lý các sai phạm được phát hiện theo đúng kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về cuộc vận động.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG
ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

số 08-NQ/TW ngày 05 tháng 2 năm 2007

**về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và
bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới**
(Trích)

(...)

Hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân. Nhân dân là chủ thể của hội nhập và được hưởng thành quả từ hội nhập. Mọi cơ chế, chính sách phải nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, khả năng sáng tạo và phát huy mọi nguồn lực của nhân dân, tạo ra sự đồng thuận cao trong toàn xã hội; phát huy vai trò của đồng bào ta đang sinh sống ở nước ngoài vào công cuộc phát triển đất nước và tăng thêm sự gắn bó của đồng bào với Tổ quốc.

(...)

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về Tổ chức Thương mại thế giới, chủ trương gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới của Đảng, Nhà nước ta, những cơ hội, thách thức đối với nước ta khi gia nhập tổ chức này, những việc phải làm sau khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới để tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, khơi dậy và phát huy cao độ tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn dân tộc của mọi người Việt Nam, xây dựng quyết tâm tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(...)

Xây dựng và ban hành đồng bộ các chính sách hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm và tự tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm, thông tin thị trường lao động, giải quyết vấn đề lao động mất việc làm do doanh nghiệp không đứng vững được trong quá trình cạnh tranh và nông dân bị thu hồi đất để phát triển công nghiệp và đô thị; thực hiện bảo hiểm thất nghiệp.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống an sinh xã hội đối với các nhóm dân cư, khắc phục rủi ro theo nguyên tắc: Nhà nước, doanh nghiệp và

người lao động cùng đóng góp, cùng chia sẻ; đồng thời phát huy vai trò tích cực của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Hoàn thiện, mở rộng diện thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bao gồm chế độ bảo hiểm tự nguyện đối với nông dân.

- Đổi mới chính sách lao động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển lao động giữa các khu vực kinh tế, giữa các địa phương, giữa các ngành, nghề và giữa các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, phát triển thị trường lao động. Đẩy nhanh tiến trình cải cách tiền lương. Xây dựng mới mức lương tối thiểu, tách riêng khu vực hành chính, sự nghiệp và khu vực sản xuất, kinh doanh (không phân biệt thành phần kinh tế).

- Điều chỉnh luật phát và chính sách về quan hệ lao động, xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, tăng cường khả năng ngăn ngừa và xử lý tranh chấp lao động, xây dựng và thực hiện cơ chế thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể trong việc xác định mức lương, giải quyết tranh chấp ở cấp ngành và cấp doanh nghiệp, bảo đảm những quyền lợi hợp pháp của người lao động.

- Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, chống tái nghèo. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách để người nghèo dần dần có thể tham gia vào tiến trình hội nhập và được hưởng thành quả của hội nhập.

- Xác lập cơ chế đánh giá và cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới đối với lĩnh vực xã hội để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

(...)

- Xây dựng cơ chế kiểm soát và có chế tài xử lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa không lành mạnh, gây phương hại đến sự phát triển đất nước, văn hóa và con người Việt Nam. Đẩy mạnh thực thi pháp luật bảo vệ sở hữu trí tuệ, tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo các giá trị tinh thần của xã hội.

- Khơi dậy mạnh mẽ lòng tự tôn, tự hào về lịch sử, truyền thống dân tộc; bảo vệ và làm phong phú thêm các giá trị truyền thống, phát huy vai trò nền tảng và động lực tinh thần của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp hài hòa giữa giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến và tăng cường giao lưu với các nền văn hóa bên ngoài.

- Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống thông tin đại chúng; hoàn thiện mạng lưới phát thanh, truyền hình, bảo đảm thông tin trung thực, chính xác, kịp thời của các cơ quan truyền thông để phục vụ phát triển đất nước. Kiên quyết ngăn chặn các hành vi lạm dụng phương tiện thông tin đại chúng làm

ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và sản xuất, kinh doanh, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, nền kinh tế và ổn định chính trị - xã hội.

- Bảo vệ có hiệu quả di tích lịch sử, văn hóa, có cơ chế thích hợp để huy động các nguồn lực tôn tạo và phát huy di sản văn hóa nhằm giáo dục truyền thống và tạo tiền đề vững chắc cho phát triển và hội nhập.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 10-NQ/TW, ngày 09 tháng 2 năm 2007

về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội
(Trích)

(...)

Kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong mỗi tổ chức, chú trọng ở hai cấp trung ương và cơ sở; khắc phục tình trạng “hành chính hóa,,; đổi mới phương thức hoạt động, đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở; chăm lo một cách thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên. Tổ chức bộ máy chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần được kiện toàn tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; tăng cường đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

(Trích)

(...)

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và nhân dân với nhiều hình thức phong phú, thiết thực để nhận thức rõ về sự cần thiết, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập ở nước ta hiện nay; xác định xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là một mục tiêu cơ bản trong chiến lược chấn hưng và phát triển giáo dục của nước ta.

(...)

Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào khuyến học, khuyến tài, góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong giảng dạy và học tập; xây dựng gia đình hiếu học; cộng đồng, dòng họ, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị khuyến học. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn; phát triển nhiều loại hình học tập đa dạng, phù hợp với điều kiện và nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân từng địa phương, đơn vị.

Chú trọng và kịp thời phát hiện, có chính sách cụ thể để bồi dưỡng nhân tài, nhất là tài năng trẻ trên các lĩnh vực. Vận động nhân dân tích cực học tập nâng cao dân trí, nghề nghiệp, chuyên môn nhằm tăng năng lực sản xuất, chất lượng công việc, chất lượng cuộc sống. Gắn việc phát triển phong trào khuyến học, khuyến tài với xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, với phong trào làm kinh tế giỏi, xoá đói, giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở.

Chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm và có hình thức khen thưởng, tuyên dương, nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện phong trào khuyến học, xây dựng xã hội học tập ở các địa phương, đơn vị.

Củng cố, xây dựng Hội Khuyến học các cấp vững mạnh, lãnh nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hoá giáo dục.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007
về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
(Trích)

Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ và thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Trong thời kỳ đổi mới, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong Nghị quyết Đại hội Đảng, các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quần chúng, công tác vận động phụ nữ, công tác cán bộ nữ. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện để phụ nữ phát triển và thúc đẩy bình đẳng giới.

(...)

Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

Công tác phụ nữ phải sát hợp với từng đối tượng, vùng, miền, phát huy được tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của các tầng lớp phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước; đồng thời phải chăm lo cho phụ nữ tiến bộ về mọi mặt, quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng để phụ nữ có điều kiện thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người.

Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng.

Công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực; đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội

và gia đình. Phần đầu đề nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất của khu vực.

(...)

Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Đưa nội dung giáo dục về giới, Luật Bình đẳng giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong các trường chính trị và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

số 14-CT/TW ngày 19 tháng 6 năm 2007 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam

Năm 2007 và 2008, tổ chức Công đoàn tiến hành đại hội các cấp tiến tới Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ X. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam. Quá trình chuẩn bị đại hội diễn ra trong bối cảnh nước ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và quá trình đổi mới cơ chế quản lý, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cơ cấu, tính chất, vị trí các giai cấp và tầng lớp trong xã hội có nhiều thay đổi; tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp đặt ra nhiều vấn đề mới, quan trọng đối với việc xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn các cấp. Để lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau :

1- Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn các cấp chuẩn bị tốt nội dung báo cáo trình đại hội.

Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng tình hình công nhân, viên chức, lao động và hoạt động của tổ chức công đoàn ở mỗi cấp; nêu rõ những kết quả đạt được, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, phân tích sâu sắc nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân của Ban Chấp hành Trung ương khoá X và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, cần xác định rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới với những biện pháp thực hiện cụ thể, thiết thực, tập trung vào nâng cao chất lượng tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn các cấp, nhất là ở cơ sở. Đặc biệt, quan tâm chỉ đạo công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong các loại hình doanh nghiệp.

2- Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong mọi đối tượng công nhân, viên chức, lao động với tinh thần dân chủ, đổi mới, năng động, sáng tạo; bàn bạc, thảo luận những nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mới trong nhận thức và hành động của đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động, củng cố về chính trị, tư tưởng, tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp công đoàn. Phát động các phong trào hành động cách mạng, thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo... nhằm khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tài năng sáng tạo của

cán bộ, công nhân, viên chức, lao động, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương và của đất nước, thiết thực chào mừng đại hội công đoàn các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam.

3- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác nhân sự tại đại hội công đoàn các cấp theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ, đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự bầu vào ban chấp hành công đoàn ở mỗi cấp, nhất là đối với những chức danh chủ chốt. Nhân sự ban chấp hành công đoàn các cấp cần bao gồm đại diện các thành phần kinh tế, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, bao gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, thực sự tiêu biểu về phẩm chất, trí tuệ, trưởng thành từ thực tiễn trong phong trào công đoàn, có khả năng tập hợp công nhân, viên chức và người lao động, được đoàn viên tín nhiệm; đồng thời có số lượng, cơ cấu hợp lý theo hướng trẻ hoá để lãnh đạo công tác công đoàn trong nhiệm kỳ tới.

4- Việc tổ chức đại hội công đoàn các cấp phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

Thời gian đại hội cấp cơ sở, cấp trên cơ sở và ngành, địa phương từ quý IV-2007 đến Đại hội Công đoàn Việt Nam vào quý IV-2008.

5- Các cấp uỷ đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể có liên quan phối hợp tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn các cấp tổ chức tốt đại hội.

6- Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo chặt chẽ việc tổng kết hoạt động công đoàn và công tác tổ chức đại hội; khi hoàn thành đại hội công đoàn cấp cơ sở và cấp trên cơ sở của ngành và địa phương, cần đánh giá tổng quát, rút ra những vấn đề cần thiết và những vấn đề mới nảy sinh trình Ban Bí thư xem xét để báo cáo Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam.

7- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan có liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X
số 15-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2007
về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
đối với hoạt động của hệ thống chính trị
(Trích)

(...)

Đảng đoàn, tổ chức đảng trong cơ quan Mặt trận và các đoàn thể phải có quy định về việc nêu cao tính gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng của đảng viên trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đảng đoàn Mặt trận lãnh đạo Mặt trận thực hiện đúng các quan điểm chỉ đạo của Đảng, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư khi nhiều thành viên mặt trận có ý kiến khác với sự chỉ đạo của Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư tôn trọng, tiếp thu ý kiến hợp lý của Mặt trận, điều chỉnh sự chỉ đạo của mình. Tăng cường lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Mặt trận đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, giải thích rõ quan điểm, đường lối của Đảng để tạo sự thống nhất cao trong Mặt trận.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 về công tác tư tưởng, lý luận và
báo chí trước yêu cầu mới
(Trích)

(...)

Trước những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước qua 20 năm đổi mới, trực tiếp là những kết quả nổi bật của 5 năm qua, đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển tốt đẹp của đất nước... Lòng yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, tính năng động, chủ động, sáng tạo của con người Việt Nam được phát huy và nâng cao. Tư tưởng tích cực được mở rộng, là xu hướng chủ đạo, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của dân tộc ta trong thời kỳ mới.

Tuy vậy, một số mặt tiêu cực về tư tưởng đang có biểu hiện phức tạp và nghiêm trọng hơn, tiềm ẩn các nguy cơ trực tiếp gây mất ổn định chính trị. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục có hiệu quả, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước. Trong Đảng đã xuất hiện các ý kiến khác nhau về một số vấn đề cơ bản liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng tới sự thống nhất tư tưởng. Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, kể cả trong những lực lượng nòng cốt, gắn bó với Đảng, với chế độ, đã phát sinh một số vấn đề tư tưởng, tâm trạng bức xúc đáng lo ngại, ảnh hưởng tới tính đồng thuận xã hội. Các phần tử cơ hội chính trị trong nước móc nối với thế lực thù địch, phản động ở nước ngoài xuyên tạc, vu cáo, chống phá quyết liệt Đảng, Nhà nước ta trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng.

(...)

Tăng cường tuyên truyền, cổ vũ, động viên các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực, phát huy chủ nghĩa yêu nước, năng lực thực thi dân chủ, tinh thần sáng tạo, tự lực, tự cường, tạo ra phong trào hành động cách mạng của toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Triển khai sâu rộng nhiệm vụ xây dựng đạo đức đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực đạo đức phù hợp với từng đối tượng, xây dựng cơ chế giám sát về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Tổ chức thực hiện rộng khắp, có chiều sâu, thiết thực và hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu, xây dựng, tổng kết và truyền bá rộng rãi những giá trị mới của con người Việt

Nam trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc, đấu tranh chống lai căng, bắt chước, lệ thuộc nước ngoài.

Củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ và phương tiện để mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, giúp cho cộng đồng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có nhận thức và thái độ đúng đắn về đất nước ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

(...)

Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm rõ những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, những vấn đề cần bổ sung và phát triển cho phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại; đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với triển khai sâu rộng, có hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Tiếp tục làm sáng tỏ nhận thức, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, tập trung vào các vấn đề: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy và thực hành quyền dân chủ của nhân dân; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân, phân công và giám sát quyền lực trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa dân chủ và kỉ luật, kỉ cương; những biến đổi về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo, chiến lược phát triển giai cấp công nhân, chương trình phát triển nông thôn - nông nghiệp - nông dân, chiến lược chấn hưng giáo dục, phát triển khoa học, công nghệ và xây dựng đội ngũ trí thức; vấn đề tôn giáo, dân tộc và chủ nghĩa xã hội...

Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động thông tin đối ngoại. Tiếp tục tăng thời lượng phát thanh, truyền hình, báo điện tử ra các nước, các khu vực, đưa được nhiều thông tin và sản phẩm văn hoá có nội dung tốt đến đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế; tăng cường giới thiệu, quảng bá hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam đến nhiều nước trên thế giới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
số 13-CT/TW ngày 16 tháng 05 năm 2007
về lãnh đạo Đại hội Nông dân các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc
Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, nông dân cả nước, trong đó Hội Nông dân Việt Nam giữ vai trò nòng cốt đã phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu quan trọng. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển tương đối toàn diện, liên tục với mức tăng trưởng khá, đời sống của đại bộ phận nông dân được cải thiện, tình hình chính trị - xã hội ở nông thôn ổn định. Công tác xây dựng Hội và phong trào nông dân cả nước đạt được nhiều thành tích, đã không ngừng đoàn kết, tập hợp, thu hút, phát triển hội viên mới và tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trong nông dân, nhất là phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng. Hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất và đời sống ngày càng phát triển. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tham gia công tác hoà giải, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nông dân đã có tác dụng tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn nông thôn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là sau khi nước ta trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tổ chức và hoạt động của Hội còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong giai đoạn mới, nhằm phát huy vai trò "trung tâm, nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới", góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để lãnh đạo đại hội hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng tập trung chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ chính sau đây :

1- Chỉ đạo ban chấp hành hội nông dân các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội cấp mình : Xây dựng báo cáo tổng kết theo yêu cầu bám sát Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhất là những nội dung liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn, phát huy dân chủ

và trí tuệ tập thể của cán bộ, hội viên nông dân để đánh giá đúng thực trạng công tác hội và phong trào nông dân, làm rõ những thành tích nổi bật, những việc chưa làm được, phân tích sâu sắc những khuyết điểm, yếu kém và nguyên nhân, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm để đề ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện cho nhiệm kỳ sau, đưa phong trào nông dân tiến lên một bước mới, tích cực góp phần vào nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, xây dựng tổ chức các cấp hội trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng sinh hoạt, hoạt động của hội. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước.

Trong quá trình lãnh đạo đại hội các cấp Hội Nông dân Việt Nam, các cấp uỷ đảng cần kết hợp sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010 để chỉ đạo xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của hội nông dân cho sát hợp thời kỳ phát triển mới.

2- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng trong việc lựa chọn giới thiệu nhân sự ban chấp hành mới của hội theo tinh thần đổi mới, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, có tính kế thừa và phát triển. Cấp uỷ cùng cấp cần phân công, giới thiệu cấp uỷ viên để đại hội bầu vào ban chấp hành và giữ chức danh chủ chốt của hội.

3- Việc tổ chức đại hội phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

Thời gian đại hội cấp cơ sở, cấp huyện, thị và cấp tỉnh, thành phố tiến hành từ quý II-2007 đến Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V vào cuối quý IV-2008.

4- Các cấp uỷ đảng chỉ đạo các cơ quan chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể có liên quan ở Trung ương và địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tốt Đại hội.

5- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

số 18-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2007

về việc lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII

Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII sẽ tổ chức vào cuối quý III năm 2009. Đây là sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong bối cảnh nước ta đang tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, công cuộc đổi mới ngày càng toàn diện, đi vào chiều sâu hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng rộng mở, với nhiều thời cơ và thách thức mới. Trong bối cảnh đó, yêu cầu phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc có ý nghĩa rất quan trọng, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi vững chắc của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quá trình tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, là quá trình nâng cao nhận thức, hành động cách mạng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, đường lối chiến lược của Đảng về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (khoá X) đã đề ra.

Để tiếp tục củng cố, tăng cường và xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xứng đáng là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; là bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ và tổ chức đảng tập trung chỉ đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII, cụ thể cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Chỉ đạo Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chuẩn bị và tiến hành đại hội đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Về báo cáo tổng kết nhiệm kỳ: Cần đánh giá đúng tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nêu rõ những mặt làm được, chưa làm được, nguyên

nhân và bài học kinh nghiệm; chú ý biểu dương những nhân tố mới, những cách làm hay và phát hiện kịp thời những vấn đề mới đặt ra cần phải giải quyết trong nhiệm kỳ mới.

- Chương trình hành động của nhiệm kỳ mới cần bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, giải pháp đúng đắn, gắn liền với đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận ở từng cấp. Chương trình hành động phải thể hiện rõ vai trò của Mặt trận trong việc thực hiện đa dạng hoá các hình thức tập hợp và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước rộng khắp và có hiệu quả; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở các cấp; nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị đúng đắn, chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của các tầng lớp nhân dân; tham gia xây dựng hệ thống chính trị; hướng mạnh về cơ sở, khu dân cư. Coi trọng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động để Mặt trận các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí của mình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đại hội Mặt trận các cấp cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; để Đại hội toàn quốc xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, tình hình, nhiệm vụ mới.

- Việc chuẩn bị nhân sự Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ và cơ cấu thành phần theo quy định của Điều lệ Mặt trận, coi trọng tính tiêu biểu, tính đại diện và tính thiết thực; mở rộng thành phần là những cá nhân tiêu biểu, đại diện cho các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài; có đủ điều kiện hoàn thành nhiệm vụ của Uỷ viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình; tăng số uỷ viên là người ngoài Đảng hơn khoá trước (phần đầu ở Trung ương là trên 50%, ở các cấp địa phương là trên 30%) để Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng lớn nhất, là hình ảnh tiêu biểu nhất cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở mỗi cấp và trên phạm vi toàn quốc.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan Mặt trận các cấp theo hướng tinh gọn, đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp. Đồng thời coi trọng việc mở rộng và tạo điều kiện để phát huy đội ngũ cán bộ không chuyên trách, lực lượng cộng tác viên, thông qua hoạt động của các tổ chức tư vấn.

Các cấp uỷ Đảng phân công đồng chí uỷ viên thường vụ cấp uỷ làm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận và giới thiệu đề đại hội bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2- Coi trọng công tác tuyên truyền trong nước và tuyên truyền đối ngoại về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đối với kiều bào; về tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị ở nước ta; đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc về dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

3- Đảng đoàn Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ban cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện luật pháp và các văn bản pháp quy của Nhà nước về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho phù hợp với Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng.

4- Các cấp uỷ đảng chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung những quy định về chế độ, chính sách để phát huy vai trò, trách nhiệm, nâng cao năng lực hoạt động của cán bộ Mặt trận các cấp; chỉ đạo các cấp chính quyền, các đoàn thể phối hợp và tạo mọi điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tốt đại hội.

5- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban cán sự Đảng Chính phủ giúp Ban Bí thư theo dõi và tổ chức thực hiện Chỉ thị này; định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ Đảng

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2008
về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam
thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
(Trích)**

(...)

Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(...)

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, của tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân.

(...)

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hoá của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hoá: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; có giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao.

(...)

Xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp. Nghiên cứu việc quy định cơ cấu đại diện công đoàn vào thường vụ cấp uỷ ở những nơi có nhiều khu công nghiệp, đông công nhân.

Các cấp công đoàn cần hướng mạnh hoạt động về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy công nhân, viên chức, lao động làm đối tượng vận động, lấy chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu hoạt động.

Công đoàn cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, ý thức tự lực, tự cường, tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa cho công nhân; tập hợp trí tuệ của công nhân để tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi và thực hiện chính sách, pháp luật.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cơ sở, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, về trình độ chính trị, hiểu biết chính sách, pháp luật lao động và kỹ năng công tác.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 21-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2008
về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa
(Trích)**

(...)

Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận để chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng theo tinh thần xã hội hóa với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng, tự vươn lên. Tạo cơ hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trước hết là người còn khả năng lao động, tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu, cơ hội giáo dục, đào tạo, dạy nghề, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, văn hóa, thể thao. Sửa đổi, bổ sung chế độ trợ cấp xã hội dựa trên cơ sở tăng mức sống tối thiểu của toàn xã hội. Thực hiện các chương trình mục tiêu hướng ưu tiên vào đối tượng bảo trợ xã hội.

(...)

Nâng cao vai trò của các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

(...)

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH**

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 22-NQ/TW ngày 02 tháng 02 năm 2008**

**về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và
chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên**

(Trích)

(...)

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc vận động nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư; tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do hội đồng nhân dân cấp xã bầu ra.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự vững mạnh của các tổ chức trong hệ thống chính trị và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời thông báo để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia ý kiến. Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng phải kiểm tra, thẩm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Biểu dương, khen thưởng những tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc và tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm để nhân rộng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH**

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 22-NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2008**

**về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ
đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

(Trích)

(...)

Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Thanh niên là độ tuổi sung sức nhất về thể chất và phát triển trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, muốn tự khẳng định mình. Song, do còn trẻ, thiếu kinh nghiệm nên thanh niên cần được sự giúp đỡ, chăm lo của các thế hệ đi trước và toàn xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn đề cao vai trò, vị trí của thanh niên, xác định thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc. Đồng thời, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Qua mỗi thời kỳ, dù bất cứ hoàn cảnh nào các thế hệ thanh niên đều hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên nhằm chăm lo, bồi dưỡng và phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(...)

Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội.

Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chủ trương định hướng cho thanh niên hành động, xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo.

Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hàng năm của các cấp, các ngành.

Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới. Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là nội dung quan trọng của công tác đoàn để giáo dục, bồi dưỡng, động viên và phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hoá, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong công nghiệp trong lao động tập thể, trở thành những công dân tốt của đất nước. Cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, vươn lên ngang tầm thời đại. Hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành; được học tập, có việc làm, nâng cao thu nhập, có đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh.

(...)

Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng
(...)

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức kinh tế-xã hội và gia đình, phối hợp giáo dục, bồi dưỡng, phát huy thanh niên

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác thanh niên, mỗi đoàn thể phải có chương trình cụ thể về công tác thanh niên, quy chế phối hợp hoạt động với Đoàn và các tổ chức thanh niên, chú trọng công tác nữ thanh niên; phân công cán bộ làm công tác thanh niên; vận động đoàn viên, hội viên thuộc đoàn thể mình tham gia tập hợp, giáo dục thanh thiếu nhi; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

Phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể nhân dân các bậc lão thành cách mạng, các nhà hoạt động văn hóa xã hội, nhân sĩ, trí thức, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, doanh nghiệp và gia đình với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để chăm lo giáo dục, xây dựng ước mơ, hoài bão, bồi dưỡng và phát huy thanh niên.

Đề cao trách nhiệm của gia đình trong giáo dục, quản lý thanh niên, xây dựng gia đình hạnh phúc, là môi trường quan trọng hình thành nhân cách, giáo dục ý thức công dân, giữ gìn và phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc cho thanh thiếu nhi. Biểu dương các gia đình nuôi dạy con tốt, phê phán các gia đình không làm tốt nghĩa vụ giáo dục, quản lý con em. Gia đình tạo điều kiện, động viên con em là thanh niên tham gia hoạt động xã hội và cống hiến cho đất nước.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
số 28 ngày 02 tháng 12 năm 2008

về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

1- Sau 15 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VII), Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (Liên hiệp) đã có sự trưởng thành và phát triển. Quan hệ đối ngoại của Liên hiệp được mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá, góp phần củng cố và hình thành được mạng lưới bàn bè, đối tác quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới. Hoạt động hoà bình, đoàn kết hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước được đẩy mạnh; công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Liên hiệp được tăng cường, đóng góp có hiệu quả vào công tác đối ngoại nhân dân, công tác đối ngoại chung và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, phát triển và tiến bộ của nhân dân thế giới.

Tuy nhiên, Liên hiệp vẫn chưa phát huy được đầy đủ vai trò và lợi thế của mình trong hoạt động đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Chất lượng quan hệ đối tác tại một số địa bàn, công tác thông tin đối ngoại và hiệu quả của một số hoạt động đối ngoại còn hạn chế, công tác nghiên cứu nhìn chung còn bất cập. Một số hội thành viên chậm được kiện toàn, mô hình tổ chức của Liên hiệp ở nhiều địa phương chưa thống nhất. Quan hệ phối hợp giữa Liên hiệp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và tổ chức nhân dân trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân chưa chặt chẽ.

Thực tiễn đất nước trong 15 năm qua cho thấy sự đồng tình, ủng hộ, đoàn kết và hợp tác của nhân dân thế giới vẫn là nhân tố quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, công tác đối ngoại nhân dân vẫn luôn có vị trí ngày càng quan trọng trong việc thực hiện phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

2- Để phát huy vai trò của Liên hiệp, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trên và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, cần tiếp tục khẳng định Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có vai trò làm đầu mối phối hợp trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân, là đầu mối cho công tác phi chính phủ nước ngoài, là tổ chức làm công

tác chính trị đối ngoại và là bộ phận cấu thành của lực lượng đối ngoại chuyên trách của nước ta.

Liên hiệp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức chặt chẽ, được đảm bảo biên chế, kinh phí, các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ và các điều kiện, phương tiện làm việc của cơ quan thường trực. Các tổ chức thành viên của Liên hiệp được hỗ trợ kinh phí hoạt động.

3- Tiếp tục đổi mới các mặt công tác của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo phương châm “Chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả” với các nhiệm vụ chính sau:

- Tiếp tục mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối tác nhằm góp phần củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Phát triển quan hệ ổn định, có chiều sâu với các tổ chức nhân dân của các nước láng giềng, tại các địa bàn trọng điểm; củng cố quan hệ với các tổ chức bạn bè truyền thống, các tổ chức cánh tả, tiến bộ; mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân có thiện chí với Việt Nam.

- Tích cực, chủ động tham gia vận động, đấu tranh dư luận trên các vấn đề dân chủ, nhân quyền; quảng bá hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Tham gia công tác vận động, tập hợp người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc và các hoạt động nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt nam với các nước; góp phần đẩy hợp tác giữa Việt nam và các nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, vv.

- Tích cực tham gia các diễn đàn, hoạt động của nhân dân thế giới và các cơ chế khu vực và quốc tế vì lợi ích của đất nước, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, phát triển, công bằng, bền vững, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Chủ động vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt nhiệm vụ được giao trong công tác phi chính phủ nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu để làm tốt nhiệm vụ tham mưu về các vấn đề đối ngoại. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại, kịp thời phản ánh với Đảng và Nhà nước về dư luận nhân dân các nước và bạn bè quốc tế về Việt Nam.

- Động viên, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào các hoạt động đối ngoại nhân dân; góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức và hiểu biết quốc tế của quần chúng nhân dân; huy động sự đóng góp, tài trợ

trong và ngoài nước để hỗ trợ, mở rộng các hoạt động của Liên hiệp và các tổ chức thành viên của Liên hiệp.

- Hoạt động đối ngoại của Liên hiệp phải được tổ chức chặt chẽ, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng theo Quy chế về thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, vừa phát huy được tính chủ động, linh hoạt của đối ngoại nhân dân trên cơ sở các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo lợi ích quốc gia và phù hợp với các giá trị tiến bộ của nhân loại, vừa giữ vững nguyên tắc bảo vệ nội bộ, đảm bảo an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền quốc gia và bảo vệ, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tích cực kiện toàn, củng cố các tổ chức thành viên, nâng cao năng lực của cơ quan thường trực, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

4- Chính phủ quản lý về nhà nước đối với Liên hiệp theo quy định của pháp luật; đảm bảo các điều kiện vật chất và phương tiện cho công tác của Liên hiệp từ ngân sách nhà nước, đồng thời tạo cơ chế để Liên hiệp có thêm nguồn kinh phí bổ sung cho tổ chức và hoạt động của Liên hiệp.

5- Ban Đối ngoại Trung ương tham mưu, giúp Ban Bí thư trong việc chỉ đạo công tác đối ngoại của Liên hiệp.

Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao hướng dẫn, cung cấp thông tin và phối hợp với Liên hiệp trong quá trình triển khai các hoạt động đối ngoại liên quan.

Đảng Đoàn Liên hiệp báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư về phương hướng, kế hoạch công tác đối ngoại, về chủ trương đối với các hoạt động đối ngoại quan trọng, phức tạp và nhạy cảm của Liên hiệp và các tổ chức thành viên; lãnh đạo việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng trong toàn bộ hoạt động của Liên hiệp; lãnh đạo cơ quan thường trực và công tác cán bộ theo quy định.

6- Các Tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, các điều kiện đảm bảo hoạt động của tổ chức Liên hiệp ở địa phương và tổ chức thực hiện chỉ thị trong địa phương mình.

7- Các Ban Đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng Đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị thuộc phạm vi, lĩnh vực của ngành và đơn vị.

8- Đảng Đoàn Liên hiệp có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này.

Ban Đối ngoại Trung ương có trách nhiệm đôn đốc và kiểm tra việc quán triệt và thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008
về nông nghiệp, nông dân, nông thôn
(Trích)

(..)

Sau hơn 20 năm thực hiện đường đổi đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được thành tựu **khá toàn diện và to lớn**. Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất; nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ phân tán; năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng nhiều mặt hàng thấp. Công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề phát triển chậm, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh sản xuất hàng hoá. Nông nghiệp và nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường ngày càng ô nhiễm; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn còn thấp, tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; chênh lệch giàu, nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng còn lớn, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Những hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính: nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bất cập so với thực tiễn; chưa hình thành một cách có hệ thống các quan điểm lý luận về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực này thiếu đồng bộ, thiếu tính đột phá; một số chủ trương, chính sách không hợp lý, thiếu tính khả thi nhưng chậm được điều chỉnh, bổ sung kịp thời; đầu tư từ ngân sách nhà nước và các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tổ chức chỉ đạo thực hiện và công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, yếu kém; vai trò của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nhiều nơi còn hạn chế.

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

- Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và biển; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

2- Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát:

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. **Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại**, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu đến năm 2020:

- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thuỷ sản đạt 3,5 - 4%/năm; sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm và hiệu quả; duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay.

- Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là hệ thống thuỷ lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất lúa 2 vụ, mở rộng diện tích tưới cho rau màu, cây công nghiệp, cấp thoát nước chủ động cho diện tích nuôi trồng thuỷ sản, làm muối; đảm bảo giao thông

thông suốt 4 mùa tới hầu hết các xã và cơ bản có đường ô tô tới các thôn, bản; xây dựng cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và hạ tầng nghề cá; cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư, các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đảm bảo cơ bản điều kiện học tập chữa bệnh, sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn tiến gần tới mức các đô thị trung bình.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xoá đói, giảm nghèo; nâng cao trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Mục tiêu đến năm 2010:

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là ở các vùng còn nhiều khó khăn; tăng cường nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ tiên tiến, tạo bước đột phá trong đào tạo nhân lực; tăng cường công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt ở các huyện còn trên 50% hộ nghèo, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn. Triển khai một bước chương trình xây dựng nông thôn mới. Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thuỷ sản 3 - 3,5%/năm. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn mức bình quân của cả nước. Lao động nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội. Giảm tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới, cơ bản không còn hộ dân ở nhà tạm, tăng tỉ lệ che phủ rừng và tỉ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nhu cầu thị trường và lợi thế từng vùng, sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm, có hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia

trước mắt và lâu dài. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Phát triển sản xuất với quy mô hợp lý các loại nông sản hàng hoá xuất khẩu có lợi thế nông sản thay thế nhập khẩu. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, công nghệ sinh học, thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, thông tin hoá, thay thế lao động thủ công, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu để sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản.

Phát triển ngành trồng trọt, hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hoá đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hoá công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài và ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông nghiệp. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, địa phương và vùng trồng lúa. Xây dựng các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hoá tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của từng vùng; chú trọng phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở trung du, miền núi và Tây Nguyên; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh; phát triển sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp; tổ chức lại và hiện đại hoá cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm.

Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo, làm giàu rừng đến khai thác, chế biến lâm sản, bảo vệ môi trường cho du lịch sinh thái. Có cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia bảo vệ, phát triển rừng. Cho phép khai thác lợi ích kinh tế từ rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo nguyên tắc bền vững, lấy nguồn thu từ rừng để bảo vệ, phát triển rừng và làm giàu từ rừng. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trồng rừng thâm canh, hiện đại hoá công nghệ khai thác, chế biến nhằm nâng cao giá trị lâm sản, chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Triển khai có kết quả chương trình khai thác hải sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Cơ cấu lại lực lượng đánh bắt gần bờ, đồng thời có chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của ngư dân ven biển. Phát triển nhanh lực lượng khai thác xa bờ theo hướng đầu tư trang bị phương tiện và công nghệ hiện đại, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tàu thuyền theo quy hoạch, hệ thống thông tin liên lạc, tìm kiếm cứu nạn. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng, theo quy hoạch, phát huy lợi thế của từng vùng gắn với thị trường; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi, trồng, trước hết là thủy lợi; áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo; xây dựng hệ thống thú y thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, môi trường nuôi; hiện đại hoá các cơ sở chế biến, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn theo quy hoạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu và thị trường, đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, triển khai chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng các loại dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống của dân cư nông thôn.

2- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị

Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng, trước hết cho lúa, nuôi trồng thủy sản và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, cấp nước sinh hoạt cho dân cư và công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Xây dựng hồ chứa nước ở vùng thường xuyên bị khô hạn, phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp thủy điện ở miền núi. củng cố, xây dựng hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống ngăn lũ, thoát lũ. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi có hiệu quả, nâng hiệu suất sử dụng các công trình thủy lợi lên trên 80%.

Phát triển giao thông nông thôn bền vững gắn với mạng lưới giao thông quốc gia, bảo đảm thông suốt bốn mùa tới các xã và cơ bản có đường ô tô đến thôn, bản. Ưu tiên phát triển giao thông ở các vùng khó khăn để có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống đường đến các vùng trung du, miền núi và ven biển để phát triển công nghiệp và đô thị. Từng bước nâng cao chất lượng đường nông thôn; có cơ chế, chính sách đảm bảo duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Phát triển giao thông thủy, xây

dựng các cảng sông, nạo vét luồng lạch và các phương tiện vận tải sông, biển an toàn.

Cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt của dân cư nông thôn. Phát triển hệ thống bưu chính viễn thông, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho mọi vùng nông thôn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Xây dựng hệ thống chợ nông sản phù hợp với từng vùng.

Tập trung đầu tư cho các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở chuyển giao khoa học - công nghệ nông nghiệp đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; phát triển nhanh các trung tâm, trạm giống, cơ sở khuyến nông ở các huyện, xã. Nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường học; xây dựng các trung tâm, nhà văn hoá - thể thao tại thôn, xã.

Quy hoạch bố trí lại dân cư nông thôn gắn với việc quy hoạch xây dựng công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị ở các vùng. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng, chú ý các xã còn nhiều khó khăn ở miền núi, biên giới, bãi ngang, hải đảo. Phát triển mạng lưới thị trấn, thị tứ theo quy hoạch; tiếp tục thực hiện phương châm “Nhà nước và nông dân cùng làm”, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, xoá nhà tạm ở nông thôn, thực hiện chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí lại dân cư ra khỏi vùng bão, lũ, vùng sạt lở núi, ven sông, ven biển.

Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; chủ động triển khai một bước các công trình giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn, ngăn chặn và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đang ngày càng gia tăng.

3-Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm hài hoà giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Có kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề và chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đây

manh xuất khẩu lao động từ nông thôn; triển khai kế hoạch hợp tác sản xuất nông nghiệp với một số quốc gia có nhu cầu.

Tập trung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo thực hiện đồng bộ chiến lược về tăng trưởng và xoá đói, giảm nghèo. Đặc biệt quan tâm tới miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và các huyện, xã có tỉ lệ hộ nghèo trên 50%, các hải đảo, vùng bãi ngang. Nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số, giảm tỉ lệ sinh ở nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng các hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo. Thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân nông thôn. Rà soát, giảm thiểu các khoản đóng góp có tính chất bắt buộc đối với nông dân. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở.

Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện của nhân dân, không để gây thành những điểm nóng ở nông thôn. Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực và vị thế của phụ nữ ở nông thôn.

4- Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

Tiếp tục tổng kết, đổi mới và xây dựng các mô hình kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn. Có chính sách khuyến khích phát triển các mối liên kết giữa hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm để hỗ trợ kinh tế hộ phát triển theo hướng gia trại, trang trại có quy mô phù hợp, sản xuất hàng hoá lớn.

Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường; hỗ trợ kinh tế tập thể về đào tạo cán bộ quản lý, lao động; tiếp cận các nguồn vốn, trợ giúp kỹ thuật và

chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và các dự án phát triển nông thôn; hợp tác xã phải làm tốt các dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp. Đổi mới căn bản việc tổ chức quản lý nông, lâm trường quốc doanh. Thực hiện tốt việc giao khoán đất, vườn cây cho người lao động, nông, lâm trường quốc doanh chuyên sang làm tốt các dịch vụ cho người nhận khoán và nông dân trong vùng, nhất là hướng dẫn kỹ thuật, dịch vụ vật tư, tiêu thụ và chế biến sản phẩm. Rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi đất rừng sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của đơn vị, giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng có hiệu quả.

Tạo môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông thôn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động nông nghiệp tại chỗ, doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân. Phát triển mạnh doanh nghiệp công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu... phục vụ nông nghiệp.

5- Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn

Tăng đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ để nông nghiệp sớm đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực; ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để chọn, tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình nuôi trồng, bảo quản, chế biến, tạo đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Xây dựng các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để khai thác, phát huy tốt các nguồn lực khoa học - công nghệ, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ; thu hút thanh niên, trí thức trẻ về nông thôn, nhất là các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hoá. Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác ở nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; đào tạo nghề cho bộ phận con em nông dân để chuyển nghề, xuất khẩu lao động; đồng thời tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở. Hình thành chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo hàng

năm đào tạo khoảng 1 triệu lao động nông thôn. Thực hiện tốt việc xã hội hoá công tác đào tạo nghề.

6- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

Sửa đổi Luật Đất đai theo hướng: Tiếp tục khẳng định đất đai là sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch để sử dụng có hiệu quả; giao đất cho hộ gia đình sử dụng lâu dài; mở rộng hạn mức sử dụng đất, thúc đẩy quá trình tích tụ đất đai; công nhận quyền sử dụng đất được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất, kinh doanh. Ban hành chính sách định giá bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và của Nhà nước trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Có cơ chế khuyến khích những tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thành lập công ty, vào các dự án đầu tư, kinh doanh khi có đất bị thu hồi. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề đất ở, nhà ở, việc làm cho người bị thu hồi đất; có quy hoạch và cơ chế bảo vệ vững chắc đất trồng lúa.

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu đầu tư ngân sách, giảm bớt đầu tư cho các công trình có thể thu hồi vốn để tạo nguồn, tăng đầu tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; tăng mạnh đầu tư ngân sách nhà nước ngay từ năm 2009 và đảm bảo 5 năm sau cao gấp 2 lần 5 năm trước. Có cơ chế điều tiết, phân bổ đầu tư ngân sách nhà nước đảm bảo lợi ích của các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương thuần nông, nhất là chuyên trồng lúa. Thực hiện rộng rãi cơ chế đấu thầu quyền khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên gắn với việc tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên.

Tăng cường phân cấp thu chi ngân sách cho các địa phương, bao gồm cả cấp huyện và xã; tăng cường hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản hàng hoá; tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi và khuyến khích các ngân hàng, định chế tài chính cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kể cả huy động vốn ODA và FDI.

Tiếp tục thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; có biện pháp bảo vệ thị trường nội địa, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản phù hợp với luật pháp quốc tế; nghiên cứu ban hành chính sách giá cả nông sản, nhất là giá lúa phù hợp trong quan hệ so sánh với hàng công nghiệp, bảo đảm lợi ích của người sản xuất nông nghiệp, giải quyết hài hoà lợi ích của người sản

xuất và người tiêu dùng. Tăng cường hệ thống dự trữ quốc gia, nhất là lương thực.

7- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là hội nông dân

Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của đảng bộ, chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương, nhất là cấp huyện, xã và các lĩnh vực khác ở nông thôn. Tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức xã. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; tạo cơ chế và điều kiện thuận lợi cho Hội Nông dân Việt Nam trong việc trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của nông dân, hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

Chăm lo xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

8- Những nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện tới năm 2010

Để đạt được mục tiêu do Đại hội Đảng lần thứ X đề ra tới năm 2010, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính sau đây:

- Hoàn thành cơ bản việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đất đai, quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp, khu công nghiệp và quy hoạch chuyên ngành theo vùng. Triển khai nhanh công tác quy hoạch xây dựng nông thôn gắn với quy hoạch phát triển đô thị.

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2003, Luật Ngân sách Nhà nước và các luật khác có liên quan. Bổ sung, hoàn thiện các chính sách về tăng cường nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

- Đảm bảo tiến độ các công trình xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai; thực hiện một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nhất là nước biển dâng; khống chế, dập tắt kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng. Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nhân lực ở nông thôn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn nông thôn, nhất là xoá đói, giảm nghèo ở các huyện, xã có tỉ lệ hộ

nghèo trên 50%. Khắc phục nhanh những vấn đề bức xúc ở nông thôn, trước hết là những tồn tại liên quan tới vấn đề thu hồi đất. Triển khai chương trình “xây dựng nông thôn mới”, trong đó thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đi trước một bước.

- Tổ chức tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn nông thôn; củng cố bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp.

III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân để giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn đồng bộ với các nghị quyết khác của Đảng trên địa bàn nông thôn.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung Nghị quyết.

Ban cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ căn cứ vào Nghị quyết triển khai các nhiệm vụ cụ thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các cấp uỷ, các tổ chức đoàn thể quần chúng phát động phong trào thi đua yêu nước, tham gia tích cực thực hiện Nghị quyết, xây dựng và triển khai các chương trình “xây dựng nông thôn mới”; “bảo tồn và phát triển làng nghề” “đào tạo nguồn nhân lực”; “phát triển kinh tế hợp tác” trong nông thôn. Định kỳ sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình tốt, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích; xử lý trách nhiệm của các cấp uỷ, người đứng đầu không thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết./.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

số 29-CT/TW ngày 21 tháng 1 năm 2009

về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 41 của Bộ Chính trị khóa IX Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
(Trích)

(...)

Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền về bảo vệ môi trường; đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, làm cho nhân dân hiểu rõ hậu quả trước mắt cũng như lâu dài của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người, đời sống xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước; những bài học và kinh nghiệm về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của các nước trong khu vực và trên thế giới; công bố công khai những tổ chức, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và hình thức xử lý. Đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình, sách giáo khoa của hệ thống giáo dục quốc dân. Coi trọng việc phát động phong trào bảo vệ môi trường trong các tầng lớp nhân dân. Xây dựng tiêu chí về môi trường vào đánh giá hoạt động của từng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, gia đình, làng, bản, khu phố, tập thể, cá nhân, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Phát hiện, nhân rộng và tuyên truyền các mô hình, điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường. Duy trì và phát triển giải thưởng môi trường hàng năm.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
số 31-NQ/TW ngày 02 tháng 02 năm 2009
về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị
quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng
(Trích)**

I- Tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008)

(...)

1- Kinh tế cơ bản ổn định và duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao; năng lực sản xuất và quy mô tổng sản phẩm trong nước tăng lên, kết cấu hạ tầng tiếp tục được cải thiện. Huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt cao. Các thành phần kinh tế đều có bước phát triển. Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá, kiện toàn các tổng công ty, thí điểm thành lập một số tập đoàn kinh tế nhà nước ở các lĩnh vực then chốt, từng bước nâng cao hiệu quả, là công cụ quan trọng của Nhà nước điều tiết nền kinh tế, củng cố một bước vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện. Giáo dục - đào tạo được quan tâm nhiều hơn và đạt được một số tiến bộ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ có đóng góp ngày càng tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, mức độ hưởng thụ các dịch vụ y tế của người dân tăng lên. Văn hoá, thông tin, thể thao tiếp tục phát triển. Giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với người có công với nước và các chính sách an sinh xã hội đạt kết quả tích cực. Công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường được chú trọng nhiều hơn, bước đầu đạt được một số kết quả.

(...)

Các chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được triển khai rộng rãi, có kết quả. Công tác dân vận được coi trọng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, chú trọng hướng về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tổ chức được nhiều phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả.

Nhìn một cách tổng quát, trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua, Nghị quyết Đại hội X đã được triển khai thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được đẩy mạnh, có chuyển biến tích cực. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, phát huy. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực; nền kinh tế cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao, an sinh xã hội được chăm lo nhiều hơn. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên. Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Đã đạt hoặc gần đạt được nhiều chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

2- Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn thấp so với khả năng, tiềm lực của đất nước. Ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, còn tiềm ẩn các yếu tố mất ổn định. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm cải thiện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Huy động và sử dụng các nguồn nội lực và ngoại lực vào phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, hiệu quả còn thấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 chậm lại. Chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực.

(...)

Tình hình vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước còn diễn ra ở nhiều nơi. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt còn lúng túng. Kết quả cải cách hành chính, cải cách tư pháp đạt được còn hạn chế. Nhiều nội dung trong chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được thực hiện đầy đủ. Công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đổi mới chậm. Một số chỉ tiêu quan trọng của Đại hội đạt được còn thấp, đòi hỏi trong thời gian tới phải có sự nỗ lực phấn đấu rất cao mới có thể hoàn thành được.

(...)

3- Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ đã mang lại nhiều kinh nghiệm. Trong bối cảnh tình hình chính trị và kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp, để đất nước phát triển ổn định, bền vững, đòi hỏi phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; phải phát huy cao nội lực có ý nghĩa quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực có ý nghĩa quan trọng, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, quan tâm bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội; phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

(...)

II- Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp từ nay đến Đại hội XI của Đảng

Từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội X, tình hình khu vực và thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế ở nhiều nước trên thế giới thời gian tới còn diễn biến phức tạp; sự suy giảm vai trò của Mỹ và xu hướng hình thành thế giới đa cực ngày càng rõ sẽ tác động, ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị và kinh tế thế giới trong những năm tới.

(...)

Tạo chuyển biến rõ rệt hơn nữa trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết, thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, phương thức lãnh đạo khoa học, đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; đẩy mạnh thi đua yêu nước, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp lớn đã được Nghị quyết Đại hội X của Đảng, các nghị quyết Trung ương, kết luận của Bộ Chính trị (khoá X) đề ra, trong đó, tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây :

(...)

Phát triển mạnh mẽ thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". (...)

Phát huy dân chủ, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy dân chủ; tiếp tục cụ thể hoá bằng pháp luật các quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp quy định;

nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường, nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tập trung cho cơ sở, đa dạng hoá hình thức tập hợp và phát huy tối đa mọi năng lực các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nhất là ở cơ sở.

(...)

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
số 35-CT/TW ngày 8 tháng 5 năm 2009
về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số

Bác Hồ lúc sinh thời, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức hai Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số (DTTS) ở hai miền Bắc và Nam. Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của năm 2010, Ban Bí thư quyết định tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam. Đây là sự kiện chính trị - xã hội quan trọng trong đời sống cộng đồng các dân tộc Việt Nam; nhằm tiếp tục tổng kết, đánh giá công tác dân tộc, khẳng định đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; khẳng định, tôn vinh và biểu dương công lao đóng góp to lớn của các DTTS đối với thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam. Đại hội là diễn đàn giao lưu, trao đổi, tạo sự đồng thuận và niềm tin vững chắc của đồng bào các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Đây cũng là nguyện vọng chính đáng của đồng bào các DTTS trong cả nước. Đại hội là biểu tượng sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, thống nhất ý chí và hành động vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quá trình tiến hành đại hội đại biểu các DTTS các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đặc biệt đối với vùng DTTS. Đồng thời là dịp để tiếp tục nâng cao nhận thức, hành động cách mạng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, đường lối chiến lược của Đảng về chính sách dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để tổ chức đại hội đại biểu các DTTS các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Quán triệt sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức đại hội đại biểu các DTTS các cấp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm phát huy truyền thống yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tạo khí thế thi đua sôi nổi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thiết thực lập thành tích chào mừng đại hội đảng các

cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và các sự kiện chính trị, lịch sử lớn của đất nước.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc. Chú trọng tuyên truyền trong nước và tuyên truyền đối ngoại về kết quả thực hiện chính sách dân tộc và đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Ban tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan có kế hoạch chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền về đại hội đại biểu các DTTS các cấp.

3. Đại hội đại biểu các DTTS Việt Nam được tổ chức ở cấp huyện, tỉnh và cấp trung ương. Việc tổ chức đại hội đại biểu các DTTS các cấp phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Thời gian đại hội đại biểu ở huyện, tỉnh từ quý III đến quý IV năm 2009; Đại hội đại biểu toàn quốc sẽ tiến hành vào tháng 5 năm 2010 (vào dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương căn cứ tinh thần Chỉ thị này thành lập ban chỉ đạo đại hội đại biểu các DTTS các cấp. Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, lãnh đạo Uỷ ban Dân tộc làm Phó trưởng ban thường trực, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan. Ban Chỉ đạo Đại hội cấp tỉnh, cấp huyện do đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch uỷ ban nhân dân làm trưởng ban, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các cơ quan liên quan trực thuộc tỉnh, huyện.

4. Đây là Đại hội nhằm tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội qua các thời kỳ cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Do vậy, các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo việc giới thiệu, chọn cử đại biểu tham dự đại hội các cấp bảo đảm thực sự tiêu biểu, xuất sắc, đại diện cho các DTTS, các thành phần, các giới, các thế hệ, lĩnh vực, vùng miền. Việc bình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích phải có tác dụng động viên, lôi cuốn phong trào, theo đúng Luật Thi đua-Khen thưởng và các quy định hiện hành.

5. Giao Ban cán sự đảng Uỷ ban Dân tộc chủ trì xây dựng đề án Đại hội, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện; chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn,

kiểm tra, đôn đốc cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp triển khai tổ chức Đại hội.

6. Từ năm 2010 trở đi, định kỳ 10 năm tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam một lần.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 62-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2009
về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt
Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội
(Trích)

(...)

Về nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội trong thời gian tới:

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Đảng, chính quyền đối với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội:

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và toàn bộ hệ thống chính trị về nhiệm vụ lãnh đạo, xây dựng tổ chức MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về tổ chức, hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các giai tầng xã hội.

- Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và vai trò làm chủ của nhân dân thông qua MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy đảng tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, công tác mặt trận và các đoàn thể. Đưa nội dung lãnh đạo xây dựng MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh thành một trong những tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng các cấp.

2. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân

- Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động của MTTQ Việt Nam với các đoàn thể chính trị - xã hội, tránh chồng chéo, hình thức; phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động, phong trào. Xây dựng, cổ vũ, động viên kịp thời và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Chú trọng sơ kết, tổng kết các phong trào, các cuộc vận động; tham mưu, kiến nghị với Đảng, Nhà nước bổ sung chủ trương, chính sách về công tác vận động nhân dân; xây dựng và phát huy vai trò những người tiêu biểu trong cộng đồng dân cư.

3. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở; phát huy quyền chủ động, sáng tạo của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác vận động nhân dân phù hợp với đặc điểm địa phương, cơ sở

- MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội làm nòng cốt trong việc phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm công dân trong các tầng lớp nhân dân

- Xây dựng, củng cố, hoàn thiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở; coi trọng và sử dụng rộng rãi hoạt động tư vấn trong công tác của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp; chủ động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới chính sách, chế độ đối với cán bộ MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong thời kỳ mới

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ hoạt động chuyên trách của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn. Coi trọng việc kết hợp, phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và cộng tác viên. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động nhân dân. Chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, địa bàn dân cư.

- Xây dựng tiêu chuẩn chức danh; bổ sung chế độ, chính sách đối với cán bộ MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới; chú trọng bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển cán bộ; coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác vận động cho cán bộ MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, thôn, ấp, làng, bản, phum, sóc, khu phố.

(...)

5. Tăng cường công tác dân vận của chính quyền các cấp; thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa chính quyền các cấp với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy chế phối hợp, chương trình công tác giữa UBND với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

- Nhà nước đảm bảo kinh phí và điều kiện hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với thực tiễn công tác vận động nhân dân và phong trào thi đua yêu nước hiện nay.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, phát huy tính năng động, sáng tạo của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy đảng và người đứng đầu thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân; xây dựng và ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị .

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, định kỳ cấp ủy đảng các cấp làm việc, nghe báo cáo tình hình và định hướng hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 304-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010
về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1987
của Ban Bí thư (khóa VI) về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích
cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Ngày 27 tháng 1 năm 2010, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1987 của Ban Bí thư (khóa VI) về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến kết luận như sau:

1. Qua 22 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VI), thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội nhân đạo của Đảng và Nhà nước, hoạt động nhân đạo và từ thiện của các tổ chức, cá nhân tiếp tục phát triển sâu rộng. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với vai trò nòng cốt trong các hoạt động của tổ chức nhân đạo đã phát triển vững mạnh, rộng khắp trong cả nước.

Ban Bí thư đồng ý việc tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VI). Báo cáo trình Hội nghị tổng kết cần đánh giá sâu sắc những mặt được và chưa được để từ đó xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ công tác nhân đạo và từ thiện trong tình hình mới.

Cần lấy ý kiến (bằng văn bản) của các cơ quan liên quan, như: Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và gửi lấy ý kiến của các đại biểu dự Hội nghị tham gia dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động nhân đạo và phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong tình hình mới.

Sau Hội nghị, Ban Dân vận Trung ương báo cáo kết quả Hội nghị với Ban Bí thư.

2. Việc tổ chức Hội nghị cần tiết kiệm, thiết thực; số lượng đại biểu không quá 250 người; thời gian trong quý I-2010; địa điểm tại Thủ đô Hà Nội.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 305-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010
Về kết quả thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995 của
Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi

Ngày 27 tháng 1 năm 2010, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi và ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến kết luận như sau:

Người cao tuổi Việt Nam là lớp người có vai trò, vị trí quan trọng đối với gia đình và xã hội, đã có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Người cao tuổi cần được chăm sóc và phát huy trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau hơn 14 năm thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995 của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc người cao tuổi, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức Hội Người cao tuổi Việt Nam ngày càng phát triển, tập hợp đông đảo người cao tuổi trong cả nước vào sinh hoạt, đóng góp thiết thực vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, được các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân tin cậy, đánh giá cao.

Tuy nhiên, công tác chăm sóc và phát huy người cao tuổi chưa đồng đều và rộng khắp. Hoạt động của Hội còn hạn chế về nội dung, hình thức và hiệu quả. Một số nơi, hội người cao tuổi ở cơ sở mới chỉ tập trung chủ yếu vào hoạt động tình nghĩa, chăm sóc sức khỏe hội viên. Công tác xã hội hóa chăm sóc, phát huy người cao tuổi tuy đã được quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tham gia thực hiện nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, yếu kém là do nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành về người cao tuổi và tổ chức hội người cao tuổi còn chưa đầy đủ.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi. Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về việc chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Thực hiện nghiêm túc Luật người cao tuổi đã được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật người cao tuổi.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đưa công tác người cao tuổi và xây dựng hội người cao tuổi vào chương trình làm việc thường xuyên trong công tác vận động quần chúng; lãnh đạo và phối hợp chặt chẽ hoạt động với hội người cao tuổi trong các phong trào, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về người cao tuổi, thực hiện có kết quả Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2010 - 2020; tạo điều kiện thuận lợi để Hội phát triển ngày càng vững mạnh, hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước; tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, ban hành và thực hiện các chế độ, chính sách cần thiết đối với người cao tuổi và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam cho phù hợp với điều kiện mới.

4. Hội Người cao tuổi Việt Nam cần nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng Hội đủ sức làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi; phong trào "Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo"; có kế hoạch tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến để nhân rộng và nâng cao chất lượng phong trào thi đua; vận động người cao tuổi Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

5. Về đề nghị khen thưởng huân chương bậc cao cho Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội cần làm các thủ tục cần thiết theo Luật thi đua - khen thưởng để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Bí thư việc thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 306-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010
kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW về "Tăng cường
công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn
định và tiến bộ trong doanh nghiệp"

Sau khi nghe Báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng kết quả kiểm tra tình hình một năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW, ngày 5 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư (khóa X) về "Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp" (Báo cáo số 423-BC/VPTW, ngày 11 tháng 1 năm 2010), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Ban Bí thư và Quyết định 1129/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW; đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động theo Quyết định số 31/2009/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 2 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quan tâm giải quyết các kiến nghị qua kiểm tra của Văn phòng Trung ương Đảng:

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Bộ luật lao động và Luật công đoàn; sửa đổi đồng bộ một số quy định của các luật có liên quan đến pháp luật lao động và quan hệ lao động; khắc phục những hạn chế của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động hiện nay, bảo đảm sự hỗ trợ của công đoàn cấp trên trong việc xây dựng thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động, xác lập được khung pháp lý về quyền đại diện cho người lao động của tổ chức công đoàn. Nghiên cứu xây dựng Luật tiền lương tối thiểu và Luật việc làm.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh triển khai chương trình xây dựng nhà ở và phát triển các công trình văn hóa công cộng, tăng cường các hoạt động văn hóa tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân lao động.

- Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu mô hình thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ chế

cộng tác viên của Thành phố Hồ Chí Minh; mô hình thành lập chi bộ cơ động tại các huyện ủy và các khu công nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; trên cơ sở đó tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng ra các địa phương khác.

- Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo việc tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thanh tra lao động; phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo kiện toàn bộ máy và biên chế thanh tra lao động ở các địa phương, trước mắt ở những địa phương có nhiều doanh nghiệp và khu công nghiệp; xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước về tình trạng vi phạm pháp luật lao động của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu việc sử dụng đa dạng và linh hoạt thiết chế trọng tài lao động; tăng cường năng lực của trọng tài lao động cấp tỉnh.

- Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp chỉ đạo việc nghiên cứu thủ tục pháp lý, tạo điều kiện giải quyết tranh chấp lao động tại tòa án thuận lợi, phù hợp với đặc điểm của quan hệ lao động; nâng cao chất lượng xét xử tại tòa án.

- Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đẩy nhanh tiến độ xây dựng tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp; chỉ đạo việc nghiên cứu thí điểm thành lập tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở là công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất, trước hết là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất xảy ra nhiều tranh chấp lao động và đình công trong thời gian qua.

- Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì, phối hợp với đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo việc nghiên cứu xây dựng tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng thí điểm mô hình tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo làm tốt công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Quy định cụ thể, rõ ràng về cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước trong quan hệ lao động.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký : TRƯỜNG TẤN SANG

QUY CHẾ
ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
(Kèm theo Quyết định số 286-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010
của Bộ Chính trị (khóa X)
(Trích)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG
(...)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là cán bộ).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

(...)

2. "Người đứng đầu trực tiếp" là người được bầu, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ cấp trưởng trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, trực tiếp quản lý, giao việc cho cán bộ, công chức.

(...)

5. "Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền" là cơ quan chuyên trách làm công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, trực tiếp tham mưu cho cấp có thẩm quyền quyết định đối với cán bộ, công chức.

(...)

Điều 6. Nội dung đánh giá

1. Mức độ thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao: thể hiện ở khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả của công việc trong từng vị trí, từng thời gian; tinh thần trách nhiệm trong công tác.

2. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

- Nhận thức, tư tưởng chính trị; việc chấp hành chủ trương, đường lối và quy chế, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác.

- Tinh thần học tập nâng cao trình độ; tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần tự phê bình và phê bình.

- Đoàn kết, quan hệ trong công tác; mối quan hệ, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân.

3. Chiều hướng và triển vọng phát triển.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

số 287-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010

chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ)
(Trích)

(...)

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng
(...)

2. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp; phát huy quyền làm chủ của các thành viên trong doanh nghiệp, thực hiện công khai, minh bạch về kế hoạch và kết quả sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính, phân phối lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực, nhất là trong hợp đồng liên doanh, liên kết, xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư...

3. Lãnh đạo đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của doanh nghiệp theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

(...)

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần kiệm và tình

đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong doanh nghiệp để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Tuyên truyền, vận động làm cho cán bộ, đảng viên, các cổ đông, người lao động hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của doanh nghiệp; động viên các thành viên trong doanh nghiệp tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp công nhân, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

3. Lãnh đạo đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

(...)

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Cấp ủy lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

(...)

3. Làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

(...)

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, CHỦ TỊCH CÔNG TY), TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc)

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy lãnh đạo tạo sự đồng thuận trong doanh nghiệp để hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Cấp ủy lãnh đạo

xây dựng điều lệ công ty, quy chế làm việc, xác định rõ mối quan hệ công tác, bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể chính trị - xã hội, chức năng quản lý của hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty) và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của tổng giám đốc (giám đốc); định kỳ thông báo với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp. Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

(...)

3. Bí thư cấp ủy, chủ tịch hội đồng quản trị (chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty), tổng giám đốc (giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí; vi phạm chính sách, pháp luật, vi phạm các chính sách đối với người lao động và các tiêu cực khác.

(...)

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

số 288-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010

**chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần,
công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn
điều lệ trở xuống (gọi chung là công ty)
(Trích)**

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng và tuyên truyền, vận động các thành viên trong công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; tham gia xây dựng và lãnh đạo công ty phát triển bền vững, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty, các cổ đông và người lao động, góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng (...)

2. Cấp ủy lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện có hiệu quả nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) và các nhiệm vụ được giao theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo toàn và phát triển vốn của công ty, của Nhà nước; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, cổ đông và người lao động. Lãnh đạo, vận động các thành viên trong công ty thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội và giữ gìn trật tự an toàn trong công ty.

3. Phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc)... lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế, quy định của công ty; thực hiện chế độ thông tin và đảm bảo quyền được thông tin của đảng viên; phát huy vai trò làm chủ của người lao động, đoàn kết đảng viên, quần chúng vì mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh của công ty; ngăn ngừa, đấu tranh khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp

luật làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, công ty, cổ đông và người lao động.

(...)

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng trong công ty hiểu và tự giác chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; phát huy truyền thống yêu nước và ý thức trách nhiệm của công dân; nâng cao giác ngộ giai cấp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của người lao động; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trong công ty.

2. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng trong công ty rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong lao động. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong công ty để phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) giải quyết.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể chính trị - xã hội trong công ty vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi đoàn thể; tạo điều kiện để người lao động tham gia các đoàn thể quần chúng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện tốt các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), hội nghị người lao động, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật.

Điều 5. Về công tác tổ chức, cán bộ

(...)

3. Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

(...)

2. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; lãnh đạo việc học tập và làm theo tám gương

đạo đức Hồ Chí Minh. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trái với đạo đức, tư cách của người đảng viên, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng.

3. Cấp ủy phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên; xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên; thực hiện việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với đảng ủy, chi ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Thường xuyên chăm lo công tác tuyên truyền, phát triển đảng viên. Chú trọng phát triển đảng viên trẻ trong công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của công ty, trong cán bộ, đoàn viên công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

5. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

(...)

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN), TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc)

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy lãnh đạo tạo sự đồng thuận trong doanh nghiệp để hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Cấp ủy chủ động phối hợp với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) xây dựng và lãnh đạo thực hiện điều lệ công ty, các quy định, quy chế phối hợp, trong đó xác định rõ mối quan hệ công tác, bảo đảm vai trò lãnh đạo chính trị của tổ chức đảng, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể quần chúng, chức năng quản lý của hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh của tổng giám đốc (giám đốc).

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy chủ động trao đổi với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) về việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng; ý kiến của cán bộ, đảng viên, người lao động về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong công ty. Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) trao đổi với cấp ủy về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của công ty và phương hướng, nhiệm vụ sắp tới để cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện. Đảng viên là thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) phải báo cáo với cấp ủy về những nội dung trên để cấp ủy lãnh đạo thực hiện.

(...)

34. Bí thư cấp ủy phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong công ty; chủ tịch hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng (nếu là đảng viên) khi để xảy ra các vi phạm chính sách, pháp luật, tham nhũng, lãng phí trong tổ chức hoạt động của công ty; trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và các tiêu cực khác.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

QUY CHẾ
CÁN BỘ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Quyết định số 289-QĐ/TW,
ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Ban Bí thư)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho những đối tượng sau đây thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (gọi tắt là cán bộ đoàn):

1. Những người giữ chức danh bí thư chi đoàn, phó bí thư, bí thư đoàn cấp cơ sở trở lên.
2. Những người làm việc trong các cơ quan chuyên trách của Đoàn và trực tiếp làm công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi từ cấp huyện và tương đương trở lên.
3. Trợ lý thanh niên, cán bộ ban thanh niên trong Quân đội nhân dân; ủy viên ban công tác thanh niên các cấp trong Công an nhân dân.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các nội dung liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Quy chế này được áp dụng trong hệ thống Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, doanh nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cấp ủy đảng" là chi ủy, đảng ủy, thường vụ cấp ủy và gồm cả ban cán sự đảng, đảng đoàn.
2. "Tập thể lãnh đạo" là tập thể có thẩm quyền trong công tác cán bộ, gồm cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
3. "Đoàn cấp tỉnh" gọi chung cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương.
4. "Đoàn cấp huyện" gọi chung cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các huyện (quận, thị xã, thành phố) ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương.
5. "Đoàn cấp cơ sở" gọi chung cho đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở.
6. "Cán bộ đoàn chuyên trách" là những người được hưởng lương để chuyên làm công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi.

Điều 4. Quan điểm, nguyên tắc

1. Công tác cán bộ đoàn là một bộ phận quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng, nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ đoàn, đồng thời tạo nguồn bổ sung cán bộ cho hệ thống chính trị.

2. Công tác cán bộ đoàn có tính đặc thù riêng, do vậy cán bộ đoàn đòi hỏi có độ tuổi sát với độ tuổi thanh niên; thời gian giữ chức vụ ngắn; có sự thay đổi nhanh nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ đoàn và quản lý đội ngũ cán bộ đoàn, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với công tác cán bộ đoàn.

4. Cấp ủy đảng chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ đoàn và quản lý cán bộ đoàn theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; cùng với tập thể lãnh đạo chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên trong việc bố trí, sử dụng, điều động, luân chuyển chức danh bí thư, phó bí thư đoàn cùng cấp.

Chương II

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁN BỘ ĐOÀN

Điều 5. Nghĩa vụ của cán bộ đoàn

1. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhân dân Việt Nam; kiên định mục tiêu và lý tưởng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; xung kích đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân; đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; gương mẫu chấp hành Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, sự phân công của tập thể lãnh đạo, ban thường vụ đoàn cùng cấp và sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đoàn cấp trên.

3. Tận tụy với công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; tôn trọng và liên hệ mật thiết với đoàn viên, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và nhân dân. Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

4. Tích cực học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện sức khỏe và kỹ năng công tác đoàn.

5. Cán bộ đoàn ở mỗi cấp, mỗi địa phương, đơn vị phải là tấm gương cho đoàn viên và thanh niên noi theo.

Điều 6. Quyền của cán bộ đoàn

1. Được thông tin đầy đủ, được tham gia ý kiến với cấp ủy đảng, lãnh đạo, người sử dụng lao động về chủ trương, kế hoạch triển khai nhiệm vụ của

cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan đến công tác đoàn và công tác thanh thiếu nhi.

2. Được bố trí thời gian thích hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức và tham gia các hoạt động của Đoàn.

3. Được ưu tiên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh... để phục vụ công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi và các nhiệm vụ công tác khác.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định chung của Đảng, Nhà nước và theo Quy chế này.

5. Được bố trí công tác phù hợp khi quá tuổi làm cán bộ đoàn.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁN BỘ ĐOÀN

Điều 7. Tiêu chuẩn chung

Tiêu chuẩn cán bộ đoàn được cụ thể hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) là:

1. Có tinh thần yêu nước, trung thành với Tổ quốc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, không cơ hội; nhiệt tình, năng động, sáng tạo, có khả năng tổ chức tập hợp, gắn bó mật thiết và được sự tín nhiệm của đoàn viên, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và nhân dân.

3. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; trình độ học vấn, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học phù hợp với yêu cầu của vị trí công tác được giao; trưởng thành từ phong trào đoàn, hội, đội hoặc tham gia hoạt động phong trào thanh thiếu nhi hoặc đã được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức công tác thanh vận.

4. Có sức khỏe tốt; ngoại hình phù hợp với công tác thanh vận; tuổi cán bộ đoàn được quy định theo cương vị được giao và có thể hơn từ 1 đến 2 tuổi để phù hợp với yêu cầu công tác cụ thể.

Điều 8. Tiêu chuẩn Bí thư Trung ương Đoàn và Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn

1. Bí thư Trung ương Đoàn

a) Nắm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng

đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; có tư duy chiến lược về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; là cán bộ tiêu biểu trên các lĩnh vực công tác, có phong cách lãnh đạo, khả năng điều hành tốt công việc.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 40 tuổi và giữ chức vụ không quá 42 tuổi.

d) Đã kinh qua thực tiễn công tác một trong các cương vị:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Trung ương.

- Bí thư, phó bí thư đoàn cấp tỉnh.

- Trưởng, phó các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Đoàn.

Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn phải là tấm gương tiêu biểu trong Đoàn và đối với thanh niên cả nước; độ tuổi do cấp quản lý quyết định theo yêu cầu công tác.

2. Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn

a) Năm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; có phong cách lãnh đạo, khả năng điều hành tốt công việc.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 37 tuổi và giữ chức vụ không quá 42 tuổi.

Điều 9. Tiêu chuẩn bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ Đoàn cấp tỉnh

1. Bí thư

a) Năm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của đoàn tại địa phương; là cán bộ tiêu biểu trong lĩnh vực công tác của địa phương, đơn vị, có phong cách lãnh đạo, khả năng điều hành tốt công việc.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 35 tuổi và giữ chức vụ không quá 40 tuổi.

d) Đã kinh qua thực tiễn công tác một trong các cương vị:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Bí thư, phó bí thư đoàn cấp huyện.
- Trưởng, phó các ban, đơn vị trực thuộc tỉnh, thành Đoàn.

2. Phó bí thư

a) Năm vững và có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đoàn; có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực đề xuất, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của đoàn tại địa phương; có phong cách lãnh đạo tốt.

b) Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

c) Giữ chức vụ lần đầu không quá 33 tuổi và giữ chức vụ không quá 38 tuổi.

3. Ủy viên ban thường vụ

Tiêu chuẩn cơ bản như phó bí thư nhưng giữ chức vụ lần đầu không quá 32 tuổi và giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

Điều 10. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn cấp huyện

1. Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên (vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, đối tượng chính sách có thể từ cao đẳng trở lên). Bí thư, phó bí thư có trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp trở lên.

2. Tham gia ban chấp hành lần đầu không quá 30 tuổi và giữ chức vụ không quá 35 tuổi.

3. Đã được rèn luyện trong phong trào thanh niên hoặc đã từng là cán bộ cấp xã, bí thư, phó bí thư đoàn cơ sở.

Điều 11. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn)

1. Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trình độ lý luận chính trị sơ cấp.

2. Giữ chức vụ không quá 35 tuổi.

Đối với vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, đối tượng chính sách, trình độ văn hoá nói chung từ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị sơ cấp. Giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

Điều 12. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn trong trường học

1. Đối với học sinh, sinh viên: Học lực từ loại khá trở lên, đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị tương đương sơ cấp (trừ học sinh trung học phổ thông, trung học cơ sở).

2. Đối với cán bộ, giáo viên: Trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên. Giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

3. Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp huyện: Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị được áp dụng như Điều 10.

Điều 13. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn trong cơ quan, doanh nghiệp

1. Đối với cơ quan: Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên. Giữ chức vụ không quá 35 tuổi.

2. Đối với doanh nghiệp: Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên (riêng doanh nghiệp ngoài nhà nước có thể tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên, đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị tương đương sơ cấp). Giữ chức vụ không quá 40 tuổi.

3. Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp tỉnh, cấp huyện, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị được áp dụng như Điều 9, Điều 10.

Điều 14. Tiêu chuẩn cán bộ đoàn trong Quân đội, Công an

Ban Bí thư Trung ương Đoàn chủ trì, phối hợp với Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Tổng cục Xây dựng lực lượng - Bộ Công an xem xét, quy định cụ thể về cơ cấu, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị và độ tuổi của cán bộ đoàn, trong Quân đội, Công an.

Chương IV

CÔNG TÁC CÁN BỘ ĐOÀN

Điều 15. Tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng để làm việc tại cơ quan đoàn chuyên trách từ cấp huyện trở lên được thực hiện theo hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển. Thực hiện thi tuyển đối với các chức danh thuộc công chức nhà nước. Thực hiện việc xét tuyển đối với các đối tượng thuộc vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và đối tượng chính sách.

2. Người được tuyển dụng phải đảm bảo các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 7 của Quy chế này, đồng thời đáp ứng yêu cầu sau đây:

- Là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đạt điểm theo quy định tuyển dụng, lấy từ trên xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

3. Cấp ủy đảng chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cùng cấp thống nhất nội dung, phương pháp, lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển và giao ban thường vụ đoàn cùng cấp thực hiện tuyển dụng cán bộ đoàn.

Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo việc tuyển dụng cán bộ đoàn tại cơ quan Trung ương Đoàn.

Điều 16. Quy hoạch

1. Công tác quy hoạch cán bộ đoàn gắn với công tác quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và do cấp ủy đảng các cấp chủ trì. Nội dung, quy trình thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đoàn được tiến hành theo quy định chung của Đảng, hằng năm rà soát để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

- Cấp ủy đảng, ban thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm xây dựng, quản lý quy hoạch chức danh cán bộ đoàn cấp mình.

- Cấp ủy đảng và ban thường vụ đoàn cấp huyện phối hợp với cấp ủy đảng cơ sở xây dựng quy hoạch chức danh cán bộ đoàn cơ sở.

- Ban Bí thư Trung ương Đoàn xây dựng, quản lý quy hoạch các chức danh trong Ban Bí thư, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

2. Cấp ủy đảng và tập thể lãnh đạo chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên xem xét, phê duyệt quy hoạch cán bộ đoàn cấp dưới. Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét, phê duyệt quy hoạch cán bộ Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

Điều 17. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Hằng năm, khi lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo có trách nhiệm dành tỷ lệ phù hợp đối với cán bộ đoàn.

2. Ban thường vụ đoàn các cấp thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ đoàn theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đoàn; tích cực phát hiện, tạo nguồn từ cán bộ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; có trách nhiệm giới thiệu cán bộ đoàn với cấp ủy đảng để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch.

3. Cán bộ đoàn chủ động đề xuất việc học tập nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học của mình để cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo xem xét, giải quyết, tạo điều kiện cho đi học và có kế hoạch bố trí, sắp xếp công tác.

Điều 18. Bố trí, sử dụng

1. Trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất và năng lực cán bộ đoàn, cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo bố trí, sử dụng phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường và chiều hướng phát triển của cán bộ.

2. Việc bố trí, sử dụng cán bộ trong cơ quan chuyên trách của đoàn ở cấp nào thì do ban thường vụ đoàn cấp đó chủ động phân công, đồng thời báo cáo cấp ủy đảng cùng cấp; đối với cán bộ chủ chốt, ban thường vụ đoàn báo cáo cấp ủy đảng xem xét, quyết định.

3. Cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cùng cấp để xem xét, bố trí, sắp xếp công tác cho cán bộ đoàn chuyên

trách khi hết tuổi tham gia công tác đoàn hoặc đã hoàn thành nhiệm vụ công tác đoàn phù hợp với trình độ, năng lực và quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt.

Điều 19. Nhận xét, đánh giá

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các nội dung liên quan đến việc nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cụ thể hóa bằng văn bản.

2. Việc nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn được tiến hành định kỳ hằng năm; theo nhiệm kỳ công tác; trước khi tiến hành công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; giới thiệu ứng cử.

3. Nội dung nhận xét, đánh giá gồm: Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; khả năng quy tụ và ảnh hưởng trong thanh thiếu nhi và trong nhân dân; sức khỏe, sở trường và triển vọng phát triển của cán bộ đoàn... Phân loại, bình chọn cán bộ đoàn phải dựa trên cơ sở nhận xét, đánh giá, theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đoàn và được cấp ủy đảng xác nhận.

4. Cấp ủy đảng chỉ đạo việc nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn để làm căn cứ bố trí, sử dụng, luân chuyển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và thực hiện chính sách cán bộ.

Điều 20. Luân chuyển, điều động

1. Việc luân chuyển thực hiện đối với cán bộ đoàn chuyên trách, giữ chức vụ từ ủy viên ban chấp hành đoàn cấp huyện trở lên trong quy hoạch nhằm đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ đoàn. Khi có yêu cầu, nhiệm vụ, tổ chức đoàn cấp trên thực hiện việc tăng cường cán bộ xuống công tác ở tổ chức đoàn cấp dưới.

2. Luân chuyển, điều động phải gắn với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ. Thời gian luân chuyển mỗi lần từ 1 đến 3 năm, tùy đối tượng do Ban Bí thư Trung ương Đoàn quy định.

3. Ban thường vụ đoàn các cấp chủ động báo cáo, đề xuất với cấp ủy đảng trong việc thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ đoàn theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ đoàn thực hiện theo các quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Đoàn.

2. Việc xem xét, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ đoàn cơ sở do cấp ủy đảng cấp cơ sở chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên thực hiện.

Điều 22. Khen thưởng, kỷ luật; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ

1. Cán bộ đoàn có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, trong công tác xây dựng đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi được đoàn xem xét, khen thưởng và đề nghị các cấp ủy đảng, chính quyền khen thưởng.

2. Cán bộ đoàn nếu mắc khuyết điểm thì tùy theo mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật của Đoàn, kỷ luật của Đảng, của chính quyền theo quy định.

3. Việc kiểm tra công tác cán bộ đoàn do cấp ủy đảng cấp trên chủ trì, phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Đoàn.

4. Các cấp bộ đoàn tham gia giám sát cán bộ đoàn và công tác cán bộ đoàn.

Điều 23. Chế độ, chính sách

1. Cán bộ đoàn có thời gian công tác đoàn, hội, đội từ 3 năm liên tục trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ, khi thi tuyển công chức được cộng điểm ưu tiên.

2. Độ tuổi đi học tại chức về lý luận chính trị đối với cán bộ đoàn có thể ít hơn 5 tuổi so với các đối tượng khác.

3. Cán bộ đoàn thực hiện việc luân chuyển công tác được hưởng chế độ trợ cấp và nhà ở công vụ theo quy định chung; được bảo lưu phụ cấp trong thời gian luân chuyển.

4. Cán bộ đoàn là đảng viên nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có khả năng, triển vọng phát triển, đã qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn công tác đoàn, hội, đội, phong trào thanh thiếu nhi, được xem xét giới thiệu để bầu vào cấp ủy đảng. Bí thư, phó bí thư đoàn từ cấp cơ sở trở lên, đạt tiêu chuẩn cấp ủy viên thì được cơ cấu để bầu vào cấp ủy đảng cùng cấp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan liên quan

1. Các cấp ủy đảng căn cứ vào nội dung Quy chế này chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị mình; định kỳ hằng năm làm việc với cấp bộ đoàn về công tác cán bộ.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách, bố trí, sử

dụng, luân chuyển, điều động và tiếp nhận cán bộ đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc sau khi hết tuổi tham gia công tác đoàn mà hoàn thành tốt nhiệm vụ, do cấp ủy đảng thống nhất với tổ chức đoàn giới thiệu.

3. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan ban hành các quy định về việc xét tuyển, điểm ưu tiên khi thi tuyển, số lượng cán bộ đoàn chuyên trách, phụ cấp công tác, kinh phí hoạt động của tổ chức đoàn các cấp.

Điều 25. Trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp thường xuyên tham mưu cho cấp ủy đảng cùng cấp những vấn đề liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ đoàn; định kỳ báo cáo đoàn cấp trên theo quy định.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện và theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 307-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2010
về Đề án đổi mới công tác tiếp công dân
(Trích)

Tại phiên họp ngày 12 tháng 1 năm 2010, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Thanh tra Chính phủ báo cáo về Đề án đổi mới công tác tiếp công dân (Tờ trình số 61/TT-BCSD-TTCTP, ngày 11 tháng 11 năm 2009) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Từ khi Ban Bí thư (khóa VI) có Thông báo số 164-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 1989 về việc tiếp công dân và bảo vệ Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước, nhất là từ khi Bộ Chính trị có "Thông báo Kết luận số 130-TB/TW, ngày 10 tháng 1 năm 2008 về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới", công tác tiếp công dân đã đạt được những kết quả quan trọng:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các ngành, địa phương đã nhận thức đầy đủ hơn về trách nhiệm tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của mình. Nhiều đồng chí thủ trưởng bộ, ngành, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đã trực tiếp tiếp công dân theo quy định, từng bước khắc phục tình trạng khoán trắng cho một số cơ quan chuyên môn; tổ chức đối thoại, chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp ngay tại nơi phát sinh khiếu kiện; uốn nắn, chấn chỉnh những việc làm sai của cán bộ cấp dưới; hướng dẫn công dân thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nhiều nơi đã lập trụ sở, ban hành nội quy, quy chế về tiếp công dân, bố trí cán bộ có năng lực, trình độ làm nhiệm vụ tiếp công dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trụ sở; công tác tiếp công dân ở một số nơi đã đi vào nề nếp.

Hàng năm, Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các cấp, các ngành, địa phương đã tiếp, hướng dẫn hàng chục nghìn lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, trong đó có nhiều đoàn khiếu kiện đông người, phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

2. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên, công tác tiếp công dân của các cấp, các ngành và Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà

nước còn một số hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt, chưa gắn công tác tiếp dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhiều nơi tổ chức tiếp công dân còn hình thức, giao cho cán bộ không đủ thẩm quyền thực hiện, có nơi còn biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm, thái độ không đúng mực đối với người đến khiếu nại, tố cáo; tình trạng né tránh trách nhiệm, hướng dẫn công dân không đúng vẫn còn xảy ra nhiều; việc phối hợp giữa Trung ương và địa phương còn hạn chế; công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm về nhiệm vụ tiếp công dân chưa thật sự có hiệu quả; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân chưa được quan tâm đúng mức.

3. Những hạn chế, yếu kém trên có nhiều nguyên nhân nhưng trước hết là do một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác tiếp công dân; ở một số nơi, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm trách nhiệm của mình trong việc tổ chức tiếp công dân gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo, chưa tập trung giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo gay gắt, phức tạp, kéo dài thuộc thẩm quyền; một số quy định về tiếp công dân còn thiếu thống nhất, chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc chưa được quy định chi tiết và hướng dẫn đầy đủ; mô hình tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động của trụ sở tiếp công dân còn chưa được xác định rõ; đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân nhiều nơi còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, chế độ, chính sách còn bất cập, chưa kịp thời động viên sự sáng tạo, tâm huyết đối với cán bộ làm công tác tiếp dân.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ ĐỔI MỚI, CHẤN CHỈNH CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là phòng ngừa khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp và sự xúi giục của các thế lực thù địch gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các bộ, ngành, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc và thủ trưởng các đoàn thể các cấp cần rút kinh nghiệm và thực hiện nghiêm Chi thị số 09-CT/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2002 của Ban Bí thư về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay và thông báo Kết luận số 130-TB/TW, ngày 10 tháng 1 năm 2008 của Bộ Chính trị về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay, trong thời gian tới cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp quan trọng sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với các cấp chính quyền, đoàn thể trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng chí phó bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phải trực tiếp tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Ban thường vụ cấp ủy và thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp trên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phải trực tiếp tiếp công dân theo quy định của pháp luật; có kế hoạch củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, điều kiện làm việc, bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực, chuyên môn, có trách nhiệm làm công tác tiếp công dân; tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho những cơ quan làm nhiệm vụ này.

3. Thanh tra Chính phủ khẩn trương hoàn thiện Đề án đổi mới công tác tiếp công dân theo hướng nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân người đứng đầu đơn vị trong việc tiếp công dân từ địa phương, cơ sở gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm, giám sát, đôn đốc việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế phối hợp hoạt động trong công tác tiếp công dân, bố trí tiếp công dân vừa tập trung ở Trung ương và ở địa phương, vừa tiếp công dân tại các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; tăng cường năng lực và điều kiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân ở Trung ương theo hướng tiếp công dân gắn với theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết khiếu nại, tố cáo; sớm kiện toàn về tổ chức, cán bộ và có chính sách chế độ đãi ngộ đặc thù đối với cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thống nhất tên gọi ở Trung ương là trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước đặt tại Hà Nội (trụ sở chính) và Thành phố Hồ Chí Minh, do Thanh tra Chính phủ quản lý và chủ trì điều hoà, phối hợp; trụ sở tiếp công dân ở địa phương do ủy ban nhân dân các cấp quản lý, giao văn phòng ủy ban nhân dân chủ trì điều hành.

4. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về khiếu nại, tố cáo; đẩy nhanh việc đánh giá, rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác tiếp công dân, trong đó có Nghị định 89/CP, ngày 7 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ, ban hành kèm theo Quy chế tổ chức tiếp công dân và pháp luật khiếu nại, tố cáo có liên quan.

5. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác hòa giải, giám sát các cơ quan tiếp công dân gắn với theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước những nội dung nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân.

6. Tăng cường công tác giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho nhân dân. Biểu dương những điển hình tốt, phê phán, xử lý nghiêm những việc làm trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân trong việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 2 năm 2010
về việc ban hành Quy chế công tác dân vận
của hệ thống chính trị

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong thời kỳ mới,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Điều 2. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định này.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

QUY CHẾ
CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TW,
ngày 25 tháng 2 năm 2010 của Bộ Chính trị)
(Trích)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta; là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Công tác dân vận là trách nhiệm của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Điều 2. Quy chế này xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân và cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Điều 3. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác dân vận; thường xuyên quán triệt và thực hiện phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân".

Chương II

**TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO
VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN**

Mục I

**TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG,
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG**

Điều 4. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

(...)

2.2. Lãnh đạo, định hướng nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong từng thời kỳ. Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

2.3. Lãnh đạo về tổ chức, nhân sự; bố trí, giới thiệu cán bộ, đảng viên có năng lực phụ trách công tác dân vận, làm lãnh đạo chủ chốt của mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

2.4. Định kỳ sáu tháng, một năm và trong trường hợp cần thiết, nghe Ban Dân vận Trung ương, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo tình hình nhân dân; chỉ đạo việc thực hiện công tác dân vận của hệ thống chính trị trong phạm vi cả nước và đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

(...)

Điều 7. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

(...)

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở Trung ương định hướng hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở địa phương, đơn vị. Tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và thực hiện tốt vai trò phản biện xã hội theo quy định.

3. Thực hiện giao ban định kỳ giữa ban thường vụ, thường trực cấp ủy với chính quyền, thủ trưởng đơn vị (lực lượng vũ trang), Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về công tác dân vận; thường xuyên lắng nghe ý kiến của mặt trận và các đoàn thể phản ánh với Đảng và Nhà nước về những vấn đề mà cán bộ, đoàn viên, hội viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân quan tâm; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân làm tốt việc tham mưu cho cấp ủy và làm nòng cốt trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở địa phương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vừa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vừa có kiến thức, kỹ năng về công tác dân vận.

(...)

Điều 8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành

1. Quán triệt sâu sắc, nắm vững và gương mẫu thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, mặt trận và đoàn thể mình bằng chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể.

2. Chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận và nhiệm vụ công tác dân vận của bộ, ngành, mặt trận và đoàn thể mình.

3. Có biện pháp thực hiện tốt công tác dân vận, ổn định tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng theo đặc thù, phạm vi của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 9. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương

(...)

2.3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận; nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thường xuyên tuyên truyền về công tác dân vận; hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, cổ vũ các điển hình tiên tiến về công tác dân vận.

(...)

2.5. Ban Đối ngoại Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài; làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào.

(...)

Điều 10. Ban Dân vận Trung ương

(...)

4. Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thẩm định các đề án về công tác dân vận của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tham gia thẩm định những đề án thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có liên quan mật thiết đến công tác dân vận.

(...)

Mục II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 11. Trách nhiệm của Quốc hội

(...)

2. Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tầng lớp nhân dân đối với các dự án luật, dự án pháp

lệnh theo quy định của pháp luật, nhất là những vấn đề có liên quan đến lợi ích, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và của công dân phải được tập hợp, nghiên cứu, tiếp thu; bảo đảm các chủ trương, quyết sách hợp lòng dân.

3. Quy định đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp có kế hoạch cụ thể, thiết thực tìm hiểu các hoạt động của đời sống xã hội ở địa phương, nắm bắt tình hình thực tiễn và tâm tư, nguyện vọng của cử tri.

4. Tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, theo dõi các cơ quan có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri và nhân dân.

5. Phát huy vai trò tư vấn, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, quyết định các chương trình kinh tế, xã hội và các vấn đề lớn của đất nước theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Chính phủ

(...)

4. Ban hành cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân tham gia quản lý nhà nước; giám sát cán bộ, công chức thực thi pháp luật và hoạt động của cơ quan chính quyền các cấp.

Định kỳ hằng năm, Chính phủ có chương trình làm việc với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong quần chúng nhân dân.

5. Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

6. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, phát thanh, truyền hình thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; phản ánh, nêu gương điển hình tập thể và cá nhân thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, ngành

(...)

5. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong thực hiện công tác dân vận. Phối hợp với ban dân vận của đảng ủy cơ quan bộ, ngành thực hiện các nội dung quy định về công tác dân vận theo Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang

(...)

3. Thường xuyên tiến hành công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội; củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

4. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

5. Phối hợp với ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cùng cấp và các cơ quan liên quan làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền về công tác dân vận trên địa bàn đóng quân.

Điều 16. Trách nhiệm của chính quyền các cấp

(...)

5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Tổ chức lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân tham gia xây dựng các chính sách, quy hoạch và những chương trình, dự án lớn của địa phương. Thường xuyên lắng nghe và giải quyết kịp thời ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể phản ánh, kiến nghị với chính quyền những vấn đề mà nhân dân quan tâm.

Định kỳ sáu tháng, một năm, chính quyền có chương trình làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

(...)

7. Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, quan tâm giải quyết chính sách cán bộ của khối dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Mục III

**TRÁCH NHIỆM CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN**

Điều 17. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tạo ra sự đồng thuận xã hội.

2. Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước.

3. Thực hiện tốt vai trò dân chủ đại diện và phản biện xã hội, vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Chủ động phối hợp với chính quyền và các ngành để tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; triển khai thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và ở các loại hình khác.

5. Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các dự án luật, dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, của các tổ chức thành viên mặt trận để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước về những vấn đề nhân dân quan tâm và có trách nhiệm thông tin cho nhân dân biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6. Phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp hiệp thương giới thiệu nhân sự và vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm dân chủ, đúng luật định.

7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan vận động các tổ chức và người Việt Nam ở nước ngoài phát huy tinh thần yêu nước, hướng về Tổ quốc, đóng góp tài năng, trí tuệ, vốn, kinh nghiệm quản lý vào công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, góp phần làm tốt công tác đối ngoại nhân dân.

Điều 18. Các đoàn thể nhân dân

1. Đoàn kết, tập hợp quần chúng trong tổ chức; làm tốt vai trò người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tham gia với Đảng, Nhà nước trong việc xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; tham gia cùng với Mặt trận Tổ quốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và phản biện xã hội theo quy định.

3. Phát động và duy trì các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội, góp phần củng cố và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, đơn vị.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống tổ chức của mình phối hợp chặt chẽ với các ban xây dựng Đảng, cơ quan, chính quyền, lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận.

5. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và có trách nhiệm thông tin cho đoàn viên, hội viên biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Chương III

PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG TÁC DÂN VẬN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 19. Việc ban hành các chủ trương, nghị quyết, quyết định về công tác dân vận và những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi trực tiếp của nhân dân

1. Những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận và có liên quan đến quyền, lợi ích của các tầng lớp nhân dân phải được lấy ý kiến tham gia của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trước khi ban hành thực hiện.

2. Trường hợp cụ thể, các chủ trương, nghị quyết, quyết định có tính chất hệ trọng, liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của đông đảo công dân được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến tham gia của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

3. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, đại diện các hội quần chúng có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến; đồng thời, tuyên truyền, vận động để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với Đảng, Nhà nước về những vấn đề được lấy ý kiến.

4. Ban dân vận cấp ủy các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng hợp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, của nhân dân, báo cáo cấp ủy cùng cấp.

Điều 20. Việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, các quyết định hành chính có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

1. Các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cần chủ động phối hợp với ban dân vận của cấp ủy để phổ biến, triển khai tới Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; mặt trận và các đoàn thể làm nòng cốt vận động nhân dân thực hiện.

2. Các cơ quan hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quyết định hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân cho ban dân vận của

cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để có cơ sở tham mưu cho cấp ủy và phối hợp vận động quần chúng nhân dân thực hiện.

Điều 21. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri

1. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Chính quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri cho ban dân vận, ủy ban kiểm tra của cấp ủy, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cùng cấp để phối hợp giải quyết, nhất là khi có khiếu nại, tố cáo đông người. Kết quả giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, ý kiến, kiến nghị của cử tri phải được trả lời cho công dân hoặc cử tri và thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cử tri biết.

3. Trường hợp vụ việc phức tạp, khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đúng các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp với chính quyền để vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện quyết định đó; khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đúng với các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy đề nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 22. Việc phối hợp giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

1. Khi xảy ra tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thì cơ quan chính quyền phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy đảng; đồng thời phối hợp với các ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giải quyết theo thẩm quyền để sớm ổn định tình hình.

2. Trong trường hợp quá phức tạp, nghiêm trọng hoặc vượt quá thẩm quyền, cần kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền cấp trên. Khi có đề nghị của cấp ủy, chính quyền cấp dưới trực tiếp hoặc xét thấy cần thiết, cấp ủy, chính quyền cấp trên thành lập đoàn công tác giúp địa phương giải quyết.

3. Việc cử cán bộ của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất của cấp ủy đảng và theo yêu cầu cụ thể của công việc mà phân công cán bộ hợp lý.

4. Đối với những trường hợp lợi dụng dân chủ, kích động quần chúng gây rối làm mất trật tự trị an thì cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Điều 23. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, lực lượng vũ trang địa phương báo cáo kết quả công tác dân vận với cấp ủy cùng cấp, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy để tổng hợp, theo dõi.

2. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, cấp ủy cấp dưới báo cáo tình hình nhân dân và công tác dân vận cho cấp ủy cấp trên, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy cấp trên để tổng hợp, theo dõi.

3. Các cơ quan trong hệ thống dân vận các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của ban dân vận cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4. Những trường hợp đột xuất, cần thiết liên quan đến tình hình nhân dân, các cấp, ngành hữu quan trực tiếp báo cáo với thường trực cấp ủy; ban dân vận cấp ủy được tham dự để tổng hợp, theo dõi, tham mưu cho cấp ủy.

(...)

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ
số 65-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010
về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII)
về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về Tổng kết Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ

1. Những kết quả đạt được

Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp đã có nhiều biện pháp chỉ đạo, triển khai sâu rộng, làm chuyển biến tích cực về nhận thức, quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp quy về thực hiện Quy chế dân chủ cho một số loại hình cơ sở. Các cơ quan, đơn vị, cơ sở đã tích cực xây dựng quy chế, quy định; thôn, ấp, bản, làng, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước thực hiện dân chủ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực hiện Quy chế dân chủ được gắn với phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", các phong trào, các hoạt động văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở. Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhất là dân chủ trực tiếp của nhân dân tiếp tục được coi trọng, tăng cường.

Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo hướng sát dân, trọng dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; góp phần quan trọng trong phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; chống lại

các âm mưu lợi dụng dân chủ, dân tộc, tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đạt được những kết quả trên là do chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là đúng đắn, hợp lòng dân, đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện; ban hành các văn bản pháp quy để quy định và hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình, các lĩnh vực hoạt động ở cơ sở; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo kịp thời. Hệ thống chính sách, pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng, nhà nước tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện. Ban chỉ đạo ở các cấp được chú ý kiện toàn, hoạt động thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân ở các cấp đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Khuyết điểm, hạn chế

Nhìn chung, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai tích cực ở loại hình xã, phường, thị trấn; các loại hình cơ sở khác kết quả còn hạn chế.

Việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy ước, hương ước không ít nơi còn hình thức, chất lượng chưa cao, chưa thành nền nếp. Một số xã, phường, thị trấn chưa làm tốt việc công khai, dân chủ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá cả đền bù khi chuyển mục đích sử dụng đất, chính sách tái định cư. Không ít cơ quan thiếu công khai, dân chủ về quản lý thu, chi tài chính công, nâng lương, quy hoạch đào tạo, đề bạt cán bộ. Phần lớn các doanh nghiệp tư nhân, cơ sở dịch vụ ngoài công lập và một số doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn chưa xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thiếu công khai, dân chủ về sản xuất, kinh doanh, tiền lương, tiền thưởng và thực hiện chế độ bảo hiểm đối với người lao động.

Một số nơi nội bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền mất đoàn kết; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa được ngăn chặn kịp thời; tình hình khiếu kiện của nông dân, đình công, bãi công của công nhân diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên là do: Nhận thức về dân chủ và trách nhiệm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức chưa đầy đủ, phong cách làm việc quan liêu,

mất dân chủ, thiếu tôn trọng dân còn khá phổ biến trong cán bộ các cấp, các ngành.

Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, của người đứng đầu chưa đầy đủ; không ít nơi chưa có ban chỉ đạo, chưa có người theo dõi kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo thường xuyên; việc hướng dẫn, kiểm tra theo hệ thống ngành dọc chưa được coi trọng.

Việc rà soát, ban hành, bổ sung chính sách, cơ chế chưa đồng bộ, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu cuộc sống đặt ra. Nhất là những chính sách có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân như: Giá đền bù đất khi giải phóng mặt bằng, tái định cư, tiền lương, bảo hiểm xã hội, nhà ở của công nhân các khu công nghiệp... Một số văn bản pháp quy quy định về quy chế dân chủ cho một số loại hình, một số lĩnh vực còn thiếu, chưa kịp thời, chưa sát với thực tế, chậm được rà soát, bổ sung.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân một số nơi chậm đổi mới phương thức hoạt động, còn có xu hướng hành chính hoá; chưa thực sự đại diện cho quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân; chưa tích cực tuyên truyền, vận động, tổ chức cho nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH VÀ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHỈ THỊ SỐ 30-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA VIII)

VỀ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Tiếp tục quán triệt, không ngừng nâng cao nhận thức; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về những quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ và mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở.

2. Tăng cường việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các quy định của pháp luật, chính sách cụ thể. Tổng kết, rà soát, bổ sung các văn bản đã ban hành; sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về xây dựng và thực hiện dân chủ cho các loại hình doanh nghiệp. Các cơ sở, các loại hình cần rà soát, bổ sung, xây dựng quy chế thực hiện dân chủ (xây dựng thành quy định, nguyên tắc, quy trình thực hiện dân chủ) trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể của địa phương, đơn vị mình, nhất là các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

3. Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; cải cách hành chính; Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; các phong trào thi đua yêu nước nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế -

xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn, tiêu cực ở cơ sở; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch kích động, chống đối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội.

5. Phát huy vai trò của ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tham mưu cho cấp ủy kiểm tra, chỉ đạo thường xuyên; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn; coi trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức về ý thức, trách nhiệm, phong cách, năng lực thực hiện dân chủ ở cơ sở và dân chủ với nhân dân.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; trách nhiệm của chính quyền, của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ; tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở cơ sở. Phát huy vai trò của mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền và giám sát việc thực hiện; vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật ở cơ sở.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ nội dung Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng để cụ thể hóa thành chương trình công tác của cấp ủy, chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc quán triệt, tổ chức thực hiện Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về thực hiện dân chủ trong hoạt động của các loại hình doanh nghiệp; chỉ đạo các cơ quan liên quan của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, các đoàn đại biểu Quốc hội tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của các địa phương, đơn vị.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tổng kết các nghị định của Chính phủ đã ban hành về quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp quy về xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở, các lĩnh vực hoạt động xã hội; nhất là những loại hình, lĩnh vực hoạt động ở cơ sở thực hiện Quy chế dân chủ còn yếu, như trong hoạt động nghiên cứu khoa học, các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ ngoài công lập, các doanh nghiệp tư nhân...

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo hệ thống ngành dọc.

- Giao Ban Dân vận Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Kết luận này.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị và Kết luận này về Ban Bí thư Trung ương Đảng qua Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trung ương; định kỳ 3 năm sơ kết, 5 năm tổng kết một lần.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký : TRƯƠNG TẤN SANG

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

số 66-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010

về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8 tháng 1 năm 2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Sau khi có Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8 tháng 1 năm 2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, các cấp ủy đảng đã có nhiều biện pháp tích cực lãnh đạo, triển khai thực hiện, sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức và trách nhiệm của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác cựu chiến binh.

Quán triệt các quan điểm của Đảng nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam ngày 18 tháng 10 năm 2005; Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh cựu chiến binh; ban hành chính sách đối với quân nhân tham gia chống Pháp, chống Mỹ chưa được hưởng chế độ, tạo điều kiện pháp lý cho hoạt động của Hội Cựu chiến binh, kịp thời động viên, phát huy được vai trò của cựu chiến binh trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã có bước phát triển vững chắc, hoạt động có hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở; hoạt động tình nghĩa, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm và các tệ nạn xã hội; giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; vận động, tập hợp, phát huy vai trò tích cực của cựu quân nhân ở cơ sở; tham gia công tác đối ngoại nhân dân...

Hội Cựu chiến binh Việt Nam tiếp tục khẳng định là một đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả, được cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân tin tưởng, ghi nhận và đánh giá cao; nhất là việc tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở và hòa giải trong nhân dân.

Tuy nhiên, trong thực hiện Nghị quyết còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục, đó là:

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, một số ít cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về cựu chiến binh và công tác cựu chiến binh, chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thường xuyên việc triển khai thực hiện Nghị quyết nên kết quả còn hạn chế.

Sự phối hợp của một số cơ quan chức năng trong hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh chưa chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, có mặt chưa phù hợp với thực tiễn; một số nơi triển khai chậm, chưa thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh.

- Hội Cựu chiến binh một số nơi quán triệt chưa sâu sắc chức năng, nhiệm vụ của hội nên thiếu tích cực, chủ động trong việc tham mưu với cấp ủy đảng, phối hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể. Tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh chưa được rộng khắp trong các cơ quan, doanh nghiệp, chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; còn một số ít cựu chiến binh thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không giữ vững và phát huy được bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trong tình hình mới.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8 tháng 1 năm 2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) và Kết luận này của Ban Bí thư (khóa X), tạo sự thống nhất về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên đối với công tác cựu chiến binh và hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam; thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết đã nêu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của cựu chiến binh trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân... góp phần bảo đảm

sự đồng thuận xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

3. Các cấp ủy đảng chỉ đạo hội cựu chiến binh cùng cấp chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp công tác với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp, liên kết, liên tịch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của hội; xác định rõ trách nhiệm, cơ quan chủ trì; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả.

4. Kết hợp chặt chẽ việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) với Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", động viên cựu chiến binh nỗ lực rèn luyện, phấn đấu, giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trong tình hình mới.

5. Chăm lo xây dựng tổ chức Hội Cựu chiến binh trong sạch, vững mạnh; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động. Chú trọng tới các cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các đơn vị sự nghiệp và các loại hình doanh nghiệp đang còn lúng túng trong tổ chức và hoạt động. Tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và nhân dân.

6. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ mới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, Ban Cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ban, ngành, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh căn cứ nội dung Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng để triển khai tổ chức thực hiện.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành chức năng tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12-12-2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh cựu chiến binh để bổ sung, điều chỉnh chính sách và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh thực sự đi vào cuộc sống.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn cụ thể về tổ chức, biên chế ở các cấp hội cho phù hợp; cơ cấu nhân sự tham gia cấp ủy cơ sở; tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ; chế độ tiền lương, phụ cấp của cán bộ quân đội đã nghỉ hưu tham gia công tác hội các cấp cho phù hợp với đặc thù của Hội Cựu chiến binh và Luật cán bộ, công chức.

4. Hội Cựu chiến binh chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động cựu chiến binh tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8 tháng 1 năm 2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) và nội dung Kết luận này của Ban Bí thư (khóa X), xây dựng thành chương trình, kế hoạch hoạt động ở từng cấp.

Hội Cựu chiến binh chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền để tập hợp những người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương, đơn vị sinh hoạt trong các câu lạc bộ cựu quân nhân ở cơ sở. Chính quyền địa phương, đơn vị tạo điều kiện thuận lợi để các câu lạc bộ cựu quân nhân ở cơ sở hoạt động có hiệu quả.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận, hằng năm, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư; định kỳ 3 năm tiến hành sơ kết và sau 5 năm tổ chức tổng kết trên phạm vi toàn quốc.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 308-TB/TW, ngày 5 tháng 3 năm 2010
về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2009
(Trích)

Ngày 27 tháng 1 năm 2010, sau khi nghe Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: chi tiêu mua sắm tài sản, sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức các đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài; việc tiếp nhận, quản lý, phân bổ nguồn tiền ủng hộ khắc phục hậu quả thiên tai, người nghèo và các hoạt động từ thiện khác; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Kết quả thực hiện Chương trình kiểm tra của Ban Bí thư

Năm 2009, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đã gắn việc thực hiện Chương trình kiểm tra với Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong mua sắm tài sản ở các địa phương, đơn vị cơ bản thực hiện đúng quy định; việc tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài được cấp ủy quan tâm chỉ đạo, việc quản lý, sử dụng kinh phí cho các đoàn đi công tác nước ngoài đảm bảo đúng quy định, phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của các địa phương, đơn vị; công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên khoáng sản đã thực hiện theo quy định của pháp luật và từng bước đi vào nền nếp trong các khâu điều tra, thăm dò, quy hoạch khai thác, cấp phép và chế biến; Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Vận động "Ngày vì người nghèo" Trung ương và các cấp ở địa phương đã có nhiều cố gắng trong tổ chức triển khai các đợt vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ tiền, hàng cứu trợ cho nhân dân và các địa phương bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng gây ra, ủng hộ người nghèo. Các nguồn quỹ trên đã góp phần giúp đỡ đồng bào nơi gặp thiên tai và các hộ nghèo sớm ổn định sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên, việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2009 còn những hạn chế

(...)

2. Nhiệm vụ công tác kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2010, tạo chuyển biến tiến bộ mới về công tác này, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

2.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục làm tốt việc tuyên truyền, quán triệt quan điểm, mục tiêu về kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới là: Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tạo chuyển biến rõ rệt, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin trong Đảng và trong nhân dân, xây dựng Đảng, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính.

(...)

2.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng nâng cao tính minh bạch, công khai, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; tăng cường thực hiện cơ chế khoán, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan hành chính, sự nghiệp, xóa bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà, sách nhiễu đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế công khai hóa trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các chế độ, chính sách, để các tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng và nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 312-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2010
về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm
công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra
các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng,
tạo nguồn cán bộ kiểm tra
(Trích)

Ngày 29 tháng 12 năm 2009, sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Đề án "Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra" (Tờ trình số 190-TTr/UBKTTW, ngày 26 tháng 11 năm 2009), ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

I- Thời gian qua, việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ đã bước đầu được cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở từng địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên, kết quả việc thực hiện luân chuyển còn hạn chế; số lượng cán bộ thực tế được luân chuyển còn ít, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Một số cấp ủy chưa có kế hoạch và thực hiện việc luân chuyển cán bộ. Chưa có cơ chế, chính sách đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ được luân chuyển.

II- Nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), các cấp ủy, tổ chức đảng cần tăng cường thực hiện công tác luân chuyển cán bộ theo những nguyên tắc và yêu cầu sau:

(...)

III- PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG LUÂN CHUYỂN

1. Phạm vi luân chuyển

Việc luân chuyển được tiến hành trong nội bộ ngành kiểm tra; từ ngành kiểm tra sang các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; từ các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp về ủy ban kiểm tra từ cấp huyện và tương đương trở lên.

2. Đối tượng cán bộ luân chuyển

2.1. Ở cấp Trung ương

a) Đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp vụ và tương đương trở lên (dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ) sang công tác tại một số ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương, địa phương. Cụ thể:

- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể luân chuyển để giữ chức: bí thư các tỉnh, thành phố (trừ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); phó bí thư thành ủy (đối với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); thứ trưởng, phó trưởng các ban, ngành, các đoàn thể ở Trung ương trở lên.

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương luân chuyển giữ chức: phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); thứ trưởng, phó trưởng các ban đảng, phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và chức danh tương đương ở các cơ quan Trung ương.

- Vụ trưởng ở Ủy ban Kiểm tra Trung ương sang giữ chức: ủy viên ban thường vụ, trưởng các ban đảng, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; phó tổng cục trưởng, vụ trưởng của các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương.

- Phó Vụ trưởng ở Ủy ban Kiểm tra Trung ương sang giữ chức: phó trưởng ban thường trực trở lên ở các ban đảng của tỉnh ủy, thành ủy; giám đốc sở của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó cục trưởng, phó vụ trưởng và tương đương trở lên của bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở Trung ương.

b) Đối với các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các ngành, các cấp từ lãnh đạo cấp vụ và tương đương trở lên (dưới 50 tuổi đối với nam; dưới 45 tuổi đối với nữ) sang công tác tại Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Cụ thể:

- Thứ trưởng, phó trưởng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương; phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên luân chuyển giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra

Trung ương; phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Tổng cục trưởng, vụ trưởng, cục trưởng và tương đương ở bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở Trung ương; trưởng các ban đảng, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố luân chuyển giữ chức từ vụ trưởng trở lên ở cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Phó cục trưởng, phó vụ trưởng và tương đương ở bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương; tỉnh ủy viên là phó các ban đảng, giám đốc sở, ngành của tỉnh, thành phố sang giữ chức từ phó vụ trưởng trở lên ở cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2.2. Ở cấp tỉnh, thành phố

a) Đối với ủy ban kiểm tra của các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương (dưới 45 tuổi đối với nam, dưới 40 tuổi đối với nữ) sang công tác tại các sở, ban, ngành, quận, huyện của các tỉnh, thành phố; các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương giữ các chức vụ lãnh đạo. Cụ thể:

- Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương luân chuyển giữ chức: phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó tổng cục trưởng, vụ trưởng, cục trưởng và tương đương của bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương.

- Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy luân chuyển để giữ chức: bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận. Ủy viên ủy ban kiểm tra luân chuyển để giữ chức: phó bí thư, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận.

b) Đối với các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh, thành phố, cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương: Luân chuyển một số đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, thành phố; các quận, huyện và tương đương (dưới 45 tuổi đối với nam, dưới 40 tuổi đối với nữ) để giữ các chức vụ lãnh đạo và tương đương của ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương. Cụ thể:

(...)

- Phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện; phó giám đốc sở của tỉnh, thành phố; phó vụ trưởng và tương đương ở các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương sang giữ chức phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

(...)

VII- Theo tinh thần trên đây, giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban và cơ quan, tổ chức của Đảng ở Trung ương thực hiện việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về công tác tại các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương và đưa cán bộ lãnh đạo, quản lý của các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương luân chuyển đến các bộ, ngành các cấp để bồi dưỡng, đào tạo cán bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 316-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2010
về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại đại hội đảng các cấp, lấy ý
kiến nhân dân, các đại biểu Quốc hội và tổng hợp các ý kiến
góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng
(Trích)

Tại phiên họp ngày 11 tháng 3 năm 2010, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo Tờ trình về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại đại hội đảng các cấp, gửi lấy ý kiến nhân dân và tổng hợp các ý kiến góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng (số 80-TTr/VPTW, ngày 10 tháng 3 năm 2010), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại đại hội đảng các cấp và lấy ý kiến các đại biểu Quốc hội, ý kiến nhân dân

(...)

2. Về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng

c) Tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân vào các văn kiện Đại hội XI

Bộ Chính trị giao Ban Tuyên giáo Trung ương tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân qua báo chí, thư gửi trực tiếp đến Trung ương; Ban Dân vận Trung ương tổng hợp ý kiến góp ý của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp (gồm cả các hội nghị do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức).

Việc tổng hợp hoàn thành trước ngày 1 tháng 12 năm 2010.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 329-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010
về Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học
và Kỹ thuật Việt Nam

Tại phiên họp ngày 20 tháng 4 năm 2010, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trình bày "Báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam" (Báo cáo số 34/BC-ĐĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2010) và ý kiến của đại diện lãnh đạo các ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, nhất trí với nội dung các dự thảo văn kiện Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Dự thảo các văn kiện được chuẩn bị công phu, đã được thảo luận, lấy ý kiến đóng góp nhiều lần. Nội dung các văn kiện, những đánh giá về tình hình, kết quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong nhiệm kỳ vừa qua và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động trong thời gian tới phù hợp với tinh thần Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) mới được Bộ Chính trị cho ý kiến. Nhìn chung, nội dung các văn bản đã đáp ứng yêu cầu, mục đích của Đại hội VI Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Tuy nhiên, cần cân nhắc một số nhận định, đánh giá cho phù hợp hơn với thực tế, với Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và góp ý của các ban, ngành Trung ương, nhất là nguyên nhân của những tồn tại, khuyết điểm.

Trong thời gian tới, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cần thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình; tăng cường mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể khác; thực hiện tốt chức năng là đầu mối, tập hợp, đoàn kết các hội thành viên, bảo vệ quyền, lợi ích của hội thành viên; chú trọng công tác kiểm tra hội.

2. Về dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cho phù hợp với phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ tới

là cần thiết. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam căn cứ vào Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Chính trị để chỉnh sửa, biên tập lại. Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh do ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhưng nội dung cơ bản không được trái với Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có hệ thống từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng không biến Trung ương Hội thành tổ chức quản lý hành chính.

3. Về nhân sự, Ban Bí thư cơ bản tán thành Báo cáo về nhân sự chủ chốt của Liên hiệp Hội nhiệm kỳ tới. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn Đảng đoàn Liên hiệp Hội lãnh đạo thực hiện tốt công tác nhân sự tại Đại hội. Nhân sự Chủ tịch Liên hiệp Hội, Ban Tổ chức Trung ương và Đảng đoàn Liên hiệp Hội báo cáo Bộ Chính trị để Bộ Chính trị cho ý kiến trong phiên họp tới.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 330-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010
về Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam
(Trích)

(...)

1. Ban Bí thư đánh giá cao những đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam vào thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kết quả công tác dân tộc và đoàn kết dân tộc mà nội dung cơ bản là "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển" đã tiếp tục khẳng định Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong quá trình dựng nước và giữ nước.

2. Về Báo cáo chính trị của Đại hội

- Tán thành với chủ đề của Đại hội: *"Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, cộng đồng các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển"*.

- Những ý kiến của Ban Bí thư về Báo cáo chính trị của Đại hội, Ban Chỉ đạo Đại hội và Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo chính trị trình Đại hội xem xét, quyết định.

3. Về một số đề nghị

- Đồng ý việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tặng bức thư cho Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất với nội dung: *"Cộng đồng các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển"*.

- Đồng chí Chủ tịch nước thay mặt Đảng, Nhà nước phát biểu với Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất và trao tặng cho Đại hội bức thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Đoàn Chủ tịch của Đại hội nên ít hơn so với dự kiến; tham gia Đoàn Chủ tịch có các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước: đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ; đại diện Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đồng ý với đề xuất của Ban Chỉ đạo Đại hội để đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam đọc lời khai mạc; đồng chí Bộ trưởng,

Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Tổ chức Đại hội đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội.

- Đồng ý việc Ban Chỉ đạo Đại hội tổ chức đoàn đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam đi dâng hương tại Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ; viếng các Anh hùng liệt sĩ tại Đài tưởng niệm liệt sĩ Hà Nội; tổ chức cho các đại biểu chính thức của Đại hội vào tham quan Khu di tích lịch sử và viếng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đoàn có số lượng như dự kiến, do đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Đại hội làm Trưởng đoàn; với nghi thức trang trọng, phù hợp, tiết kiệm.

- Đồng ý tổ chức cuộc gặp mặt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước với đoàn đại biểu tiêu biểu đại diện cho 54 dân tộc (54 người) tại Phủ Chủ tịch; đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ tới dự, phát biểu và trao quà lưu niệm cho các đại biểu (đồng chí Chủ tịch nước phát biểu tại buổi gặp mặt này).

- Đồng ý tổ chức Dạ hội giao lưu giữa các dân tộc thiểu số, có sự tham gia của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đồng ý đề Ban Chỉ đạo Đại hội tổ chức trao tặng các phần thưởng, danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước tại Đại hội cho đại diện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Cho phép Ủy ban Dân tộc tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc" cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định.

- Đối với các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội, Ban Chỉ đạo Đại hội chủ động giải quyết theo thẩm quyền.

Ban Chỉ đạo Đại hội căn cứ Thông báo ý kiến của Ban Bí thư bổ sung, hoàn chỉnh nội dung, kế hoạch tổ chức Đại hội; Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, các cơ quan có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo thành công Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 333-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010
về việc tổ chức Lễ kỷ niệm 120 năm
Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tại phiên họp ngày 6 tháng 5 năm 2010, sau khi xem xét, rút kinh nghiệm việc tổ chức kỷ niệm 35 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vừa qua; để đảm bảo cho việc tổ chức tốt Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị thay đổi một số nội dung trong kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội như sau:

1. Chủ đề buổi Lễ kỷ niệm là: "Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 2010)". Riêng nội dung việc UNESCO ra Nghị quyết về Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người sẽ được thể hiện trong Diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư đọc tại buổi Lễ.

2. Chuyên địa điểm tổ chức Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cung văn hóa Hữu nghị Hà Nội về Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình. Số lượng đại biểu dự Lễ kỷ niệm tương tự như Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng. Từ nay trở đi, các lễ kỷ niệm cấp nhà nước đều tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình.

3. Ban tổ chức cấp Nhà nước kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010, trên cơ sở nội dung kết luận này của Bộ Chính trị sớm triển khai thực hiện các công việc đảm bảo Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 334-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010
về Đề án tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh
hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao

Tại phiên họp ngày 7 tháng 5 năm 2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình bày Đề án tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao (Tờ trình số 10/TTr-BCSD và Đề án số 11/ĐA-BCSD, ngày 31 tháng 3 năm 2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đề án đã được chuẩn bị kỹ, Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với những nội dung nêu trong Đề án. Đồng ý giữ nguyên cách gọi số năm kỷ niệm (năm chẵn, năm tròn, năm lẻ) như Nghị định số 82/2001/NĐ-CP, ngày 6 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ; bổ sung Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (ngày 7 tháng 5 năm 1954) là một ngày lễ lớn trong năm; giảm tần suất tổ chức lễ kỷ niệm cấp Nhà nước các ngày lễ lớn 10 năm/lần ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương có liên quan đến sự kiện; hằng năm, vào dịp kỷ niệm không tổ chức lễ nhưng vẫn tổ chức tuyên truyền về sự kiện đó; không tổ chức diễu binh, diễu hành, duyệt binh trong các lễ kỷ niệm, khi cần thiết sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định. Lễ kỷ niệm cấp quốc gia kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 tổ chức tại Hà Nội; lễ kỷ niệm cấp quốc gia các ngày lễ lớn khác có thể tổ chức ở địa phương gắn với sự kiện đó. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, các hình thức khen thưởng cao cần tổ chức cùng với các lễ kỷ niệm của ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, bảo đảm yêu cầu trang trọng, tiết kiệm.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Chỉ thị của Bộ Chính trị về tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao.

Chính phủ chỉ đạo xây dựng, ban hành một nghị định mới gồm cả nội dung về tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao, cả về nghi lễ Nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng, hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động lễ hội, trao cúp cho các doanh nghiệp; Văn phòng Trung ương Đảng rà soát lại Quy định 60-QĐ/TW của Bộ Chính trị "Về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu trong nước của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư", báo cáo Ban Bí thư để thực hiện tốt các hoạt động này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 337-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010
về Đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc
giai đoạn 2010 – 2020

Tại phiên họp ngày 4 tháng 5 năm 2010, sau khi nghe Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh báo cáo Đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020 (Tờ trình số 340-TTr/TWĐTN, ngày 5 tháng 4 năm 2010); ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020 với mục tiêu phát huy vai trò xung kích, ý chí vượt khó vươn lên của thanh niên trong khai thác tiềm năng, lợi thế của biển, đảo; giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng, ý thức quốc phòng, an ninh và nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo cho thế hệ trẻ.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh Đề án.

2. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tổng kết việc triển khai thực hiện xây dựng đảo thanh niên Bạch Long Vĩ và Cồn Cỏ để làm cơ sở cho việc tiếp tục phát triển hai đảo này và xây dựng các đảo thanh niên khác theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về biển, đảo.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ xem xét và quyết định phê duyệt Đề án xây dựng đảo thanh niên giai đoạn 2010 - 2020.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 344-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010
về việc xây dựng bia di tích lịch sử truyền thống
Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam

Trong phiên họp ngày 1 tháng 6 năm 2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về việc xây dựng bia di tích lịch sử truyền thống Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (Tờ trình số 01/MTTQVN-ĐĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng bia lịch sử truyền thống chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Dân vận Trung ương tại 4 địa điểm thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Tây Ninh, Quảng Nam như đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng bia di tích tại 4 địa điểm nêu trên theo quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo hiệu quả giáo dục cao, phù hợp với thực tế, tiết kiệm, không phô trương, hình thức. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho việc xây dựng.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá việc xây dựng và phát huy giá trị các công trình di tích lịch sử cách mạng đã xây dựng trong cả nước thời gian qua, báo cáo và đề xuất ý kiến với Ban Bí thư về vấn đề này vào quý III-2010.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
số 43-CT/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) "Về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam", nhận thức và chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và công tác nhân đạo có chuyển biến tích cực; quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo được tăng cường, sự tham gia của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong các hoạt động nhân đạo có bước phát triển; Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với vai trò nòng cốt, cầu nối trong các hoạt động nhân đạo được củng cố và hoạt động ngày càng có hiệu quả. Các hoạt động nhân đạo do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân tiến hành góp phần thực hiện các chính sách xã hội, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, động viên các tầng lớp nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế chăm lo cho người nghèo, nhân dân các vùng bị thiên tai, thảm họa, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam, người khuyết tật, người già cô đơn và những người khó khăn khác trong xã hội.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên về công tác nhân đạo và vị trí, vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam chưa đầy đủ; quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo và Hội Chữ thập đỏ có những mặt hạn chế; chất lượng tổ chức và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ ở một số địa phương còn yếu, sự phối hợp của các tổ chức, đoàn thể trong hoạt động nhân đạo có mặt chưa đồng bộ và thiếu thống nhất.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công tác nhân đạo trong tình hình mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác nhân đạo và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Công tác nhân đạo là bộ phận quan trọng trong công tác dân vận của Đảng, là nhiệm vụ của mỗi cấp ủy đảng, của cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị, góp phần giáo dục, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng, nâng cao nhận thức

trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với hoạt động nhân đạo.

Các cấp ủy đảng chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ và phát triển tổ chức Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, nhất là ở cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao; bố trí, điều chuyển cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, có năng lực vận động quần chúng làm công tác chữ thập đỏ; thực hiện chính sách đối với cán bộ Hội Chữ thập đỏ trong chính sách chung đối với cán bộ các đoàn thể nhân dân; bồi dưỡng cán bộ Hội để tạo nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý cho đảng, chính quyền ở các cấp.

Các cấp ủy đảng xác định nhiệm vụ công tác nhân đạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; định kỳ kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác nhân đạo và phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong các hoạt động nhân đạo. Ban Dân vận cấp ủy đảng các cấp là đầu mối tham mưu cho cấp ủy cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội.

Nhà nước tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật về hoạt động nhân đạo; thống nhất quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; quan tâm, tạo điều kiện về kinh phí, biên chế, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động cho các cấp Hội; ban hành thống nhất chính sách phụ cấp đối với cán bộ Hội cấp cơ sở. Chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện tốt Luật hoạt động chữ thập đỏ, tạo điều kiện để Hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt 7 hoạt động chữ thập đỏ được quy định trong Luật; phát huy vai trò của Hội Chữ thập đỏ tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách xã hội, tham gia xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, tổ chức các hoạt động kinh tế, dịch vụ vì mục tiêu nhân đạo; tạo điều kiện cho Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tham gia thực hiện tốt các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo, vì hòa bình, hữu nghị và phát triển. Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ là cơ quan tham mưu trực tiếp cho cấp chính quyền tương ứng trong công tác quản lý nhà nước về Hội.

Các cơ quan thông tin đại chúng tích cực tuyên truyền, cổ vũ cho các hoạt động nhân đạo và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

2. Củng cố và phát triển tổ chức; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Chữ thập đỏ các cấp

Thường xuyên củng cố, phát triển tổ chức Hội, nhất là ở cơ sở (trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, cơ quan dân chính đảng, lực lượng vũ trang, các tổ chức tôn giáo v.v.); phát triển lực lượng tình nguyện viên và cộng tác

viên chữ thập đỏ hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan chuyên trách các cấp của Hội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội Chữ thập đỏ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác nhân đạo trong tình hình mới; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Hội Chữ thập đỏ các cấp, nâng cao tính chuyên nghiệp của cán bộ Hội trong các hoạt động nhân đạo.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở, gắn bó với đối tượng, nhất là ở khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, theo hướng phát triển bền vững, chủ động thực hiện 7 hoạt động chữ thập đỏ được quy định trong Luật hoạt động chữ thập đỏ, tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác; ứng dụng công nghệ thông tin trong vận động nguồn lực cho hoạt động nhân đạo; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động nhân đạo, đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo".

Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động với Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, các hội quốc gia và các tổ chức quốc tế khác trong các hoạt động nhân đạo.

Các cấp Hội Chữ thập đỏ có trách nhiệm tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền những chủ trương, biện pháp về công tác nhân đạo; chủ trì tham mưu xây dựng quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức liên quan khác, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong công tác nhân đạo.

3. Tổ chức thực hiện

Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ngành liên quan, Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam có chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Bí thư việc thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ
số 73-KL/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2010
về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989 của
Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc
giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Dân vận Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Sau 20 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giúp đỡ người mù, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức Hội Người mù Việt Nam được củng cố và phát triển, chất lượng hoạt động không ngừng tăng lên, đời sống vật chất, tinh thần của hội viên và người mù được cải thiện hơn. Hội luôn là chỗ dựa, là môi trường để hội viên phấn đấu, vươn lên ổn định cuộc sống, thực sự là mái nhà chung, là nơi thu hút, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của người mù. Bằng ý chí, nghị lực, người mù Việt Nam đã nỗ lực vươn lên, vượt qua số phận, trở thành người có ích cho xã hội, tự khẳng định mình, ngày càng hòa nhập vào cộng đồng.

Tuy nhiên, công tác giúp đỡ người mù và Hội Người mù Việt Nam còn chưa đồng đều, rộng khắp. Đến nay còn 19 tỉnh và nhiều quận, huyện, thành phố, thị xã chưa thành lập Hội Người mù. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW chưa thường xuyên và chưa kịp thời. Chính sách đối với người mù và Hội Người mù chưa được thực hiện đồng bộ, một số chính sách không còn phù hợp nhưng chậm được bổ sung, sửa đổi; điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí phục vụ cho hoạt động của Hội còn hạn hẹp. Công tác xã hội hóa chăm lo, giúp đỡ cho người mù tuy đã được quan tâm nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn. Hoạt động của Hội Người mù các cấp còn hạn chế, chưa chủ động, còn mặc cảm, tự ti, nhất là ở cơ sở.

2. Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù

Việt Nam. Quán triệt, thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân về giúp đỡ người mù và Hội Người mù Việt Nam - một tổ chức xã hội đặc thù.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, luật pháp đối với người mù và Hội Người mù phù hợp với tình hình hiện nay. Các cấp chính quyền nâng cao trách nhiệm trong việc chăm lo, giúp đỡ người mù và Hội Người mù; thành lập tổ chức Hội Người mù ở những địa phương chưa có Hội; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, trụ sở, kinh phí và chế độ phụ cấp cho cán bộ ở các cấp Hội, bảo đảm các cấp Hội hoạt động thuận lợi, hiệu quả. Tạo điều kiện để Hội Người mù được tham gia các chương trình quốc gia về giáo dục, việc làm, dạy nghề...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân hướng dẫn, vận động toàn dân tham gia giúp đỡ người mù xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên với Hội Người mù trong hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ người mù và Hội Người mù, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Hội Người mù Việt Nam cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ Hội các cấp, khắc phục tâm lý mặc cảm, tự ti, làm cho Hội luôn là chỗ dựa, là môi trường thuận lợi để hội viên phấn đấu. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng Cuộc vận động "Tăng cường đoàn kết, chủ động vươn lên, bình đẳng, hòa nhập với cộng đồng". Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức Hội Người mù các nước trong khu vực và thế giới.

Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người mù và Hội Người mù; những tấm gương vượt khó, vươn lên của người mù và hoạt động của Hội Người mù các cấp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa chăm lo, giúp đỡ người mù và Hội Người mù.

3. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 357-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010
về việc đúc và đặt tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng

Trong phiên họp ngày 23 tháng 6 năm 2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo về việc đúc và đặt tượng đồng Chủ tịch Tôn Đức Thắng trước tiền sảnh Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 514/TLĐ, ngày 6 tháng 4 năm 2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý việc đúc và đặt tượng đồng Chủ tịch Tôn Đức Thắng trước tiền sảnh Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là việc làm thể hiện sự tri ân đối với công lao to lớn của Chủ tịch Tôn Đức Thắng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc; giúp cho cán bộ, giáo viên, sinh viên của Trường Đại học Tôn Đức Thắng tự hào, noi theo tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, hết lòng, hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân của Bác Tôn.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp thu ý kiến các cơ quan, chủ động phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai việc đúc và đặt tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo công trình an toàn, có chất lượng kỹ thuật và nghệ thuật cao.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
số 359-TB/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010
về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ
(10-7-1910 - 10-7-2010)

Sau khi xem xét đề nghị của ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh cố Luật sư, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ (Đề án số 01/ĐA-MTTQ-BTT, ngày 24 tháng 6 năm 2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức Lễ kỷ niệm cấp Nhà nước kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ như nội dung Đề án của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình Bộ Chính trị. Việc tổ chức kỷ niệm nhằm khẳng định công lao, những đóng góp to lớn của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, một trí thức lớn của đất nước, từng giữ nhiều chức vụ cao nhất của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc. Bộ Chính trị phân công đồng chí Nguyễn Phú Trọng, ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội đọc diễn văn kỷ niệm.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo tổ chức Lễ kỷ niệm trang trọng, ý nghĩa, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm từ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

số 314-QĐ/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010

về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 09-QC/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

Ban Bí thư quy định về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Quy định này là quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là Ban Bí thư Trung ương Đoàn) với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với công tác vận động quần chúng.

2. Việc phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể với Đảng đoàn Quốc hội; giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, giữa các đảng đoàn, ban cán sự đảng các tổ chức, đơn vị khác đã có quy định thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc quan hệ công tác

1. Quan hệ công tác phải phù hợp với Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và các quy định, hướng dẫn của Đảng; Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều lệ và chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Quá trình phối hợp công tác thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau. Những văn bản, tài liệu, ý kiến trao đổi về chủ trương công tác giữa các cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VỚI ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, TẬP THỂ LÃNH ĐẠO VÀ ĐẢNG ỦY CƠ QUAN; ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI BAN CHẤP HÀNH CÁC ĐOÀN THỂ, TẬP THỂ LÃNH ĐẠO VÀ ĐẢNG ỦY CƠ QUAN

Điều 3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ban chấp hành các đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên để không ngừng nâng cao ảnh hưởng và uy tín của Đảng và Nhà nước trong nhân dân, góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội.

2. Lãnh đạo xây dựng, quyết nghị và tổ chức thực hiện các đề án về kiện toàn tổ chức, bộ máy; thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt các vấn đề về công tác tổ chức và cán bộ đối với các đối tượng thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ có những chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và động viên các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Điều 4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị:

1. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng; bồi dưỡng, giáo dục, tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và các cấp ủy đảng trong cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể.

2. Lãnh đạo cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng trong cơ quan phát huy tính năng động, sáng tạo; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, cải tiến lề lối, tác phong làm việc; thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu; phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan trong xây dựng tổ chức bộ máy và công tác cán bộ:

1. Lãnh đạo xây dựng cơ quan, tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể trong cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

2. Lãnh đạo công tác tổ chức và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan theo quy định của Đảng và Nhà nước: kiện toàn tổ chức bộ máy, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và yêu cầu, nhiệm vụ chính trị.

CHƯƠNG III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI CÁC ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ về chủ trương, biện pháp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo việc ký kết các nghị quyết, chương trình, kế hoạch liên tịch giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể với chính quyền, các ngành, các lĩnh vực liên quan đến công tác vận động quần chúng.

3. Kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng chương trình hành động để triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác vận động quần chúng; về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; về tư vấn, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và nhân dân.

4. Xây dựng tổ chức, bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng cán bộ làm công tác đoàn thể theo phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

5. Bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, điều kiện làm việc cho các tổ chức quần chúng của đơn vị hoạt động theo quy định của Nhà nước, điều lệ và hướng dẫn của ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể.

Điều 7. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tham gia với Đảng đoàn Quốc hội trong quá trình chuẩn bị, xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh, các chính sách có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; các quy định liên quan tới việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể.

2. Giới thiệu nhân sự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ứng cử làm đại biểu Quốc hội khi có cơ cấu tham gia.

3. Tuyên truyền pháp luật trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, động viên nhân dân thực hiện tốt nghị quyết của Quốc hội.

4. Tập hợp, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất chính đáng của nhân dân với Quốc hội về tình hình của đất nước và những văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành.

Điều 8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tham gia ý kiến với Ban Cán sự đảng Chính phủ về xây dựng, bổ sung, sửa đổi những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, các tầng lớp xã hội.

2. Triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động toàn dân do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các cơ quan thuộc Chính phủ phát động.

Điều 9. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống cách mạng, quê hương đất nước, về pháp luật và lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam, góp phần vận động, tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp thanh niên, thiếu niên vào sinh hoạt, hoạt động trong các tổ chức của Đoàn, Hội và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Xây dựng tổ chức Đoàn, Hội, Đội vững mạnh.

3. Tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xã hội do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phát động.

Điều 10. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương:

1. Xây dựng tổ chức đảng, các đoàn thể, quản lý cán bộ, đảng viên và xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

2. Động viên cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể phát động.

Điều 11. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương:

1. Động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Triển khai thực hiện các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng trong lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Điều 12. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp:

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và giám sát việc thực hiện pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân.

2. Đấu tranh phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ trật tự, kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có phẩm chất, năng lực và đạo đức nghề nghiệp, liêm chính, chí công, vô tư.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI CÁC BAN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Điều 13. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chủ động phối hợp với các ban Trung ương Đảng trong các mặt công tác:

1. Tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành các nghị quyết, chủ trương, chính sách và tăng cường sự lãnh đạo

của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác vận động, tập hợp quần chúng, công tác dân tộc, tôn giáo và công tác đối ngoại nhân dân.

2. Hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể. Tham gia công tác kiểm tra, giám sát do các ban Trung ương Đảng chủ trì liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể.

3. Phối hợp để các ban đảng Trung ương thẩm định các chương trình, kế hoạch, tờ trình, đề án của Mặt trận, các đoàn thể liên quan đến công tác vận động quần chúng trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Điều 14. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các ban Trung ương Đảng trong xây dựng tổ chức và công tác cán bộ:

1. Chủ động đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương về tổ chức bộ máy và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

2. Chỉ đạo quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể theo nhiệm kỳ.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể khi lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, nếu phát hiện tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm, có đơn, thư tố cáo, hoặc các vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng thì thông báo bằng văn bản và gửi các tài liệu liên quan (nếu có) đến ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

CHƯƠNG V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, ĐẢNG ĐOÀN CÁC ĐOÀN THỂ VỚI CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY

Điều 15. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chủ trương công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương về công tác vận động quần chúng.

2. Nắm tình hình nhân dân; tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các đối tượng quần chúng để tổng hợp, nghiên cứu và đề xuất với Đảng, Nhà nước có những chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời.

Điều 16. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy trong xây dựng tổ chức và công tác cán bộ.

1. Đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và thực hiện chính sách đối với cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở tỉnh, thành phố theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương; trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì cấp ủy cùng cấp quyết định.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể theo nhiệm kỳ; xây dựng cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan các đoàn thể ở địa phương trong sạch, vững mạnh.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 18. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy định này.

Điều 19. Quy định này được phổ biến đến các cấp ủy đảng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 360-TB/TW, ngày 2 tháng 7 năm 2010
về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức
cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện
thông tin đại chúng

Tại phiên họp ngày 4 tháng 5 năm 2010, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo Đề án "Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng", ý kiến của các cơ quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên là nhiệm vụ thường xuyên và có ý nghĩa chiến lược đối với sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước; là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị.

Ngày nay, thông tin đại chúng phát triển mạnh mẽ và có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội; tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, đến việc hình thành nhân cách và lối sống của thanh niên. Do đó, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. Trong những năm qua, các cơ quan thông tin đại chúng nước ta đã có nhiều nỗ lực trong giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên. Nội dung, hình thức giáo dục ngày càng đa dạng, phong phú, sáng tạo, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn hơn, có tác động và ảnh hưởng lớn đến thanh niên.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản, việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống cho thế hệ trẻ trên các phương tiện thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Một số cơ quan thông tin đại chúng chưa nhận thức đúng ý nghĩa, tầm quan trọng và chưa có sự quan tâm thường xuyên, đúng mức đến nhiệm vụ này. Nội dung tuyên truyền giáo dục trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng thiếu toàn diện, không sát với thực tiễn, phương thức thể hiện còn xơ cứng, chưa phù hợp, chưa có sức thuyết phục, thiếu sức hấp dẫn, lôi cuốn đối với thanh niên. Tình trạng "thương mại hóa", cổ vũ lối sống hưởng thụ, đua đòi, tiêu dùng quá mức, bắt chước nước ngoài... ở một số phương tiện thông tin đã và đang tác động xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của thanh niên.

3. Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay cần tập trung vào các nội dung sau:

- Tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lý tưởng "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"; mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, yêu lao động, hiếu học, tự hào, tự tôn dân tộc. ý thức trách nhiệm trước bản thân, gia đình, quê hương; quyết tâm vượt qua đói nghèo, góp sức trẻ đưa đất nước tiến lên trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hăng hái học tập, nghiên cứu, tiếp thu khoa học, kỹ thuật, công nghệ để trở thành lớp người lao động trẻ, có kỹ thuật, kỷ luật và sáng tạo. Có ý thức tập thể cao, vì lợi ích chung của dân tộc. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; lối sống văn minh, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, có trách nhiệm với cộng đồng. Phê phán lối sống thực dụng, buông thả, ích kỷ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

4. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng, cần thực hiện tốt các công việc sau:

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan chủ quản, cơ quan thông tin đại chúng xây dựng và ban hành quy chế phối hợp trong lĩnh vực công tác này; tăng cường phổ biến, quán triệt tạo nên sự thống nhất cao về nhận thức trong cán bộ, đảng viên, phóng viên, biên tập viên các chương trình, chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục... liên quan đến thanh niên của các cơ quan thông tin để nâng cao trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

- Lãnh đạo các cơ quan chủ quản và cơ quan thông tin đại chúng cần quan tâm đổi mới, cải tiến nội dung, hình thức các chương trình tuyên truyền giáo dục, tạo thêm sự hấp dẫn và sức lôi cuốn thanh niên, tạo điều kiện để thanh niên trở thành chủ thể, cùng tham gia các chương trình, các chuyên đề, chuyên mục... trên thông tin đại chúng.

- Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường định hướng, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra nội dung các chương trình, chuyên trang, chuyên mục về văn hóa, văn nghệ, giải trí... Tạo điều kiện để Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh định kỳ gặp gỡ báo chí, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh căn cứ nhiệm vụ công tác thanh niên trong từng thời kỳ, nhu cầu, đặc điểm thị hiếu của thanh niên, xác định nội dung, đề xuất và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền, giáo dục thanh niên. Quan tâm hướng dẫn tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng điển hình những gương tốt, việc tốt trong cuộc sống để tuyên truyền trên thông tin đại chúng để nhân rộng, tạo sự lan tỏa rộng khắp trong thanh niên.

- Các cơ quan chủ quản quan tâm đầu tư xây dựng các cơ quan thông tin đại chúng vững mạnh, từng bước hiện đại, trong đó coi các chương trình giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng là chương trình mục tiêu được ưu tiên.

Căn cứ Kết luận của Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn triển khai và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện; định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 363-TB/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2010
về Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam

Tại phiên họp ngày 20 tháng 7 năm 2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Hội Khuyến học Việt Nam trình bày Tờ trình về "Tổ chức Đại hội lần thứ IV Hội Khuyến học Việt Nam" (số 157-TTr/KHVN, ngày 30 tháng 6 năm 2010), Văn phòng Trung ương Đảng trình bày bản tổng hợp ý kiến các ban đảng Trung ương về dự thảo các văn kiện và công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam, ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ căn cứ ý kiến góp ý của các cơ quan vào dự thảo các văn kiện và công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội, chỉ đạo Hội Khuyến học Việt Nam tiếp thu, hoàn chỉnh các văn kiện và công tác nhân sự chuẩn bị Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam, báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư về những vấn đề giữa các cơ quan và Hội Khuyến học Việt Nam còn có ý kiến khác nhau.

- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban và Hội Khuyến học Việt Nam chuẩn bị nhân sự Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam nhiệm kỳ tới, báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
số 46-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 2010
về chống sự xâm nhập của các sản phẩm
văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội
(Trích)

Những năm gần đây, ở nước ta, văn hóa có bước phát triển về nhiều mặt, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tinh thần lành mạnh, đa dạng của nhân dân, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được chú trọng bảo tồn và phát huy, các giá trị mới đang hình thành và phát triển. Hợp tác văn hóa với nước ngoài ngày càng mở rộng, nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị của thế giới được tiếp thu, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa của nhân dân ta.

Tuy vậy, thời gian qua, nhiều sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài đã xâm nhập vào nước ta bằng nhiều con đường, tác động rất xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, tâm lý, hành vi của một bộ phận nhân dân, nhất là thanh thiếu niên; làm hủy hoại, xói mòn nền tảng và những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Lối sống thực dụng, vụ lợi, vị kỷ, thích hưởng lạc, sa đọa; cái xấu, cái ác, phi nhân tính có dấu hiệu tăng lên rõ rệt. Môi trường đạo đức và văn hóa lành mạnh bị đe dọa nghiêm trọng, có nguy cơ dẫn tới khủng hoảng tinh thần, mất phương hướng lựa chọn các giá trị, lối sống và niềm tin của một bộ phận công chúng. Tình trạng đó đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự, an toàn, an ninh xã hội, dẫn tới khuynh hướng tự diễn biến về chính trị, tư tưởng, tác hại lâu dài đến các thế hệ mai sau.

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, song trước hết là do một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp... chưa nhận thấy rõ tác hại nghiêm trọng, nguy hiểm gây hủy hoại đạo đức xã hội của các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập từ bên ngoài vào nước ta; đồng thời do sự yếu kém, lúng túng, bị động, buông lỏng trong quản lý xã hội, quản lý văn hóa; sự bất cập của cơ chế quản lý trước những đặc điểm mới của quá trình hội nhập quốc tế.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng nhân cách, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, bảo vệ và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, tạo môi trường xã hội lành mạnh, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp tăng cường lãnh đạo, quản lý, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội, nhằm:

- Tạo phong trào quần chúng sâu rộng, ngăn chặn, đẩy lùi sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta. Xây dựng, nâng cao ý thức cảnh giác, năng lực nhận biết, bài trừ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước sự xâm nhập, tác động của các sản phẩm văn hóa độc hại.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý xã hội, quản lý văn hóa của các cơ quan đảng, nhà nước, sự tham gia chủ động, tích cực, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp để ngăn chặn, chống lại sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại.

- Tạo môi trường sống tốt đẹp, trong sạch, đa dạng; sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, đồng thời tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hóa của thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa phong phú của nhân dân.

Để thực hiện các mục tiêu trên, cần làm tốt các việc sau:

1. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở các cấp phải thực sự quan tâm, có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống phù hợp với từng đối tượng trong xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ, nâng cao năng lực và trình độ nhận biết, đánh giá để bài trừ, tẩy chay các sản phẩm văn hóa độc hại. Tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị, từ Trung ương đến cơ sở, cần xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, nền nếp các quy định cụ thể về ngăn chặn, phê phán, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào cơ quan, đơn vị và từng cá nhân.

2. Vận động các tầng lớp nhân dân chấp hành đầy đủ, nghiêm túc pháp luật, các quy định về bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, mặt trận, đoàn thể đấu tranh chống sản phẩm văn hóa độc hại đồng bộ, toàn diện, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, nhất là ở khu vực đô thị, cửa khẩu, vùng biên giới.

Tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nâng cao ý thức tự giác của các thành viên trong gia đình tẩy chay, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, bảo vệ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Ngành giáo dục và Đoàn Thanh niên cần đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, ứng xử văn hóa và kỹ năng sống cho thanh thiếu niên,

học sinh, sinh viên; bằng nhiều biện pháp kiên quyết bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nhà trường và thế hệ trẻ.

3. Khẩn trương rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, đồng thời xây dựng mới các chính sách, cơ chế, chế tài xử lý đáp ứng đòi hỏi của công tác quản lý xã hội, quản lý văn hóa trong tình hình mới nhằm ngăn chặn, bài trừ có hiệu quả sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại; đặc biệt chú trọng quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, công bố, giới thiệu, truyền bá các sản phẩm văn hóa từ nước ngoài trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại các cơ sở dịch vụ văn hóa.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, đặc biệt ở khâu thẩm định, thanh tra, kiểm tra văn hóa.

(...)

6. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy đảng các cấp quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

(...)

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ và cán bộ, đảng viên.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ
số 80-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2010
về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW
của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới
(Trích)

Sau khi nghe báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương và kết quả Hội nghị tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài", Ban Bí thư kết luận như sau:

I- Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII), công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đạt được một số kết quả bước đầu. Số tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân và số lượng đảng viên, đoàn viên trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên. Nhiều tổ chức đảng, đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp đã thể hiện được vai trò, vị trí của mình, góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc yêu cầu, nội dung Chỉ thị của Bộ Chính trị; việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa thường xuyên, chặt chẽ và thiếu đồng bộ; việc sơ kết, tổng kết thực hiện Chỉ thị chưa kịp thời. Số lượng tổ chức đảng, các đoàn thể và số lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp còn thấp; nhìn chung vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp còn mờ nhạt, nội dung, phương thức hoạt động còn lúng túng, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong tình hình mới.

II- Để tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có dưới 50% vốn nhà nước; các doanh nghiệp thành lập theo Luật hợp tác xã (gọi tắt là doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước), các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và chủ doanh nghiệp về nhiệm vụ xây dựng, phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 07-CT/TW của Bộ Chính trị

Tích cực tuyên truyền, vận động để chủ doanh nghiệp nhận thức rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tác dụng của việc thành lập tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp. Giáo dục, động viên người lao động phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, chấp hành tốt pháp luật và nội quy, quy chế của doanh nghiệp, tích cực tham gia xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân và phấn đấu để trở thành đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Hằng năm, cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức gặp mặt, động viên, biểu dương các doanh nghiệp làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; biểu dương, khen thưởng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, các tổ chức đoàn thể nhân dân vững mạnh xuất sắc.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng

Thành lập ban chỉ đạo xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở các tỉnh, thành phố và quận, huyện có nhiều doanh nghiệp do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư làm trưởng ban; đồng chí trưởng ban tổ chức cấp ủy và 1 đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp làm phó trưởng ban; một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành có liên quan là thành viên và có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách giúp việc. Ban chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong các loại hình doanh nghiệp; tổ chức việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đề ra. Các huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh ủy, đảng ủy khối doanh nghiệp, đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp.

3. Xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể trong doanh nghiệp

(...)

Các cấp ủy, đoàn thể cấp trên rà soát lại các tổ chức đoàn thể nhân dân để tổ chức lại cho đồng bộ, phù hợp với tổ chức đảng.

4. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp; tích cực xây dựng, phát triển tổ chức đảng và làm tốt công tác phát triển đảng viên

(...)

5. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp

Đối với những doanh nghiệp đã có các đoàn thể: Các cấp ủy, đoàn thể cấp trên tăng cường chỉ đạo, kiểm tra để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp giải quyết những khó khăn, vướng mắc. Các đoàn thể nhân dân phải tự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện của từng loại hình doanh nghiệp. Cùng với việc chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, phải động viên đoàn viên, hội viên chấp hành đúng pháp luật, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, tích cực tham gia xây dựng doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp chưa có các đoàn thể: Ban chấp hành công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ cấp trên chỉ đạo việc tích cực chuẩn bị để sớm thành lập tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên hoặc hội liên hiệp thanh niên, hội phụ nữ trong doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Chuyển sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên cho những đoàn viên làm việc ở doanh nghiệp nhưng sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên ở nơi khác về tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên của doanh nghiệp ngay sau khi thành lập.

6. Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp

Các cấp ủy, ban chấp hành các đoàn thể cấp trên phải quan tâm xây dựng, kiện toàn, nâng cao chất lượng các cấp ủy, đặc biệt là bí thư đảng bộ, chi bộ, chủ tịch công đoàn, chủ tịch hội phụ nữ, bí thư đoàn thanh niên trong doanh nghiệp. Nếu có đủ điều kiện nên bố trí bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, giám đốc hoặc phó giám đốc để kết hợp công tác lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công

tác cho các cấp ủy viên, lãnh đạo các đoàn thể; nghiên cứu xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp. Đối với các tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... thì ngoài biên chế chung cho các tỉnh ủy, thành ủy, cần bổ sung thêm một số biên chế phù hợp với quy mô và số lượng doanh nghiệp để có cán bộ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp.

III- Để làm tốt các nhiệm vụ nêu trên, các ban đảng, các cơ quan có liên quan ở Trung ương, các cấp ủy, chính quyền địa phương cần thực hiện tốt các nội dung sau:

(...)

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước; mục đích, ý nghĩa, tác dụng tích cực của tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp; biểu dương, tôn vinh các doanh nghiệp, các cá nhân gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện cho tổ chức đảng và các đoàn thể nhân dân hoạt động.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo bổ sung, sửa đổi Bộ luật lao động, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật công đoàn; ban hành khuôn khổ pháp lý để hình thành các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các nghị định hướng dẫn thi hành Bộ luật lao động, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật công đoàn, trong đó quy định rõ về việc thành lập và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp; việc doanh nghiệp tạo điều kiện (thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất) cho tổ chức đảng, các đoàn thể hoạt động; việc tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh các khoản chi hợp lý hỗ trợ cho tổ chức đảng, các đoàn thể hoạt động, các chế tài xử phạt nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng.

4. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động hiểu rõ lợi ích khi tham gia công đoàn; chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài hiểu tác dụng của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Nghiên cứu, sắp xếp lại tổ chức công đoàn trong các khu công nghiệp, khu chế xuất cho đồng bộ với tổ chức đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở.

5. Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo các cấp bộ đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên về vai trò, vị trí của tổ chức đoàn, hội thanh niên. Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức đoàn, hội phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp; củng cố các tổ chức đoàn đã có và khẩn trương xúc tiến việc thành lập tổ chức đoàn, hội trong các doanh nghiệp có đủ điều kiện; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đoàn, hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

6. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo xây dựng mô hình tập hợp lao động nữ ở khu công nghiệp, khu chế xuất, ở địa bàn dân cư có nhiều lao động nữ trong các doanh nghiệp. Thí điểm việc thành lập tổ chức Hội Phụ nữ trong các doanh nghiệp tư nhân.

(...)

8. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Kết luận này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Kết luận này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ
số 83-KL/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2010
về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2004
của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào
thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và
nhân điển hình tiên tiến"
(Trích)

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo kết quả hơn 5 năm thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến", Ban Bí thư đã kết luận như sau:

Trong thời gian qua, việc thực hiện Chỉ thị đã nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước. Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng đã có những tiến bộ quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn để Nhà nước quản lý thi đua, khen thưởng bằng pháp luật. Hội đồng thi đua, khen thưởng và tổ chức bộ máy thi đua, khen thưởng các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn, hoạt động ngày càng có hiệu quả. Các cơ quan truyền thông đại chúng có nhiều hình thức tuyên truyền, biểu dương người tốt, việc tốt.

Phong trào thi đua yêu nước đã được triển khai với nội dung, tiêu chí, hình thức phát động thi đua từng bước được đổi mới, bám sát nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của từng bộ, ngành, địa phương, đơn vị. Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", phong trào thi đua yêu nước đã gắn với việc triển khai cuộc vận động. Đã có nhiều tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, được các cấp khen thưởng. Việc bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến có bước chuyển tích cực. Những tiến bộ đó đã góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết dân tộc và đồng thuận xã hội.

Tuy nhiên, phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua còn hình thức, có nơi chỉ giao cho cơ quan chuyên môn.

Phong trào thi đua phát triển chưa đồng đều, rộng khắp và liên tục, chưa gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, làm hạn chế động lực. Việc khen thưởng còn tràn lan, nhiều nơi còn cào bằng, chưa kịp thời, chưa chính xác, có biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong suy tôn, bình xét khen thưởng; không ít trường hợp vận dụng khen thưởng chưa đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng, nặng về thành tích, chất lượng không bảo đảm, thủ tục hành chính phức tạp, thẩm định hồ sơ khen thưởng chưa sát, thiếu chặt chẽ; một số tập thể, cá nhân được khen thưởng ít có sức lan tỏa và nêu gương trong cuộc sống. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng bậc cao còn hình thức, dễ dãi, tràn lan, mang tính phong trào hơn là chọn điển hình tiên tiến. Một số tập thể, cá nhân chưa có thành tích tiêu biểu xuất sắc, nhiều vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng, nội bộ thiếu đoàn kết, thống nhất đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét kết luận, nhưng vẫn được đề nghị khen thưởng, có những trường hợp khi tổ chức khen thưởng đã gây phản cảm, bức xúc trong dư luận xã hội.

Khen thưởng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý còn nhiều, ít khen thưởng cho người lao động trực tiếp sản xuất. Việc tổ chức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp còn tràn lan, có biểu hiện thương mại hóa, chưa đảm bảo tính tiêu biểu, nêu gương và giáo dục, ít được dư luận xã hội đồng tình.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là:

- Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và toàn xã hội về vị trí, vai trò của công tác thi đua trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ; chậm nắm bắt thực tiễn để phát động thi đua, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến.

(...)

- Hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng còn bất cập, chưa theo kịp với thực tiễn cuộc sống, chậm được thay thế, sửa đổi, bổ sung.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt những chủ trương, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng

Tiếp tục tập trung quán triệt sâu sắc, đầy đủ Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu

nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến" và các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Qua đó, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên làm công tác thi đua, khen thưởng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn hệ thống chính trị phải coi công tác thi đua, khen thưởng là động lực cách mạng to lớn để thực hiện nhiệm vụ chính trị và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới, làm tốt nhiệm vụ hằng ngày của mình, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ *"Thật ra công việc hằng ngày chính là nền tảng của công tác thi đua"*.

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua yêu nước

(...)

- Cơ quan chính quyền nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, báo cáo kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng về kết quả tổ chức các phong trào thi đua yêu nước.

- Việc tổ chức các phong trào thi đua yêu nước phải được tiến hành kịp thời, tránh phô trương, hình thức, bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

- Cơ quan chính quyền các cấp, nhất là cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch, biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, người Việt Nam và kiều bào ở nước ngoài hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước.

- Mỗi phong trào thi đua cần xác định rõ chủ đề, nội dung, hình thức và tiêu chí thi đua, gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tạo sự tiến bộ rõ rệt về phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường xã hội lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Tiến hành tổng kết phong trào thi đua yêu nước, xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến.

Các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương và bộ, ngành, địa phương phát động cần được kiểm tra, tổng kết, đánh giá đúng những kết quả

đạt được, chỉ ra những mặt còn hạn chế. Qua đó rút ra cách làm hay, kinh nghiệm tốt để nhân rộng các điển hình tiên tiến, bảo đảm sự phù hợp với từng cấp, từng ngành. Các điển hình tiên tiến được xem xét lựa chọn để xây dựng và nhân rộng phải thực sự tiêu biểu, nêu gương người tốt, việc tốt, có sức lan tỏa trong cơ quan, đơn vị, tạo động lực mới để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, góp phần tổng kết các điển hình tiên tiến trong toàn quốc.

3. Đối với công tác khen thưởng

- Các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua yêu nước được cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

- Cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng bám sát phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị. Thông qua các phong trào thi đua, phát hiện những nhân tố điển hình để biểu dương, khen thưởng kịp thời; nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ khen thưởng, bảo đảm việc tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân được chính xác, có tác dụng nêu gương, giáo dục và có sức lan tỏa trong cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng và Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị các hình thức khen thưởng, nhất là hình thức khen thưởng bậc cao. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng các cấp chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng và cấp có thẩm quyền về chất lượng hồ sơ được trình khen thưởng.

(...)

5. Về tổ chức thực hiện

(...)

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Kết luận này.

(...)

Kết luận này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BI THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 377-TB/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2010
về Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII

Trong phiên họp ngày 21 tháng 9 năm 2010, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam báo cáo về việc tổ chức Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII (Công văn số 123-CV/ĐDLH, ngày 6 tháng 9 năm 2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Ban Bí thư đánh giá cao công tác chuẩn bị Đại hội; các văn kiện trình Đại hội lần thứ VIII Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, chặt chẽ, dân chủ, lấy ý kiến từ cơ sở. Đồng ý cho tiến hành Đại hội lần thứ VIII với các nội dung Đảng đoàn đã trình Ban Bí thư trong Công văn số 123-CV/ĐDLH, ngày 6 tháng 9 năm 2010.

Điều lệ của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam cần hoàn thiện theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2. Giao Ban Chỉ đạo Đại hội các hội văn học nghệ thuật Trung ương giúp Ban Bí thư tiếp tục chỉ đạo Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII theo đúng tinh thần Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2009 của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 380-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2010
về Năm Thanh niên 2011
(Trích)

Tại phiên họp ngày 24 tháng 8 năm 2010, sau khi nghe Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh báo cáo Đề án Năm Thanh niên 2011 (Tờ trình số 2073-TTr/TWĐTN, ngày 18 tháng 8 năm 2010); ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương lấy năm 2011 là "Năm Thanh niên" và cơ bản nhất trí Đề án Năm Thanh niên 2011 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, với mục tiêu phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích, sáng tạo, tinh thần tự nguyện của thanh niên trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác thanh niên; đầu tư tập trung hơn cho công tác bồi dưỡng, giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát triển các tổ chức thanh niên do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt để tăng cường đoàn kết, tập hợp thanh niên.

Ban Bí thư Trung ương Đoàn tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư tại phiên họp để bổ sung, hoàn chỉnh Đề án.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện một số nội dung sau:

- Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

- Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010. Xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

- củng cố, kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về công tác thanh niên; rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật và chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

- Đánh giá việc thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho thanh thiếu nhi; đẩy mạnh triển khai các đề án, công trình đã có chủ trương.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi; tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong công tác giáo dục toàn diện thanh thiếu nhi để từng bước hình thành lớp thanh niên giàu lòng yêu nước, sống có lý tưởng, có lối sống, nếp sống văn minh công nghiệp, có kiến thức và kỹ năng xã hội phù hợp với sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tập trung triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thanh niên; lựa chọn tập trung thực hiện một số đề án, công trình đã có chủ trương để tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức cho thế hệ trẻ về chủ quyền an ninh quốc gia, về trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiếp tục phát huy vai trò xung kích, tinh thần tình nguyện của thanh niên thông qua các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng và các chương trình, dự án, đề án đã được phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, xung kích đưa nghị quyết đại hội đảng vào cuộc sống.

- Bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp.

(...)

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án và báo cáo Ban Bí thư theo quy định.

Thông báo này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

số 330-QĐ/TW, ngày 4 tháng 10 năm 2010

**về trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ,
Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và
các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự
đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân**
(Trích)

(...)

Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Mục đích

Làm rõ vai trò, trách nhiệm của Đảng trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; tạo sự thống nhất, chủ động phối hợp giữa Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương, các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong quá trình lựa chọn, giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực, uy tín và điều kiện để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị; phát huy dân chủ trong các tổ chức đảng và trong nhân dân.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định

về phân cấp quản lý cán bộ, các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế hiện hành.

Chương II

TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ NHÂN SỰ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 4. Đảng đoàn Quốc hội

1. Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức, cơ quan liên quan thảo luận, dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở Trung ương và địa phương.

2. Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị dự kiến cơ cấu, tổ chức của Quốc hội khóa mới để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lãnh đạo việc tổ chức các hội nghị hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội đúng pháp luật, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần.

4. Dự kiến nhân sự đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội có đủ điều kiện tái ứng cử đại biểu Quốc hội.

5. Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư danh sách nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi công bố chính thức.

6. Tham gia xây dựng phương án nhân sự cấp cao của Quốc hội và các cơ quan nhà nước khóa mới; nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân cấp tỉnh khóa mới.

(...)

Điều 6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Lãnh đạo, chỉ đạo Ban Thường trực ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tổ chức hội nghị hiệp thương theo đúng quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm số lượng, cơ cấu, thành phần đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến; giới thiệu người bảo đảm tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Dự kiến nhân sự của ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

3. Chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương dự kiến cơ cấu, nhân sự các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

4. Chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện quy trình thẩm định nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội.

5. Chỉ đạo việc trao đổi ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan về nhân sự tự ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi đưa vào danh sách hiệp thương.

6. Chỉ đạo việc hướng dẫn ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp ở địa phương tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

(...)

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và hướng dẫn thực hiện Quy định này phù hợp với Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(...)

Điều 15. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
số 382-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2010
về công nhận ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10

Ngày 31 tháng 8 năm 2010, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trình Ban Bí thư xin chủ trương công nhận ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 (Tờ trình số 17-TTr/ĐCT, ngày 31 tháng 8 năm 2010), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung Tờ trình của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và đồng ý công nhận ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 để thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng đối với vai trò của phụ nữ và tổ chức phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng của đất nước. Hằng năm, nhân ngày Phụ nữ Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân có hình thức kỷ niệm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, xứng đáng với 8 chữ vàng "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" mà Bác Hồ đã ban tặng.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tiếp tục thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; đoàn kết, tập hợp, vận động phụ nữ phát huy vai trò, thế mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức xã hội thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến phụ nữ và công tác cán bộ nữ để phụ nữ phát huy tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước.

Thông báo này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 397-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2010
về việc xây dựng Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An

Trong phiên họp ngày 16 tháng 11 năm 2010, sau khi nghe đại diện lãnh đạo tỉnh Long An báo cáo về việc xây dựng Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An (Công văn số 3308/UBND-CN, ngày 17 tháng 9 năm 2010); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

Ban Bí thư đã đồng ý chủ trương xây dựng Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An (Công văn số 5060-CV/VPTW, ngày 29 tháng 5 năm 2008) nhằm tôn vinh, thể hiện lòng biết ơn của các thế hệ hôm nay đối với Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, một đồng chí lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, một trí thức tiêu biểu, có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn ủy ban nhân dân tỉnh lập và phê duyệt dự án xây dựng Khu lưu niệm có quy mô phù hợp theo quy định của Đảng, Nhà nước, trình Chính phủ phương án giải quyết kinh phí cho xây dựng Khu lưu niệm từ các nguồn vốn của Trung ương, địa phương, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
số 49-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2010
về lãnh đạo Đại hội đại biểu phụ nữ các cấp
tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI

Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm và đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và phát huy vai trò, thế mạnh, tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, trong đó hội liên hiệp phụ nữ có vai trò nòng cốt.

Trong những năm qua, các tầng lớp phụ nữ và hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã không ngừng phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; đoàn kết, tập hợp, động viên các tầng lớp phụ nữ tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Tuy nhiên, phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vẫn còn có những mặt hạn chế. Phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện vai trò của mình trong gia đình và xã hội; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cơ hội tìm việc làm để có thu nhập ổn định của một bộ phận phụ nữ còn nhiều khó khăn; kết quả thực hiện chức năng đại diện, tham gia quản lý nhà nước của hội chưa cao; công tác cán bộ nữ còn nhiều hạn chế, bất cập; việc tập hợp các đối tượng phụ nữ, đặc biệt là nữ doanh nhân, nữ trí thức, phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài... chưa đáp ứng yêu cầu đoàn kết, mở rộng tính liên hiệp của tổ chức hội trong tình hình hiện nay.

Năm 2011 là năm tổ chức đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI. Đây là sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới trong việc phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Để lãnh đạo đại hội phụ nữ các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ chính sau đây:

1. Lãnh đạo ban chấp hành hội liên hiệp phụ nữ các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội: Báo cáo trình đại hội cần đánh giá đúng thực trạng tình hình phụ nữ và hoạt động của các cấp hội trong 5 năm qua; khẳng định những

đóng góp của các tầng lớp phụ nữ; nêu rõ khuyết điểm, yếu kém và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm. Bám sát thực tiễn phong trào phụ nữ; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nghị quyết đại hội đảng các cấp; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng và phát triển tổ chức hội ngày càng vững mạnh trong nhiệm kỳ tới.

Trong quá trình lãnh đạo đại hội, các cấp ủy đảng cần kết hợp đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự ban chấp hành các cấp hội phụ nữ khóa mới đảm bảo tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu, tính liên hiệp, có sự kế thừa và phát triển, đáp ứng năng lực lãnh đạo trong thời kỳ mới. Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp cho ý kiến định hướng nhân sự đại hội đúng nguyên tắc, quy trình theo quy định của Đảng và Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội; chỉ đạo hội liên hiệp phụ nữ các cấp phát động phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, đạt nhiều kết quả chào mừng đại hội đại biểu các cấp tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Chỉ đạo các cấp chính quyền, các ban, ngành chức năng đảm bảo các điều kiện cần thiết để hội liên hiệp phụ nữ các cấp tổ chức tốt đại hội.

4. Đại hội phụ nữ các cấp phải được chỉ đạo tập trung, chuẩn bị chu đáo để đại hội diễn ra trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả và đúng tiến độ. Thời gian tiến hành đại hội cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh từ quý I-2011 đến quý IV-2011; Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI tổ chức vào quý I-2012.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, ủy ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
số 406-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2010
về điều chỉnh sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp khối Mặt trận Tổ quốc
và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương
sau 2 năm thực hiện Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2008
của Ban Bí thư Trung ương Đảng

Tại phiên họp ngày 28 tháng 12 năm 2010, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo về một số kiến nghị điều chỉnh sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương sau 2 năm thực hiện Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2008 của Ban Bí thư (Tờ trình số 412-TTr/BDVTW, ngày 19 tháng 10 năm 2010); ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng (số 10988-CV/VPTW, ngày 27 tháng 12 năm 2010) và ý kiến của đại diện các cơ quan liên quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Thực hiện Kết luận của Ban Bí thư nêu tại Thông báo số 175-TB/TW, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương đã có cố gắng, khẩn trương tiến hành sắp xếp các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Tuy nhiên, sau 2 năm thực hiện, hiện vẫn còn 37 doanh nghiệp chưa thực hiện việc sắp xếp, chuyển đổi xong như kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân một phần do các đoàn thể thiếu bộ máy và cán bộ chuyên trách cho công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp.

2. Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi, sắp xếp doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương quản lý, Ban Bí thư đồng ý điều chỉnh kế hoạch sắp xếp các doanh nghiệp này theo đề nghị của Ban Dân vận Trung ương và ý kiến đề xuất của Văn phòng Trung ương Đảng.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, cần chú trọng việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa phải hết sức thận trọng, không để thất thoát tài sản của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và đảm bảo lợi ích của người lao động; phải đánh giá đúng giá trị doanh nghiệp, nhất là những nơi có vị trí đất đai thuận lợi.

Đối với khu đất tại số 60 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Công ty Du lịch Hòa Bình cần thống nhất, phối hợp để thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quyết định của Chính phủ.

Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần chỉ đạo các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc thực hiện tốt việc sắp xếp doanh nghiệp trong hệ thống, tránh để thất thoát tài sản của công đoàn, nhất là các doanh nghiệp đang có trụ sở trên diện tích đất lớn và nằm trên những vị trí thuận tiện cho kinh doanh du lịch.

3. Giao Ban Dân vận Trung ương làm đầu mối, có sự phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương thực hiện, đảm bảo việc sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình triển khai, nếu còn có vướng mắc thì trực tiếp xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí Thường trực Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ SỐ 50-CT/TW NGÀY 5 THÁNG 1 NĂM 2011
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu hội đồng nhân
dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016
(Trích)

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 sẽ được tiến hành vào cùng một ngày trong năm 2011.

Cuộc bầu cử diễn ra trong thời điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng vừa kết thúc thắng lợi; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức phấn đấu triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Cương lĩnh chính trị và Nghị quyết Đại hội XI đã đề ra. Công cuộc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đã và đang thu được những thành tựu quan trọng, nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bối cảnh quốc tế và khu vực có những thuận lợi và khó khăn đan xen; các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu chống phá chế độ, cản trở sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức phấn đấu, đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

(...)

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 đạt kết quả cao, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, các tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những yêu cầu, nhiệm vụ sau đây:

1- Có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử; bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

2- Lãnh đạo tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ; gắn kết quả nhân sự của đại hội đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị nhân sự để giới thiệu những người tiêu biểu, đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân. Người được giới thiệu vào danh sách ứng cử để bầu làm đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân cần phải có năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân, thường xuyên liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân, không tham nhũng và kiên quyết đấu

tranh chống tham nhũng, luôn bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân yêu mến, tín nhiệm.

3- Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, coi trọng tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có quan điểm quần chúng, có đủ năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân. Đồng thời có cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác ở cơ quan đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; bảo đảm số lượng đại biểu chuyên trách theo đúng quy định của pháp luật; có tỷ lệ hợp lý đại biểu của các dân tộc thiểu số, các tôn giáo, đại biểu nữ, đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân tiêu biểu thuộc các thành phần kinh tế. Việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân phải bảo đảm theo đúng quy trình đã được pháp luật quy định và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền.

4- Lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc tổ chức hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; bảo đảm các điều kiện thuận lợi để mọi công dân thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

5- Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân; về vị trí, vai trò của Quốc hội và hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; về vị trí, vai trò của người đại biểu nhân dân; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả. Động viên mọi cử tri tự giác, tích cực và chủ động tham gia bầu cử; mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, đề cao trách nhiệm, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia bầu cử.

(...)

8- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Bầu cử Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chỉ thị này, bảo đảm đề cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp thành công tốt đẹp.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Đã ký: NÔNG ĐỨC MẠNH

VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI (01-2011)

(Trích)

I- KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X;
NHÌN LẠI 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI 2001 - 2010, 20 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 1991

(...)

A-THÀNH TỰU

(...)

4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố

Đảng và Nhà nước tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy hơn nữa quyền làm chủ, bảo đảm lợi ích của nhân dân, vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Công tác dân vận của hệ thống chính trị có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức. Các cấp uỷ đảng, chính quyền lắng nghe, tăng cường đối thoại với các tầng lớp nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau. Dân chủ trong Đảng, trong các tổ chức và xã hội được mở rộng, nâng cao; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật được coi trọng.

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được mở rộng và tăng cường trên cơ sở thống nhất về mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phát huy tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, mở rộng tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên, tổ chức nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động có hiệu quả thiết thực...; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần tích cực vào những thành tựu của đất nước.

(...)

B- HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

(...)

4. Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ

Quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một vài lĩnh vực còn bị vi phạm. Việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được thể chế đầy đủ

thành pháp luật; hoặc đã thể chế hoá nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc; công tác kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; giữa chủ trương và tổ chức thực hiện còn cách biệt. Việc tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân còn hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở.

(...)

6. Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục

(...)

Một số tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể nhân dân chưa quan tâm đúng mức công tác dân vận. Nội dung, phương thức vận động, tập hợp quần chúng vẫn nặng tính hành chính.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên một số nội dung chưa rõ, chậm đổi mới. Chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng chưa được xác định rõ ràng, cụ thể nên hoạt động còn lúng túng. Phong cách, lề lối làm việc đổi mới chậm; hội họp vẫn nhiều. Nguyên tắc tập trung dân chủ còn bị vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Nhìn tổng quát, 5 năm qua, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng. Ứng phó có kết quả với những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước. Cơ bản giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, các ngành đều có bước phát triển, quy mô nền kinh tế tăng lên; đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao; phát huy dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt một số kết quả tích cực.

Kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* và 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

(...)

Nguyên nhân của những thành tựu đạt được 5 năm qua là do sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X, giải quyết kịp thời, có kết quả những vấn đề mới phát sinh; sự đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và các cơ quan dân cử; sự điều hành năng động của Chính phủ, chính quyền các cấp; sự nỗ lực của Mặt trận Tổ

quốc và các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng các doanh nghiệp. Bối cảnh hội nhập quốc tế đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra chưa đạt. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chậm; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hoá xã hội tăng lên. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu cản trở sự phát triển. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

(...)

X- PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp. Thực hiện tốt hơn *Quy chế dân chủ ở cơ sở* và *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*. Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết.

2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân

tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò của giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, cải thiện điều kiện nhà ở, làm việc... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao trình độ giác ngộ của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả bền vững công cuộc xoá đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp.

Xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng và Nhà nước.

Tạo điều kiện xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của đội ngũ doanh nhân trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và nước ngoài; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, hàng hoá, dịch vụ cho đất nước và xuất khẩu; đóng góp cho ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng sản phẩm;

tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam; đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ cho thế hệ trẻ. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Hình thành lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các luật pháp, chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỉ lệ phụ nữ tham gia vào cấp uỷ và bộ máy quản lý nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Phát huy truyền thống Bộ đội Cụ Hồ, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân của cựu chiến binh. Động viên cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống, tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để người cao tuổi hưởng thụ văn hoá, được tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”; giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng dân tộc thiểu số. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời,

đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước; tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng đất nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phát huy vai trò nòng cốt tập hợp, đoàn kết nhân dân xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

(...)

**CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)**

(Trích)

I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều.

Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

2. Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, Đảng đã rút ra *những bài học kinh nghiệm lớn*:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu,

tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.*

(...)

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt *các phương hướng cơ bản* sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

(...)

III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

(...)

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, công hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào

định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

(...)

4. Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

2. Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân* có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các

đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

4. *Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

(...)

KẾT LUẬN SỐ 02-KL/TW
NGÀY 16 THÁNG 03 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tình hình kinh tế - xã hội năm 2011
(Trích)

Tại phiên họp ngày 10 - 11 tháng 3 năm 2011, sau khi nghe Ban cán sự Đảng Chính phủ báo cáo bổ sung tình hình kinh tế - xã hội năm 2010 và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị thảo luận và kết luận :

I - TÌNH HÌNH

1- Tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2011

Bước sang năm 2011, nước ta có những thuận lợi cơ bản : Nền kinh tế tiếp tục giữ được mức tăng trưởng khá; an sinh xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã thành công tốt đẹp, tạo sức mạnh và niềm tin trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức vẫn còn rất lớn. Trên thế giới, kinh tế thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp...(…) Ở trong nước, kinh tế - xã hội của nước ta tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, thậm chí lớn hơn so với dự báo cuối năm trước về lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội. Tăng trưởng GDP có xu hướng chậm lại, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2010; giá cả, lạm phát, mặt bằng lãi suất tăng cao so với chỉ số lạm phát và tỉ suất lợi nhuận của doanh nghiệp; tình trạng đô la hóa và sử dụng vàng để kinh doanh, làm công cụ thanh toán trở nên phổ biến và nghiêm trọng hơn; tỉ giá biến động mạnh, giá vàng tăng cao; dự trữ ngoại hối giảm ; việc cung cấp điện còn nhiều căng thẳng. Ngoài ra, việc rét đậm, rét hại kéo dài ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ cũng đã gây tổn thất và tác động bất lợi không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân.

Tình hình trên tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống của nhân dân, nhất là người nghèo, người thu nhập thấp, người về hưu, cán bộ, công chức, viên chức và ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với việc thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và những năm tiếp theo như Quốc hội đã thông qua và Nghị quyết Đại hội XI đã đề ra.

Nguyên nhân của tình hình trên : Về khách quan, do tác động tiêu cực của tình hình kinh tế thế giới; về chủ quan là do những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế, mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế chậm được khắc

phục, bị tích tụ nặng nề hơn trong những năm phải đối phó với tình trạng suy giảm kinh tế và do một số hạn chế trong quản lý, điều hành của các cấp. Đây cũng chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trong nhiều năm qua, nước ta luôn phải đối mặt với tình trạng lạm phát cao và kinh tế vĩ mô không vững chắc, gay gắt hơn các nước trong khu vực.

2- Tình hình trong thời gian tới

(...)

Ở trong nước: Việc thực hiện đồng thời ba mục tiêu (kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội) và chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2011 gặp nhiều khó khăn, thách thức; kết quả tùy thuộc rất nhiều vào yếu tố quyết tâm và đồng thuận của toàn xã hội, vào năng lực, hiệu lực, hiệu quả của việc điều hành, tổ chức triển khai thực hiện thành công các chủ trương của Đảng và Nghị quyết 11/NQ-CP, ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ. Chỉ số giá tiêu dùng có thể còn tiếp tục tăng cao. Những tác động của các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô bên cạnh mặt tích cực, có thể có những tác dụng phụ làm giảm tốc độ tăng trưởng, ảnh hưởng đến thị trường bất động sản, thị trường tài chính, tiền tệ, tính thanh khoản và độ an toàn của một số ngân hàng thương mại, nhất là đối với sự ổn định của hệ thống cơ chế, chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

A- Về chủ trương

- Các cấp, các ngành cần quán triệt sâu sắc, nhất quán tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 là : Kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội. Đây là những nhiệm vụ có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau; cần được quán triệt, triển khai đồng bộ trong suốt quá trình phát triển.

- Tập trung ưu tiên hàng đầu cho việc kiềm chế lạm phát; ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội; coi đây vừa là nhiệm vụ cấp bách ngắn hạn của năm 2011, vừa là nhiệm vụ quan trọng của một vài năm tiếp theo . Trong năm 2011 và một vài năm đầu của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, không quá câu thúc bởi mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 cao hơn năm 2010 để tránh tạo ra lạm phát cao, tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối của kế hoạch 5 năm. Từ giữa năm 2011, căn cứ tình hình thực tế 6 tháng đầu năm, Bộ Chính trị sẽ có chỉ đạo tiếp theo. Chưa đặt vấn đề điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 vào lúc này.

(...)

B- Một số giải pháp chủ yếu

Đồng thời với việc tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nghị quyết Chính phủ đã ban hành, đặc biệt là Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 24-02-2011 "Về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội", cần triển khai thực hiện những giải pháp đối với các vấn đề quan trọng sau đây :

(...)

4- Về vấn đề nhập siêu

Tận dụng mọi cơ hội tăng cường xuất khẩu; kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, nhất là những mặt hàng xa xỉ, hàng trong nước sản xuất được; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Triển khai quyết liệt chủ trương khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ; thu hẹp dần sự mất cân đối trong cán cân xuất nhập khẩu, giảm nhập siêu.

(...)

7- Về bảo đảm an sinh xã hội

Thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội đã ban hành; đồng thời sâu sát nắm tình hình để hỗ trợ kịp thời các đối tượng khác, kể cả đối tượng cận nghèo, người thu nhập thấp gặp nhiều khó khăn do tác động của lạm phát và điều chỉnh giá.

Tập trung ưu tiên nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất và quản lý tốt hoạt động xuất khẩu lương thực, thực phẩm, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn.

8- Về công tác tuyên truyền

Cần quán triệt sâu sắc tạo sự thống nhất nhận thức cao trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong toàn xã hội về tình hình và những chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước; củng cố niềm tin; động viên cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện và động viên các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, giải pháp, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

(...)

Bộ Chính trị tin tưởng với sự đồng tâm hiệp lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện những chủ trương, biện pháp trên đây và các nghị quyết của Chính phủ, đất nước ta chắc chắn sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức hiện nay, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ XI của Đảng đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ 01-CT/TW NGÀY 17 THÁNG 3 NĂM 2011
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về học tập, quán triệt và triển khai nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XI của Đảng
(Trích)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã thông qua Nghị quyết và các văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Để triển khai việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cấp, các ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1- Chủ động xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XI. Trên cơ sở nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết và các văn kiện Đại hội XI, Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đảng đoàn đoàn thể chính trị - xã hội, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp, các ngành chủ động xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện một cách tích cực, sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị và tạo ra phong trào thi đua trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đã đề ra.

Trong xây dựng chương trình hành động, cần chú trọng đề ra các biện pháp thiết thực, có lộ trình hợp lý giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc, cấp bách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, đảm bảo đời sống nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển, đồng thời làm tốt công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân.

2- Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt đợt học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XI, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2011.

(...)

3- Trên cơ sở quán triệt tốt các tư tưởng chỉ đạo chung, giao các cấp uỷ, tổ chức đảng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau :

(...)

3.4- Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đảng đoàn đoàn thể chính trị - xã hội, căn cứ vào Chỉ thị của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, tổ chức học tập, phổ biến các văn kiện Đại hội XI đến các hội viên, đoàn viên bằng hình thức phù hợp; mở các lớp phổ biến sâu cho các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức nhà nước, cán bộ hưu trí; mở các lớp học tập, quán triệt các văn kiện Đại hội XI cho các chức sắc, tôn giáo, kết hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về tự do tôn giáo, tín ngưỡng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**KẾT LUẬN 04/KL-TW NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2011
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**về kết quả thực hiện chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09 tháng 12 năm 2003
của Ban Bí thư Trung ương đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo
của đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức
chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân**

(Trích)

Sau khi xem xét Tờ trình của Văn phòng Trung ương Đảng (Tờ trình số 92-TTr/VPTW, ngày 28 tháng 12 năm 2010) và Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp (Báo cáo số 108/BC-BCS, ngày 20 tháng 12 năm 2010) về kết quả tổng kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 32-CT/TW), Ban Bí thư cơ bản đồng ý với nội dung Tờ trình của Văn phòng Trung ương Đảng và Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp, đồng thời kết luận một số vấn đề cơ bản như sau:

I - Những kết quả chủ yếu trong việc thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW

1 - Nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng về vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được nâng lên một bước; nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã coi phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; thường xuyên quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và các doanh nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện.

Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều cố gắng, phối hợp với các cơ quan nhà nước tích cực triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân; bước đầu đã thực hiện được chủ trương xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, huy động được một số nguồn lực của xã hội cho công tác này.

2 - Bộ máy tổ chức, cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từng bước được củng cố, kiện toàn; nhiều cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ; chất lượng hoạt động ngày càng được nâng lên.

Các cơ quan chuyên môn của Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế các bộ, ngành và sở tư pháp các địa phương đã phát huy được vai trò chủ động trong việc tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền cùng cấp triển khai thực hiện Chỉ thị. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp đã thực hiện

được vai trò liên kết, phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công khai, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với thế hệ trẻ.

3 - Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật không ngừng được đổi mới, nội dung đã bám sát và phục vụ kịp thời việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của mỗi bộ, ngành, địa phương; từng bước khắc phục được tính hình thức. Nguồn kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được quan tâm đầu tư năm sau cao hơn năm trước.

Trình độ, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân ở nhiều cơ quan, tổ chức và địa phương được nâng lên một bước; các hành vi vi phạm pháp luật giảm dần, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

II - Hạn chế và nguyên nhân

1 - Vẫn còn một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chưa quan tâm chỉ đạo tổng kết và nhân rộng các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật tốt tại cơ sở; chưa coi công tác này “là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị”; còn tình trạng cấp uỷ đảng coi phổ biến, giáo dục pháp luật là nhiệm vụ riêng của các cơ quan nhà nước và các tổ chức đoàn thể, thiếu kiểm tra, đôn đốc thường xuyên. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tích cực tham gia vào các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; chưa thực sự gương mẫu chấp hành pháp luật, lời nói chưa đi đôi với việc làm, từ đó làm ảnh hưởng không tốt đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2 - Chất lượng, hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đồng đều. Thời lượng và chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Một số bộ, ngành, đoàn thể, địa phương chưa thực sự chủ động thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vẫn còn trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Tổ chức pháp chế một số bộ, ngành, sở tư pháp một số địa phương và các cơ quan có liên quan chưa chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền xây dựng chương trình, kế hoạch và các giải pháp triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với tình hình cụ thể của từng bộ, ngành, đoàn thể, địa phương. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp chưa phát huy hết tiềm năng của từng thành viên. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được điều chỉnh bằng các văn bản có giá trị pháp lý cao. Tổ chức bộ máy, cơ chế thực hiện và trách nhiệm

của các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động này và các cơ chế, chính sách có liên quan chưa được quy định rõ ràng.

3 - Việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân có nơi, có lúc chưa được thực hiện thường xuyên, còn mang tính hình thức; chưa kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với việc tổ chức thi hành kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật và việc xử lý những người có hành vi vi phạm; một số vụ việc vi phạm pháp luật, đặc biệt là một số vụ việc liên quan đến cán bộ, đảng viên chưa được xử lý nghiêm minh, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật. Giáo dục pháp luật trong nhà trường chưa gắn nhiều với thực tiễn đời sống xã hội. Chương trình, giáo trình, sách giáo khoa dạy và học pháp luật chưa thực sự phù hợp. Đội ngũ giảng viên, giáo viên dạy pháp luật, giáo dục công dân còn thiếu về số lượng, chưa được đào tạo chuẩn về kiến thức pháp luật. Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được quan tâm đầu tư hợp lý.

III - Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

1 - Tiếp tục củng cố, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và các thành viên của Hội đồng trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Bảo đảm mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều được phổ biến kịp thời, đầy đủ đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của toàn thể cán bộ và nhân dân; góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

2 - Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật và các cơ chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cơ chế thực hiện chủ trương xã hội hoá, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế trong việc triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Có chính sách hỗ trợ nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật đối với nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người và các đối tượng thiệt thòi

(...)

7- Kết hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với việc tổ chức thi hành pháp luật; thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức và cá nhân; ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là những đối tượng vi phạm là cán bộ, đảng viên. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan có chức năng tổ chức thi hành pháp luật và các cơ quan tư pháp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Gắn kết chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án với việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật có liên quan nhằm nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân.

IV- Trách nhiệm tổ chức thực hiện

(...)

4 - Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể ở trung ương lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở địa phương phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức; gắn phổ biến, giáo dục pháp luật với việc thực hiện các phòng trào, các cuộc vận động quần chúng do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

CHỈ THỊ SỐ 03-CT/TW NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2011
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo
tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
(Trích)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Bộ Chính trị (khóa X) đã ban hành Chỉ thị 06-CT/TW, ngày 07 tháng 11 năm 2006 về “Tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Hơn 4 năm qua, với sự chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ của các cấp ủy và tổ chức đảng; sự tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân, cuộc vận động đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

(...)

Để tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, các ngành, các cấp nắm vững, quán triệt và thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

1- Mục đích

Phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện cuộc vận động trong thời gian qua, tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

2- Yêu cầu

- Tạo sự thống nhất cao về nhận thức trong Đảng và xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, coi đây là công việc thường xuyên hằng ngày, là trách nhiệm cụ thể thiết thân của mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, chặt chẽ, kết hợp việc tổ chức học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các cuộc vận động và các phong trào đang triển khai trong Đảng và

trong xã hội, góp phần đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Kết hợp giữa xây và chống.

- Đề cao ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện của mỗi người, nhất là vai trò gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp, của người đứng đầu, của cấp trên; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghiêm các quy định của tổ chức đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị và sự giám sát của nhân dân.

3- Các nội dung chủ yếu cần thực hiện

- Tiếp tục tổ chức học tập tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, bao gồm cả việc học tập và làm theo tác phong, phong cách của Bác, thể hiện cụ thể trong công việc thường ngày, trong quan hệ với nhân dân, đồng chí, đồng nghiệp... Đặc biệt nhấn mạnh việc làm theo qua những hành vi thiết thực, cụ thể.

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện những chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng và tấm gương Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong giai đoạn hiện nay.

- Quy định rõ trách nhiệm tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, của cán bộ, đảng viên. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên.

- Đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào sinh hoạt thường xuyên của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; chương trình tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Lấy kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại đảng viên, tổ chức đảng hằng năm.

- Tiếp tục chỉ đạo việc biên soạn chương trình, giáo trình về đạo đức Hồ Chí Minh để giảng dạy ở các cấp học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các học viện, trường chính trị, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp.

- Coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp có biện pháp cụ thể để tổ chức, chỉ đạo thực hiện hiện tốt việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ theo tấm gương đạo đức Bác Hồ.

(...)

4- Tổ chức thực hiện

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh do cấp ủy đảng các cấp, trực tiếp là ban thường vụ cấp ủy, đồng chí bí thư cấp ủy chỉ đạo. Không thành lập ban chỉ đạo các cấp.

Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Tổng Bí thư chỉ đạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và xã hội.

- Căn cứ Chỉ thị của Bộ Chính trị, các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn lãnh đạo tổ chức và hướng dẫn việc thường xuyên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở địa phương, ngành, tổ chức, cơ quan, đơn vị mình.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CHỈ THỊ SỐ 04-CT/TW
NGÀY 06 THÁNG 7 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân
trong tình hình mới.

(Trích)

Sau 17 thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) về "Mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân", công tác đối ngoại nhân dân đã góp phần tích cực vào việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế, xây dựng lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đối ngoại nhân dân đã cùng đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, hoạt động đối ngoại của một số đoàn thể và tổ chức nhân dân có lúc còn thụ động, thiếu linh hoạt, hiệu quả chưa cao; tổ chức chưa tốt, sự phối hợp giữa các tổ chức nhân dân với nhau và giữa các tổ chức nhân dân với các cơ quan chuyên trách đối ngoại của Đảng và Nhà nước còn thiếu chặt chẽ; công tác nghiên cứu, tổng kết, dự báo chưa được chú trọng; một số cấp uỷ và chính quyền nhận thức chưa đầy đủ vị trí và vai trò của công tác đối ngoại nhân dân, chưa quan tâm đúng mức và tạo điều kiện cho các hoạt động đối ngoại nhân dân; việc thể chế hoá Chỉ thị của Ban Bí thư còn chậm và thiếu đồng bộ; một số cán bộ hoạt động đối ngoại nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Hiện nay, tình hình thế giới đang chuyển biến hết sức nhanh chóng, phức tạp; quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tạo ra cả những cơ hội và thách thức mới đối với nước ta. Các thế lực thù địch ra sức thông qua hoạt động đối ngoại nhân dân để can thiệp vào công việc nội bộ của ta. Trước tình hình và nhiệm vụ của giai đoạn mới, nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân cần nâng cao nhận thức và làm tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Quan điểm

- Đối ngoại nhân dân là bộ phận cấu thành của công tác đối ngoại chung của Đảng và Nhà nước ta. Đối mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn dân mà nòng cốt là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức nhân dân.

- Với phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả", triển khai công tác đối ngoại nhân dân trên cơ sở thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước, phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại nhân dân với đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp của mặt trận đối ngoại.

2- Mục tiêu

- Làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ đất nước, truyền thống và con người Việt Nam, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, những thành tựu của công cuộc đổi mới của ta; đấu tranh với những âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước.

- Xây dựng và tăng cường tình cảm hữu nghị của nhân dân các nước với nhân dân ta và của nhân dân ta với nhân dân các nước, vận động các nguồn lực tham gia phát triển kinh tế-xã hội, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ rộng rãi của bạn bè quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3- Nhiệm vụ

- Chủ động mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước, coi trọng phát triển quan hệ có chiều sâu với nhân dân các nước láng giềng và các nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của ta; củng cố quan hệ với bạn bè truyền thống, tăng cường quan hệ với các lực lượng yêu chuộng hoà bình và tiến bộ trên thế giới; đồng thời, mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân và nhân sĩ nước ngoài, tranh thủ tình cảm và sự ủng hộ của họ đối với Việt Nam, phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của từng đối tác.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức và các tầng lớp nhân dân vào các hoạt động đấu tranh chống lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, chống "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

- Chú trọng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường v.v... Chủ động làm tốt công tác vận động các

nguồn lực và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, bảo đảm kết hợp hài hoà giữa lợi ích của tổ chức và lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Chủ động và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, làm cho bạn bè quốc tế và nhân dân thế giới ngày càng hiểu đúng và đầy đủ hơn về đất nước và con người Việt Nam, về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới của nước ta. Đồng thời góp phần nâng cao hiểu biết và nhận thức của các tầng lớp nhân dân ta về chính sách đối ngoại của Việt Nam, về tình hình thế giới và các vấn đề toàn cầu.

- Phát huy vai trò của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế, các phong trào nhân dân thế giới, nhằm góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề toàn cầu vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội, phù hợp với khả năng, điều kiện và lợi ích của nước ta.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, tổng kết, dự báo, tham mưu kịp thời cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước về công tác đối ngoại nhân dân, góp phần đề xuất xây dựng chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực này.

- Làm tốt công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, tích cực tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước.

- Kiện toàn củng cố và phát triển bộ máy, đội ngũ cán bộ, lực lượng làm công tác đối ngoại nhân dân; rà soát, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững nghiệp vụ đối ngoại, giỏi ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của công tác đối ngoại nhân dân trong giai đoạn mới; tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và cơ chế đảm bảo cho các hoạt động đối ngoại nhân dân. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác đối ngoại (trong đó có nhiệm vụ đối ngoại nhân dân).

- Đổi mới công tác chỉ đạo hoạt động đối ngoại nhân dân; thực hiện phân cấp phân công quản lý; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức nhân dân, cá nhân tham gia các hoạt động đối ngoại nhân dân; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; đẩy mạnh việc hướng dẫn, kiểm tra hoạt động đối ngoại nhân dân.

4- Tổ chức thực hiện

(...)

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị và quản lý các hoạt động đối ngoại của tổ chức mình theo các quy định của Đảng và Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: TRƯỜNG TẤN SANG

CHỈ THỊ 08-CT/TW
NGÀY 21 THÁNG 10 NĂM 2011 CỦA BAN BÍ THƯ
về tăng cường sự lãnh đạo Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm
trong tình hình mới
(Trích)

Trong thời gian qua, vấn đề an toàn thực phẩm đã được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được kết quả nhất định. Nhận thức của nhà quản lý, người sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng về an toàn thực phẩm bước đầu đã có chuyển biến. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác an toàn thực phẩm đã được xây dựng và từng bước được hoàn thiện. Bộ máy tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương đang được kiện toàn; thực hiện phân công phân, phân cấp và phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương bước đầu phát huy hiệu quả; công tác quản lý và đảm bảo an toàn thực phẩm có tiến bộ rõ nét ở một số mặt.

Tuy nhiên, vấn đề bảo đảm an toàn thực phẩm vẫn còn nhiều yếu kém. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh chạy theo lợi nhuận không tính đến quyền lợi của người tiêu dùng. Ngộ độc thực phẩm đang diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người dân, giống nòi và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân chính của những hạn chế và yếu kém trên là do sự lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu đồng bộ, thiếu kiên quyết của một số cấp ủy đảng, chính quyền; nhận thức của người sản xuất kinh doanh và người dân về an toàn thực phẩm chưa đầy đủ, còn quá đơn giản.

Trước tình hình trên, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể nhân dân, các hiệp hội ngành nghề thực phẩm quán triệt và thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

Các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị phải chú trọng đến việc quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng của an toàn thực phẩm đối với đời sống xã hội, đến sức khỏe con người, sự phát triển giống nòi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mọi người dân có quyền được sử dụng thực phẩm an toàn và có nghĩa vụ bảo đảm an toàn thực phẩm. An toàn thực phẩm là trách nhiệm và uy tín của từng đơn

vị sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thường xuyên chú trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, vận động toàn dân tự giác thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm để góp phần không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; đưa các tiêu chí về an toàn thực phẩm vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(...)

3. Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến thực sự về hành vi an toàn thực phẩm, đẩy mạnh xã hội hóa công tác an toàn thực phẩm

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng chủ động phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật An toàn thực phẩm thông qua các hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với trình độ dân trí từng đối tượng, từng vùng, nhất là người dân sống ở các khu vực nông thôn, miền núi. Phát động phong trào rộng khắp và duy trì việc thực hiện các tiêu chí về an toàn thực phẩm gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tạo sự chuyển biến căn bản trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng hàng hóa bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Ban cán sự đảng Bộ Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan có tương trình tổng thể tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức nhằm thay đổi hành vi an toàn thực phẩm trong cộng đồng.

Các tổ chức xã hội, các hiệp hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chủ động tham gia tư vấn, hướng dẫn áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật liên quan đến an toàn thực phẩm cho các cơ sở nuôi trồng, sản xuất, chế biến, vận chuyển, kinh doanh thực phẩm.

4. Tổ chức thực hiện

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo tổ chức quán triệt, xây dựng các chương trình và kế hoạch cụ thể thực hiện Chỉ thị này.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN 14-KL/TW
NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 2011 CỦA BAN BÍ THƯ
về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động
người Việt Nam ở nước ngoài
(Trích)

VỀ TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI
VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Tại phiên họp ngày 4 tháng 10 năm 2011, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo về tình hình hoạt động của các tổ chức quần chúng và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài (Tờ trình số 147-TTr/BDVTW, ngày 10 tháng 5 năm 2011) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1- Hiện nay, có hơn 4,3 triệu người Việt Nam đang sinh sống, lao động học tập và công tác ở 103 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; trong đó, trên 80% ở các nước công nghiệp phát triển. Đa số người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hoá tốt đẹp của dân tộc, luôn hướng về quê hương, đất nước, tôn trọng luật pháp, phong tục tập quán của quốc gia, vùng lãnh thổ sở tại; tích cực tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; góp phần phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước. Xuất phát từ nhiều nhu cầu khác nhau, các tổ chức hội, câu lạc bộ, ban liên lạc... của người Việt Nam ở nước ngoài đã được hình thành và phát triển. Hiện có trên 1.000 tổ chức hội, đoàn, ban liên lạc và câu lạc bộ... (chủ yếu là của kiều bào) đang hoạt động; có hàng trăm tổ chức đảng, đoàn thể, tổ chức quần chúng cơ sở (chủ yếu của cán bộ, lưu học sinh, người lao động đi công tác, du học, lao động ở nước ngoài) trực thuộc các tổ chức trong hệ thống chính trị ở trong nước. Nội dung sinh hoạt đa dạng, phong phú, tiêu biểu là các hoạt động văn hoá, xã hội, trao đổi, gặp gỡ, nắm bắt thông tin và quyên góp ủng hộ, giúp đỡ đồng bào trong và ngoài nước.

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và xác định người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không thể tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trong thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được ban hành và tổ chức thực hiện có kết quả tốt. Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan của Nhà nước, kế hoạch, chương trình hành động của

các cấp, các ngành được ban hành và thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, công tác.

Tuy nhiên, một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài còn gặp khó khăn trong cuộc sống, lao động, học tập, công tác; quyền và lợi ích chính đáng của một bộ phận người Việt Nam ở một số nước và vùng lãnh thổ chưa được bảo vệ. Một số tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài còn có hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta; cản trở sự phát triển quan hệ hữu nghị của nước ta với nước sở tại.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, song chủ yếu là do công tác thông tin tuyên truyền của ta còn hạn chế; công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài chưa được coi trọng đúng mức; nhiều cơ chế, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được hoàn thiện, bổ sung kịp thời.

2- Trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, người Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức quần chúng của người Việt Nam ở nước ngoài gia tăng, đa dạng hơn. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều cơ hội, đồng thời cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Để tạo điều kiện tốt hơn nữa cho người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, công tác; đồng thời phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước và tiềm năng, sức mạnh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, các bộ, ban, ngành ở Trung ương, địa phương và các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

2.1 Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách có liên quan đến công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

(...)

2.4. Ban cán sự đảng các bộ, ngành, cơ quan chức năng chỉ đạo việc rà soát bổ sung, sửa đổi chính sách để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, làm việc, công tác ở nước sở tại và về Việt Nam thăm thân nhân, sinh sống, học tập, làm việc, đầu tư kinh doanh, du lịch theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta.

2.5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Đảng uỷ Ngoại nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan

hệ phối hợp để làm tốt công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài và quản lý, giúp đỡ hội quần chúng của người Việt Nam ở nước ngoài.

Ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương; các cấp uỷ, chính quyền địa phương tăng cường phối hợp với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương (trực tiếp là Đảng uỷ Ngoài nước) xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, phối hợp quản lý, theo dõi, giúp đỡ các tổ chức quần chúng và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.\

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

NGHỊ QUYẾT SỐ 08-NQ/TW
NGÀY 1 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về
thể dục, thể thao đến năm 2020
(Trích)

Trong những năm gần đây, sự nghiệp thể dục, thể thao nước ta đã có nhiều tiến bộ. Thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển với nhiều hình thức đa dạng, góp phần nâng cao sức khỏe, xây dựng lối sống lành mạnh, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Thể thao thành tích cao có bước phát triển, thành tích một số môn đạt được trình độ châu Á và thế giới. Cơ sở vật chất, kỹ thuật cho thể dục, thể thao từng bước được nâng cấp và xây dựng mới. Hợp tác quốc tế về thể thao được tăng cường, vị thế của thể thao Việt Nam được nâng cao, nhất là ở khu vực Đông - Nam Á.

Đạt được những thành tích trên là do sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự tham gia tích cực và có hiệu quả của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và đông đảo nhân dân; sự nỗ lực phấn đấu của huấn luyện viên, vận động viên và cán bộ thể dục, thể thao.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác thể dục, thể thao ở một số địa phương và ngành chưa đầy đủ, nhiều nơi còn coi nhẹ. Phong trào thể dục, thể thao phát triển chưa sâu rộng, nhất là ở nông thôn, miền núi và các khu công nghiệp.

(...)

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ của sự nghiệp thể dục, thể thao đến năm 2020, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng quán triệt quan điểm và thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

I- Quan điểm

1- Phát triển thể dục, thể thao là một yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; đồng thời, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội và của mỗi người dân, đảm bảo cho sự nghiệp thể dục, thể thao ngày càng phát triển.

(...)

II- Mục tiêu

Hoàn thiện bộ máy tổ chức, đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thể dục, thể thao; tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ làm nền tảng phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp thể dục, thể thao. Đến năm 2020, phần đầu 90% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể; các trường học, xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp có đủ cơ sở vật chất thể dục, thể thao phục vụ việc tập luyện của nhân dân; trình độ một số môn thể thao trọng điểm được nâng cao ngang tầm Châu Á và thế giới; bảo đảm các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của châu Á và thế giới.

III- Nhiệm vụ và giải pháp

1- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học

Cần quan tâm đầu tư đúng mức thể dục, thể thao trường học, với vị trí là bộ phận quan trọng của phong trào thể dục, thể thao; là một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên.

(...)

2- Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng

Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở. Gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào thể dục, thể thao với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở" với Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh; quan tâm phát triển phong trào thể dục, thể thao người cao tuổi, người khuyết tật và người lao động tại các khu công nghiệp.

Bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục, thể thao. Có các giải pháp để phát huy tính tích cực, tính văn hóa, văn minh trong thể dục, thể thao.

Chú trọng phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong việc phát triển thể dục, thể thao của nhân dân trên từng địa bàn, nhất là ở vùng biên giới, vùng cao, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(...)

6- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác thể dục, thể thao, trên cơ sở đó có chủ trương phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác thể dục, thể thao ở từng ngành, địa phương, cơ sở. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền đúng mức, giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác thể dục, thể thao.

(...)

IV- Tổ chức thực hiện

(...)

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động, phát động các phong trào toàn dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TW
NGÀY 9 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong
thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế
(Trích)

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp, phát huy vai trò của doanh nhân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhờ đó, nhận thức về vai trò của đội ngũ doanh nhân có chuyển biến tích cực, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm đến sự phát triển của doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân, hướng hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

Cùng với sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đội ngũ doanh nhân nước ta đã không ngừng lớn mạnh, đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Đội ngũ doanh nhân trong khu vực doanh nghiệp nhà nước ngày một trưởng thành, chất lượng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đội ngũ doanh nhân trong khu vực ngoài nhà nước ngày càng đông đảo, thể hiện tính năng động, hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đội ngũ doanh nhân đã phát huy tinh thần dân tộc, ý thức trách nhiệm với xã hội, từng bước nâng cao được uy tín, thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, góp phần nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Nhiều doanh nhân đã tích cực tham gia các chương trình xã hội, chương trình xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chương trình vì cộng đồng, gắn bó hơn với giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đội ngũ doanh nhân nước ta còn không ít hạn chế, bất cập, nhất là về kiến thức, sự am hiểu pháp luật và năng lực kinh doanh, kinh nghiệm quản lý, khả năng cạnh tranh và hội nhập. Một bộ phận doanh nhân còn thiếu văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội, chưa tự giác tuân thủ pháp luật, lợi dụng những kẽ hở của pháp luật để trục lợi, móc nối với những phần tử thoái hóa, biến chất trong bộ máy quản lý nhà nước, vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, làm trầm trọng thêm các tiêu cực xã hội.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên trước hết là do những sơ hở, lỏng lẻo và yếu kém của hệ thống các quy định pháp luật và công tác quản lý nhà nước; do đội ngũ doanh nhân nước ta mới hình thành và phát triển, chưa có tích lũy nhiều về vốn, tri thức, công nghệ và kinh nghiệm, truyền thống kinh doanh. Ở một số nơi, sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đối với doanh nhân còn hạn chế, chưa có được sự thống nhất nhận thức về vai trò của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thể chế về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân còn thiếu đồng bộ; cải cách hành chính còn chậm. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống và đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân chưa được chú trọng. Công tác phát triển đảng trong đội ngũ doanh nhân và việc xây dựng tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước còn nhiều bất cập...

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1- Đội ngũ doanh nhân là lực lượng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao, sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

2- Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, nâng cao trình độ, kiến thức toàn diện của doanh nhân, chú trọng nâng cao phẩm chất đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm xã hội và tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3- Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh là trách nhiệm của Đảng, của cả hệ thống chính trị và của bản thân mỗi doanh nghiệp, doanh nhân. Xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân phải gắn liền với hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền sở hữu và tự do kinh doanh của doanh nhân theo pháp luật, khuyến khích doanh nhân làm giàu cho mình và cho đất nước. Tăng cường mối liên kết, hợp tác, đoàn kết cùng có lợi giữa doanh nhân với công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

III- MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

(...)

2- Phương hướng, nhiệm vụ

2.1- Nâng cao nhận thức về vai trò của đội ngũ doanh nhân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận xã hội về vị trí, vai trò của doanh nhân, doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phát huy tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội trong kinh doanh, khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra nhiều của cải cho xã hội; tôn vinh sự cống hiến và bảo hộ thu nhập hợp pháp của doanh nhân; nâng cao trách nhiệm của doanh nhân đối với cộng đồng xã hội.

Tổ chức cho doanh nhân và doanh nghiệp thực hiện tốt việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và các cuộc vận động khác do Đảng, Nhà nước phát động.

(...)

Xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá tác động của chính sách phát triển doanh nghiệp của Quốc hội, hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

(...)

2.5- Đề cao đạo đức, văn hoá kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, xây dựng quan hệ lao động hài hòa

Xây dựng chuẩn mực của doanh nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa : có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật; có khát vọng vươn lên làm giàu cho mình, cho đất nước, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; có trách nhiệm với người lao động, với cộng đồng, xã hội và có đạo đức, văn hoá kinh doanh, góp phần chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Xây dựng hình ảnh doanh nhân có bản sắc Việt Nam; khuyến khích doanh nhân không ngừng hoàn thiện mình để trở thành những người có trách nhiệm, có đóng góp cho xã hội và đất nước. Phát động các phong trào thi đua để nuôi dưỡng khát vọng vươn lên của doanh nhân Việt Nam. Đồng thời, quản lý hoạt động tôn vinh khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu theo đúng quy định của pháp luật, thực sự có tác dụng biểu dương, nêu gương.

Hoàn thiện khung khổ pháp luật để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ và tăng cường sự gắn bó giữa doanh nhân và người lao động trong doanh nghiệp. Doanh nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành, phát triển các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội trong

doanh nghiệp; tham gia xây dựng hệ thống pháp luật, nhất là những quy định liên quan đến doanh nghiệp, doanh nhân.

2.6- Phát huy vai trò của các tổ chức đại diện của cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân

Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam với vai trò là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp vững mạnh của cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động ở Việt Nam.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp cần quan tâm đến công tác vận động chính trị trong đội ngũ doanh nhân bằng nhiều hình thức thích hợp; tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của đội ngũ doanh nhân; tham mưu cho Đảng, Nhà nước về các chính sách kinh tế - xã hội; xây dựng đạo đức, văn hoá kinh doanh, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, doanh nhân; hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân hội nhập kinh tế quốc tế.

(...)

2.7- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân

Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân; chỉ đạo triển khai thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân. Cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng đối với đội ngũ doanh nhân bằng các chương trình hành động thiết thực. Thường xuyên lắng nghe và tham vấn ý kiến của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm phiền hà, sách nhiễu trong việc thực hiện các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, doanh nhân.

(...)

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức, đoàn thể trong doanh nghiệp. Hướng dẫn để các tổ chức, đoàn thể hợp tác cùng doanh nhân góp phần xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, xây dựng đạo đức, văn hoá kinh doanh, quan hệ lao động hài hoà, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, bảo đảm doanh nghiệp phát triển bền vững, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động không ngừng được nâng cao.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

4- Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nhân nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập, khen thưởng, tôn vinh

doanh nhân, phát triển các hiệp hội doanh nghiệp và làm tốt công tác đại diện người sử dụng lao động.

5- Ban Dân vận Trung ương phối hợp với các ban của Đảng và Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CHỈ THỊ 09/CT/TW
NGÀY 01 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA BAN BÍ THƯ
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ
an ninh tổ quốc trong tình hình mới
(Trích)

Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ đặc biệt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Cùng với những thành tích trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, những năm qua, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh, có bước phát triển mới với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, hiệu quả, khơi dậy sức mạnh, tiềm lực to lớn của nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh chính trị và phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới. Phong trào phát triển chưa đồng đều, rộng khắp, có nơi có lúc còn mang tính hình thức, tổ chức nội dung phong trào còn thiếu sức lôi cuốn nhân dân tự giác tham gia; một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn hoạt động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch; chưa phát huy được ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên, trước hết là do một số cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể chưa quán triệt sâu sắc công tác dân vận của Đảng, chưa huy động tốt sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Công tác tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự để nâng cao ý thức, trách nhiệm và năng lực bảo vệ an ninh, trật tự chưa thấm sâu đến mọi tầng lớp nhân dân. Lực lượng Công an nhân dân chưa phát huy tốt vai trò nòng cốt xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa được quan tâm đúng mức, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của phong trào.

Thời gian tới, các thế lực thù địch sẽ tiếp tục tăng cường chống phá cách mạng Việt Nam; tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội có những diễn biến phức tạp, nghiêm trọng hơn. Để phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ

an ninh Tổ quốc, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng quán triệt, thực hiện tốt các nội dung sau đây:

I- Mục tiêu, yêu cầu

1- Mục tiêu

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả, nhằm giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân, góp phần phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phấn đấu đến năm 2020 không còn xã, phường, thị trấn, đơn vị có phong trào yếu.

2- Yêu cầu

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý và tổ chức thực hiện của chính quyền, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể các cấp nhằm huy động tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Phát huy dân chủ, nâng cao ý thức, trách nhiệm, năng lực của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ của công dân trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải được chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên từ Trung ương đến cơ sở, cả ở thành thị, nông thôn, trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường... Gắn kết chặt chẽ với các phong trào do Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể tổ chức phát động.

II- Nhiệm vụ và giải pháp

1- Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từ Trung ương đến cơ sở phải xác định công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mình, hằng năm đề ra chương trình, kế hoạch để thực hiện có hiệu quả, gắn với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện. Người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và chịu trách nhiệm về tình hình an ninh, trật tự ở đơn vị, địa phương. Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tự giác thực hiện, đồng thời chủ động tuyên truyền, giáo dục, vận động gia đình và nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2- Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục, tổ chức vận động nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm và năng lực bảo vệ an ninh, trật tự, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; coi đó là nghĩa vụ và quyền lợi để góp phần bảo vệ sự bình yên cho cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội. Tập trung tuyên truyền giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, đơn vị về bảo vệ an ninh, trật tự.

3- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố thế trận an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, trọng tâm là ở các địa bàn chiến lược, tuyến biên giới, biển đảo, vùng dân tộc ít người, vùng đồng bào theo tôn giáo, các nhà trường, khu kinh tế tập trung và các đô thị lớn. Chú trọng chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, có hiệu quả theo hướng xã hội hoá ngày càng cao, với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hoà giải về an ninh, trật tự từ cơ sở. Động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường... an toàn về an ninh, trật tự; chủ động phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, giáo dục, giúp đỡ, cảm hoá người vi phạm pháp luật tái hoà nhập cộng đồng; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Kịp thời khen thưởng, động viên những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có chính sách thoả đáng khi bị thương, hy sinh, hoặc bị thiệt hại về tài sản khi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

4- Tăng cường quan hệ phối hợp giữa Công an nhân dân với Quân đội nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể, nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Điều chỉnh và kiện toàn các ban chỉ đạo thực hiện các nghị quyết liên tịch, liên ngành có nội dung liên quan đến công tác vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo hướng tập trung, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; gắn kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác, tạo khí thế, động lực, khích lệ nhân dân tự giác, tích cực tham gia.

5- Quan tâm xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Xây dựng và thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; ban hành các văn bản

nhằm cụ thể hoá Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội để triển khai thực hiện.

(...)

III- Tổ chức thực hiện

(...)

3- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị, xã hội xây dựng chương trình hành động để thực hiện Chỉ thị, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" và xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học... an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm và tệ nạn xã hội.

4- Đảng uỷ Công an Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ 10-CT/TW
NGÀY 05 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập
giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau
trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn

(Trích)

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai các nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện chủ trương giáo dục là quốc sách hàng đầu. Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị về phổ cập giáo dục trung học cơ sở (số 61-CT/TW), ngày 28 tháng 12 năm 2000). Chỉ thị này đã được cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tạo được sự chuyển biến nhận thức về vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Năm 2010, cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục thu được những kết quả quan trọng; cơ sở vật chất được củng cố và phát triển; công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt được những tiến bộ nhất định.

Tuy nhiên, một số cấp ủy đảng và chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vị trí và tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ cho người lớn. Giáo dục mầm non chất lượng còn thấp và chưa được đầu tư thỏa đáng; chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở nhiều nơi còn hạn chế, chưa thật vững chắc, nhiều xã ở vùng sâu, vùng xa chưa đạt chuẩn, tỷ lệ lưu ban và bỏ học còn lớn. Số người lớn mù chữ và tái mù chữ còn nhiều ở đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú dân nuôi chưa được quan tâm đúng mức. Chủ trương phân luồng sau trung học cơ sở chưa được thực hiện nghiêm túc, tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề rất thấp. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa đạt kết quả như mong muốn. Cơ sở vật chất, trường, lớp học ở nhiều địa phương còn nhiều yếu kém.

Để khắc phục những hạn chế, khuyết điểm và phát huy kết quả đã đạt được trong công tác phổ cập giáo dục, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể nhân dân cần quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo và thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp dưới đây:

1. Quan điểm chỉ đạo

Phổ cập giáo dục là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nền tảng dân trí vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

Chăm lo giáo dục cho toàn dân, xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đoàn thể, của mọi gia đình và toàn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực cho giáo dục, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

Kiên trì thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở tạo chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh hợp lý cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội.

2. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Nâng cao trình độ dân trí một cách toàn diện, mở rộng giáo dục mầm non, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, tiến tới phổ cập giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện; cơ bản xóa mù chữ và ngăn chặn tái mù chữ ở người lớn; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở đi đôi với phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông gắn với dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

- Mục tiêu cụ thể

Năm 2015, huy động 80% trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào học mẫu giáo; phần đầu cả nước hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Năm 2020, huy động được 99,7% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, tỷ lệ lưu ban và bỏ học ở tiểu học dưới 0,5%. 100% đơn vị cấp tỉnh, 100% đơn vị cấp huyện và 99,5% đơn vị cấp xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định của Chính phủ. Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,8%; tỷ lệ lưu ban và bỏ học ở bậc trung học cơ sở dưới 1%; phần đầu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề, xóa mù chữ cho 1 triệu người từ 36 tuổi đến hết tuổi lao động.

3. Một số nhiệm vụ và giải pháp

(...)

3.5. Tập trung nguồn lực phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Có những giải pháp tích cực để nâng cao trình độ tiếng Việt, giảm tỷ lệ

lưu ban và bỏ học đối với học sinh ở những vùng khó khăn, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số.

(...)

3.8. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

3.9. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác phổ cập giáo dục. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt và những địa phương làm tốt công tác phổ cập giáo dục; phối hợp liên ngành, phát huy kết quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để bảo đảm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

4. Tổ chức thực hiện

(...)

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình và kế hoạch động viên nhân dân tích cực, chủ động thực hiện chương trình phổ cập giáo dục.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW
NGÀY 6 THÁNG 1 NĂM 2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020
(Trích)

I- Tình hình và kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị

1- Thủ đô Hà Nội có bề dày lịch sử và truyền thống cách mạng vẻ vang, là địa danh tiêu biểu cho truyền thống "Văn hiến-Anh hùng-Hòa bình-Hữu nghị" của dân tộc Việt Nam. Từ ngày có Đảng đến nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã luôn phát huy truyền thống đoàn kết, gương mẫu, đi đầu, có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mười năm qua, thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) "Về nhiệm vụ, phương hướng phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001-2010" trong bối cảnh vừa có thuận lợi, thời cơ, vừa có khó khăn, thách thức chung của cả nước, Hà Nội còn thực hiện chủ trương lớn về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô theo Nghị quyết 15 của Quốc hội khoá XII và nhiều nhiệm vụ quan trọng kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội. Với sự nỗ lực phấn đấu và quyết tâm cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội đã quán triệt, vận dụng, tổ chức thực hiện nghiêm túc, sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

(...)

2- Tuy nhiên, tình hình chung của Hà Nội vẫn còn một số hạn chế, yếu kém:

Kinh tế phát triển chưa toàn diện; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh nhìn chung còn thấp. Các nguồn lực về vốn, nhân lực và công nghệ trên địa bàn chưa được khai thác tốt. Kinh tế tri thức, hàm lượng chất xám làm nên giá trị gia tăng cao của các ngành kinh tế chủ lực chưa thể hiện rõ nét. Sức lan tỏa của một "trung tâm kinh tế lớn," một "động lực kinh tế" trong vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước còn hạn chế.

(...)

3- Những hạn chế, yếu kém nêu trên là do việc thể chế hóa Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị còn chậm; cơ chế, chính sách có liên quan đến Hà Nội chưa đồng bộ, nhiều mặt chưa phù hợp với yêu cầu, đặc điểm và nhiệm vụ của Thủ đô; phân công, phân cấp, phối hợp giữa Trung ương và thành phố chưa tốt; những tác động xấu của cuộc khủng hoảng tài chính và

suy thoái kinh tế toàn cầu, của biến đổi khí hậu và thiên tai... Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Nghị quyết của thành phố trên một số lĩnh vực còn hạn chế, thiếu năng động, quyết liệt, thậm chí có mặt còn trì trệ; sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với thành phố còn nhiều hạn chế, vướng mắc.

II- Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020

(...)

2- Để thực hiện được phương hướng cơ bản nêu trên, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

2.1- Tiếp tục xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế tri thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của kinh tế Thủ đô. Coi trọng sử dụng công nghệ hiện đại, tăng nhanh tỉ lệ nội địa hoá, có nhiều sản phẩm với hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Tập trung phát triển đồng bộ, vững chắc các yếu tố thị trường và các loại thị trường, nhất là những loại thị trường mới được hình thành, như bất động sản, chứng khoán, lao động, khoa học-công nghệ...

(...)

2.6- Tập trung mọi nỗ lực xây dựng hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở thực sự trong sạch, vững mạnh. Tạo chuyển biến mạnh hơn trong công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, nhất là tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ của thành phố có trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm cao, tâm huyết với công việc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

III- Tổ chức thực hiện

1- Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020" trước hết là trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Hà Nội, đồng thời cũng là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân ở Trung ương và các địa phương trong cả nước.

(...)

6- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương vận động các thành viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên

chức và người lao động các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Hà Nội nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của thành phố, có trách nhiệm tham gia, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**NGHỊ QUYẾT SỐ 12-NQ/TW, NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2012, HỘI
NGHỊ LẦN THỨ 4 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA XI)**

**về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay
(Trích)**

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Trải qua hơn 80 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, với bản lĩnh của một đảng cách mạng chân chính, dạn dày kinh nghiệm, luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng đã lãnh đạo, tổ chức và phát huy sức mạnh to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, giành được nhiều thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng.

(...)

2. Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ.

(...)

3. Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan do việc thực hiện đổi mới kinh tế phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, chưa lường hết được những tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, chưa có sự chuẩn bị thật kỹ về lập trường, tư tưởng và cả cách thức tiếp cận mới cho cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, còn thiếu những cơ chế, chính sách đồng bộ, khoa học để chủ động ngăn ngừa những vi phạm.

(...)

Nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan:

(...)

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nhiều khi còn hình thức, chưa đủ sức động viên và thường xuyên nâng cao ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên; một số nơi có tình trạng những việc làm đúng, gương người tốt không được đề cao, bảo vệ; những sai sót, vi phạm không được phê phán, xử lý nghiêm minh. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, ráo riết; đấu tranh với những vi phạm còn nể nang, không nghiêm túc. Vai trò giám sát của

nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao.

(...)

II- MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM:

(...)

III- GIẢI PHÁP

Cùng với việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, các quy định đã có về xây dựng Đảng, cần tập trung thực hiện tốt các nhóm giải pháp sau đây:

(...)

1. Nhóm giải pháp về tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cấp trên

(...)

Bảy là, định kỳ tổ chức để nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

(...)

Năm là, trong năm 2012 ban hành quy chế giám sát (trực tiếp và gián tiếp) của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và chính quyền các cấp; trong đó có cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học; cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, trình Bộ Chính trị ban hành.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW, NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2012, HỘI
NGHỊ LẦN THỨ 4 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA XI)**

**về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản
trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020**

(Trích)

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã dành sự quan tâm lớn cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Nhờ đó, hệ thống kết cấu hạ tầng có bước phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước, góp phần bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền. Một số công trình hiện đại được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, góp phần tạo diện mạo mới cho đất nước. Năng lực công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực trên các lĩnh vực xây dựng, quản lý và vận hành kết cấu hạ tầng được nâng lên.

(...)

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

(...)

2. Mục tiêu

Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư giải quyết cơ bản những tắc nghẽn, quá tải, bức xúc và từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững, tăng cường hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, thu hẹp khoảng cách vùng, miền và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, đáp ứng yêu cầu nước ta cơ bản đạt được quy mô và trình độ của nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

(...)

**III- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐỒNG BỘ**

(...)

IV- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỘ HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

(...)

2. Thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

(...)

Thu hút mạnh các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm lợi ích thoả đáng của nhà đầu tư. Mở rộng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách hỗ trợ tài chính, thuế, giá, phí, lệ phí, nhượng quyền... để tăng tính thương mại của dự án và sự đóng góp của người sử dụng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT... Mở rộng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng.

(...)

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng

(...)

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của đất nước.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

(...)

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CHỈ THỊ 11-CT/TW NGÀY 4 THÁNG 2 NĂM 2012 CỦA BAN BÍ THƯ
về lãnh đạo Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ
VI, nhiệm kỳ 2013 - 2018

Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân Việt Nam, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của giai cấp nông dân. Trong nhiệm kỳ vừa qua, các cấp Hội đã tích cực tập hợp, đoàn kết, tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên nông dân phát huy truyền thống vẻ vang của giai cấp nông dân Việt Nam, khắc phục khó khăn, có nhiều đóng góp to lớn trong các phong trào nông dân tham gia phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hoá, giữ gìn quốc phòng, an ninh ở nông thôn.

Hoạt động của Hội Nông dân ngày càng đổi mới và chuyển biến tích cực. Các cấp Hội đã đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng đẩy mạnh các hoạt động hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ và dạy nghề cho nông dân. Tích cực thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần vào công tác xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của nông dân, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn, ngày càng xứng đáng với vai trò trung tâm và nòng cốt trong các phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội có nơi còn mang tính hành chính, chậm đổi mới, hiệu quả chưa cao; công tác xây dựng tổ chức Hội và chỉ đạo các phong trào nông dân còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một số nơi tổ chức Hội chưa làm tốt vai trò đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của hội viên nông dân. Chưa năng động, sáng tạo trong tập hợp và hướng dẫn hội viên nông dân thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ sở. Tổ chức bộ máy và biên chế cán bộ Hội ở địa phương chậm được hướng dẫn thống nhất. Chất lượng đội ngũ cán bộ Hội còn nhiều bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết hội viên, nông dân trong tình hình mới. Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân ở một số nơi, cấp uỷ chưa thực sự quan tâm chỉ đạo sát sao hoạt động của Hội và phong trào nông dân.

Năm 2012 và 2013 là thời gian diễn ra đại hội hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI (nhiệm kỳ 2013 – 2018). Đây là sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp

nông dân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Để lãnh đạo đại hội hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chính sau đây:

1- Chỉ đạo ban chấp hành hội nông dân các cấp chuẩn bị tốt báo cáo tổng kết, phát huy dân chủ, trí tuệ của đông đảo cán bộ, hội viên nông dân để đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng hội, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của hội và phong trào nông dân trong nhiệm kỳ qua; phân tích sâu sắc nguyên nhân, rút ra những kinh nghiệm và bài học thiết thực. Bám sát Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 62-KL/TW, ngày 8 tháng 12 năm 2009 của Bộ Chính trị (khoá X) về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết của đại hội đảng bộ địa phương và chủ trương công tác của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, vận dụng cụ thể, sáng tạo vào việc xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới ở mỗi cấp hội.

Tập trung xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ của giai cấp nông dân Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách công tác Hội, chú trọng ở hai cấp trung ương và cơ sở; khắc phục tình trạng "hành chính hoá". Đổi mới phương thức hoạt động của Hội, đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở; chăm lo một cách thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên. Tổ chức bộ máy chuyên trách cần được kiện toàn, tinh gọn, phù hợp chức năng, nhiệm vụ. Tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho hội viên nông dân trong sản xuất và đời sống, vận động hội viên nông dân phát huy vai trò, trách nhiệm, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình lãnh đạo đại hội, các cấp uỷ đảng cần kết hợp tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW của Bộ Chính trị "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn" để tăng

cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với tổ chức Hội. Quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 61-KL/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư (khoá X) về Đề án "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020".

2- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và tổ chức đảng trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cán bộ chủ chốt của các cấp hội. Ban Chấp hành mới và các chức danh lãnh đạo chủ chốt các cấp hội phải đảm bảo tiêu chuẩn, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có sự kế thừa và phát triển, thực sự là những người tiêu biểu, có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khoẻ để xây dựng tổ chức hội, đoàn kết hội viên, góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đúng nguyên tắc, quy trình theo quy định của Đảng và Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam. Quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn.

3- Đại hội hội nông dân các cấp phải được chỉ đạo tập trung, chuẩn bị chu đáo để đại hội diễn ra trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả và đúng tiến độ, đúng nguyên tắc Điều lệ quy định.

Thời gian tiến hành đại hội cơ sở hoàn thành trong quý II-2012, cấp huyện hoàn thành trong quý IV-2012, cấp tỉnh hoàn thành chậm nhất vào tháng 4-2013, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI sẽ tổ chức trong quý II-2013. Đến Đại hội nhiệm kỳ sau cần bố trí tổ chức đại hội 4 cấp trong cùng một năm.

4- Các cấp uỷ đảng chỉ đạo các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể có liên quan phối hợp, bảo đảm các điều kiện cần thiết để hội nông dân các cấp tiến hành đại hội theo kế hoạch và đạt kết quả tốt nhất. Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội.

5- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ 12-CT/TW
NGÀY 24 THÁNG 2 NĂM 2012 CỦA BAN BÍ THƯ
về lãnh đạo Đại hội Công đoàn các cấp và Đại hội Công đoàn Việt Nam
lần thứ XI (nhiệm kỳ 2013-2018)

Trong những năm qua, giai cấp công nhân Việt Nam không ngừng phát triển số lượng, nâng cao về chất lượng, đa dạng về cơ cấu, đang có mặt trong tất cả các ngành, các thành phần kinh tế; lao động cần cù, sáng tạo, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp từng bước được đổi mới, hướng về cơ sở, coi trọng việc thực hiện chức năng đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, hiện nay tình hình giai cấp công nhân, lao động nước ta còn nhiều vấn đề rất đáng quan tâm; trình độ, tác phong công nghiệp, ý thức chính trị, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; việc làm của công nhân, lao động nhiều nơi chưa ổn định; quan hệ giữa công nhân, lao động với người sử dụng lao động ở một số doanh nghiệp diễn biến phức tạp, tranh chấp lao động và đình công ngày càng tăng. Nội dung, phương thức và chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn một số nơi còn nhiều hạn chế; công tác tập hợp công nhân, người lao động và việc củng cố xây dựng tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn...

Năm 2012 và 2013 là thời gian diễn ra đại hội công đoàn các cấp và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI (nhiệm kỳ 2013 - 2018). Trong bối cảnh đất nước ta có những thuận lợi, thời cơ, nhưng cũng đan xen nhiều khó khăn, thách thức, đây sẽ là sự kiện chính trị quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của việc phát huy vai trò, trách nhiệm của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Để lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn các cấp chuẩn bị tốt nội dung văn kiện trình Đại hội.

Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng tình hình công nhân, viên chức, lao động và kết quả hoạt động của tổ chức công đoàn ở mỗi cấp

trong việc thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam và mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ mà nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình đã đề ra; nêu rõ những kết quả đạt được, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém; phân tích sâu sắc nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Bộ Chính trị (khoá X) về "Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội" và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Bộ Luật Lao động (sửa đổi), Luật Công đoàn (sửa đổi)..., xác định rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, các chỉ tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ tới, tập trung vào nâng cao chất lượng tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn các cấp, nhất là ở cơ sở với những biện pháp thực hiện cụ thể, thiết thực. Đặc biệt, quan tâm chỉ đạo thực hiện vai trò công đoàn đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, lao động; công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước.

2- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác nhân sự tại đại hội công đoàn các cấp theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ, đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự bầu vào ban chấp hành công đoàn ở mỗi cấp, nhất là đối với những chức danh chủ chốt. Nhân sự ban chấp hành công đoàn các cấp bao gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, thực sự tiêu biểu về phẩm chất, trí tuệ, trưởng thành từ thực tiễn trong phong trào công nhân, viên chức, lao động, hoạt động công đoàn, có khả năng tập hợp công nhân, viên chức, lao động, được đoàn viên tín nhiệm; đồng thời có số lượng, cơ cấu hợp lý, bảo đảm tính kế thừa và phát triển theo hướng trẻ hoá, tăng cường cán bộ nữ, phấn đấu đạt 30% nữ trong ban chấp hành công đoàn các cấp. Quan tâm thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ chuyên trách lãnh đạo công đoàn các cấp không đủ điều kiện về thời gian tham gia ban chấp hành công đoàn khoá mới, nhất là chức danh chủ tịch và phó chủ tịch.

3- Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội; chỉ đạo công đoàn các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, đạt nhiều kết quả chào mừng đại hội công đoàn các cấp và Đại hội Công

đoàn Việt Nam lần thứ XI, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở ngành, địa phương và đất nước.

4- Đại hội công đoàn các cấp phải được chỉ đạo tập trung, chuẩn bị chu đáo theo tinh thần đổi mới, trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm và đúng tiến độ. **Thời gian tiến hành đại hội** cấp cơ sở, cấp tỉnh, công đoàn ngành Trung ương, công đoàn tổng công ty tiến hành từ quý II-2012 đến quý II-2013; **Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI tổ chức vào cuối quý II, đầu quý III-2013.**

5- Chính quyền các cấp cần phối hợp tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách, bức xúc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị và các loại hình doanh nghiệp, như : vấn đề việc làm, tiền lương, thu nhập, nhà ở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi công cộng, ngừng việc tập thể, đình công...; giải đáp những kiến nghị, đề xuất của công nhân, viên chức, lao động và tổ chức công đoàn. Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể có liên quan phối hợp tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn các cấp tổ chức tốt Đại hội.

6- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan có liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

**KẾT LUẬN SỐ 21-KL/TW, NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 2012, HỘI NGHỊ
LẦN THỨ 5 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA XI)
về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 BCHTW
(khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng,
chống tham nhũng, lãng phí**

(Trích)

Ban Chấp hành Trung ương tán thành cơ bản với Tờ trình, Báo cáo của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và kết luận như sau :

I - TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), với sự quyết tâm, nỗ lực của các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và cả hệ thống chính trị, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động và đạt được những kết quả bước đầu, nhất là trong phòng ngừa, công khai, minh bạch hoá, cải cách thủ tục hành chính, quản lý tài sản công. Trên một số lĩnh vực, tham nhũng, lãng phí đã từng bước được kiềm chế. Những kết quả đạt được khẳng định những chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước được quy định trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) và các luật có liên quan là cơ bản đúng đắn, phù hợp.

Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí vẫn chưa đạt yêu cầu và mục tiêu đề ra là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành, nhất là trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý ngân sách; thu thuế, phí; quản lý, sử dụng vốn, tài sản trong doanh nghiệp nhà nước; tín dụng, ngân hàng; công tác cán bộ; quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp..., gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

2- Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế, yếu kém nêu trên là: Không ít cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện tốt trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(...)

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

(...)

5- Tăng cường vai trò giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí

(...)

Phát huy tốt hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, của cộng đồng và nhân dân trong việc phát hiện, đấu tranh với những hiện tượng tham nhũng, lãng phí. Khẩn trương cụ thể hoá cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí .

Ban hành quy chế về việc nhân dân giám sát tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Có biện pháp bảo vệ an toàn và kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, đảng viên, người dân dũng cảm tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí và những tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và có chính sách truyền thông đúng đắn, phát huy vai trò và trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(...)

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương quán triệt Kết luận này đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch thực hiện một cách cụ thể, phù hợp và thiết thực.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**KẾT LUẬN SỐ 23-KL/TW, NGÀY 29 THÁNG 5 NĂM 2012, HỘI NGHỊ
LẦN THỨ 5 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ XI)
về “Một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có
công và định hướng cải cách đến năm 2020”**

(Trích)

I- VỀ TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Qua gần 10 năm thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công theo các Kết luận của Hội nghị Trung ương 8 (khoá IX) và Hội nghị Trung ương 6 (khoá X), đã đạt được một số kết quả bước đầu, nhưng nhìn chung chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra.

(...)

**II- VỀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH
TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI
CÓ CÔNG ĐẾN NĂM 2020**

1- Quan điểm

Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo đã được nêu tại các Kết luận Hội nghị Trung ương 8 (khoá IX) và Hội nghị Trung ương 6 (khoá X); đồng thời nhấn mạnh:

- Chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công là vấn đề lớn, rất quan trọng và có phạm vi điều chỉnh rộng, tác động trực tiếp đến đời sống của người hưởng lương, người nghỉ hưu và người có công. Xác định đúng và làm tốt vấn đề này sẽ tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần làm trong sạch bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động công vụ.

(...)

- Nhà nước bảo đảm thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; đồng thời giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia. Mở rộng đối tượng và bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội, tuân thủ nguyên tắc đóng - hưởng để bảo đảm cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội.

2- Định hướng cải cách

(...)

2.8- Về bảo hiểm xã hội, nghiên cứu sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng mở rộng đối tượng tham gia, bảo đảm quyền lợi của người tham gia

bảo hiểm, tuân thủ nguyên tắc đóng - hưởng và bảo đảm cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội.

Về trợ cấp ưu đãi người có công, nghiên cứu sửa đổi Pháp lệnh Ưu đãi người có công để chính sách người có công thực sự là chính sách ưu đãi của Nhà nước, đồng thời bảo đảm tương quan hợp lý về chính sách giữa những người có công; đơn giản hoá thủ tục hành chính và có biện pháp khắc phục được những tiêu cực trong việc xác nhận và thực hiện chính sách người có công.

(...)

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở quan điểm và định hướng trên đây, Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ:

1- Trong năm 2012 và năm 2013, tiếp tục thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khoá X); khẩn trương bổ sung, sửa đổi một số chính sách cần và có thể điều chỉnh ngay nhằm sớm khắc phục các bất hợp lý trong chính sách tiền lương hiện hành, như: Tiếp tục điều chỉnh mức lương tối thiểu; chưa bổ sung thêm các loại phụ cấp theo ngành, nghề; sửa đổi chế độ nâng lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; xử lý một số bất hợp lý của chế độ phụ cấp, trên cơ sở đó thực hiện khoán số lượng chức danh và quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở; sửa đổi cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tiền lương đối với khu vực sự nghiệp công; sửa đổi cơ chế quản lý tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước, khắc phục tình trạng tiền lương, phụ cấp không gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh, chênh lệch quá lớn giữa cán bộ quản lý và người lao động. Điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công, lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội cùng với mức tăng và thời điểm điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu của cán bộ, công chức...

2- Khẩn trương nghiên cứu xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công đến năm 2020 để trình Hội nghị Trung ương 7 (khoá XI)/.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**NGHỊ QUYẾT SỐ 15-NQ/TW, NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 2012, HỘI
NGHỊ LẦN THỨ 5 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ XI)**

Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020

(Trích)

A - TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1 - Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta.

Hệ thống pháp luật và chính sách phát triển các lĩnh vực xã hội ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Diện thụ hưởng chính sách ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên.

Nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ngày càng lớn, được tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội khác. Các lĩnh vực xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là giảm nghèo, tạo việc làm, ưu đãi người có công, giáo dục và đào tạo, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác gia đình và bình đẳng giới. Đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội. Nước ta được Liên hợp quốc công nhận là một trong các quốc gia đi đầu trong việc thực hiện một số mục tiêu Thiên niên kỷ.

Tuy nhiên, lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, một số mặt yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục. Tạo việc làm và giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao. Mức trợ cấp ưu đãi người có công còn thấp. Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kết quả phổ cập giáo dục ở nhiều huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn cao và giảm chậm; vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn thấp. Đời sống của một bộ phận người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn rất khó khăn, chưa bảo đảm được mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là về nhà ở và sử dụng nước sạch. Chênh lệch các chỉ số về an sinh xã hội giữa miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với mức trung bình của cả nước còn lớn.

2 - Những hạn chế, yếu kém nêu trên là do nước ta còn nghèo, hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề, thiên tai xảy ra thường xuyên, gây thiệt hại lớn. Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chông chéo. Chính sách xã hội còn chậm đổi mới so với chính sách kinh tế. Còn thiếu các giải pháp hữu hiệu để thu hẹp khoảng cách về mức sống và an sinh xã hội giữa các vùng, miền. Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật chưa nghiêm, hiệu quả thấp; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm tra ở nhiều nơi chưa được coi trọng. Nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước; chưa động viên, thu hút được nhiều sự tham gia của xã hội và khuyến khích người thụ hưởng chính sách tự vươn lên.

Từ những kết quả, hạn chế trong việc xây dựng và thực hiện chính sách xã hội thời gian qua, rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển. Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ.

Hai là, chính sách xã hội phải được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên thực hiện tốt chính sách đối với người có công; bảo đảm mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và truyền thống tốt đẹp, tương thân, tương ái của dân tộc ta. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời huy động sự tham gia mạnh mẽ của toàn xã hội; đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Bốn là, xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển phù hợp, có chương trình hành động cụ thể, khả thi và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, tạo đồng thuận cao trong xã hội.

B - ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2012 - 2020

Các chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 cần sớm được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thông qua các nghị quyết chuyên đề, các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Riêng đối với chính sách người có công và chính sách an sinh xã hội thực hiện theo quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp sau:

I - QUAN ĐIỂM

1 - Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

2 - Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

3 - Hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thể hệ; bảo đảm bền vững, công bằng.

4 - Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia. Đồng thời tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh.

5 - Tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

II - MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân.

III - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1 - Về chính sách ưu đãi người có công

Tập trung triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với người có công, chú trọng giải quyết những trường hợp còn tồn đọng. Nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công phù hợp với lộ trình điều chỉnh mức lương tối thiểu. Đến hết năm 2013, hỗ trợ giải quyết cơ bản về nhà ở đối với hộ người có công đang có khó khăn về nhà ở. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với người có công và thân nhân về phát triển sản xuất, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh việc tu bổ nghĩa trang, tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sĩ, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Có

biện pháp khắc phục có hiệu quả tiêu cực trong quá trình thực hiện chính sách người có công.

2 - Về bảo đảm an sinh xã hội

2.1 - Về việc làm, thu nhập và giảm nghèo

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn. Xây dựng và triển khai Luật Việc làm; khẩn trương nghiên cứu xây dựng Chương trình việc làm công. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 4%.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, trong đó chú trọng các chính sách giảm nghèo đối với các huyện nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, thu hẹp chênh lệch về mức sống và an sinh xã hội so với bình quân cả nước. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo để giảm nghèo bền vững. Phần đầu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng trên 3,5 lần so với năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 1,5 - 2%/năm; các huyện, xã có tỷ lệ nghèo cao giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.

2.2 - Về bảo hiểm xã hội

Nghiên cứu, sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, bảo hiểm xã hội. Hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội để bảo đảm yêu cầu cân đối và tăng trưởng của Quỹ bảo hiểm xã hội. Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Rà soát, bổ sung quy định buộc người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật. Phần đầu đến năm 2020 có khoảng 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

2.3 - Về trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng với hình thức hỗ trợ thích hợp; nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Xây dựng mức sống tối thiểu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội làm căn cứ xác định người thuộc diện được hưởng trợ giúp xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội. củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự

tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão. Phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 2,5 triệu người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên, trong đó trên 30% là người cao tuổi.

Thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp đột xuất; mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng.

2.4 - Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số

a) Bảo đảm giáo dục tối thiểu

Tiếp tục thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án về giáo dục. Mở rộng và tăng cường các chế độ hỗ trợ, nhất là đối với thanh niên, thiếu niên thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn để bảo đảm phổ cập giáo dục bền vững. Tăng số lượng học sinh trong các trường dân tộc nội trú, mở rộng mô hình trường bán trú; xây dựng và củng cố nhà trẻ trong khu công nghiệp và vùng nông thôn. Xây dựng đề án phổ cập mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Nâng cao chất lượng phổ cập trung học cơ sở, đặc biệt là đối với con em hộ nghèo, dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Phấn đấu đến năm 2020 có 99% trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học, 95% ở bậc trung học cơ sở; 98% người trong độ tuổi từ 15 trở lên biết chữ; trên 70% lao động qua đào tạo.

b) Bảo đảm y tế tối thiểu

Tiếp tục triển khai chiến lược, các chương trình, đề án về y tế, nhất là đề án khắc phục quá tải ở các bệnh viện. Cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở, ưu tiên các huyện nghèo, xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoàn thiện việc phân công quản lý các đơn vị thuộc ngành y tế ở địa phương. Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Đến năm 2020, trên 90% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân 10%. Đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình phòng, chống lao quốc gia, giảm mạnh số người bị mắc bệnh lao và chết do lao, phấn đấu đưa Việt Nam ra khỏi danh sách 20 nước có tỷ lệ người mắc bệnh lao cao nhất thế giới.

Nâng cao hiệu quả sử dụng bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, các hộ nghèo. Sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm y tế, đổi mới công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, có chính sách khuyến

khích người dân, nhất là người có thu nhập dưới mức trung bình tham gia bảo hiểm y tế. Đến năm 2020 trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

c) Bảo đảm nhà ở tối thiểu

Cải thiện điều kiện nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp ở đô thị, từng bước giải quyết nhu cầu về nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp và học sinh, sinh viên.

(...)

d) Bảo đảm nước sạch

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015 và các năm tiếp theo, ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở miền núi, hải đảo, vùng ngập lũ, vùng bị nhiễm mặn. Cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt của dân cư, đặc biệt là dân cư nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng núi cao thiếu nước. Đến năm 2020, 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 70% sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia.

đ) Bảo đảm thông tin

Tăng cường thông tin truyền thông đến người dân nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo giai đoạn 2012 - 2015 và các năm tiếp theo. củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Đến năm 2015, bảo đảm 100% số xã khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được phủ sóng phát thanh, truyền hình mặt đất và 100% các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và xã an toàn khu, xã bãi ngang ven biển và hải đảo có đài truyền thanh xã.

3 - Giải pháp thực hiện

3.1 - Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong chỉ đạo và thực hiện. Báo cáo kết quả công tác hằng năm của cấp ủy và chính quyền các cấp ở địa phương phải có nội dung về thực hiện chính sách người có công và an sinh xã hội.

3.2 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội tại mỗi địa phương để người dân có thể truy cập dễ dàng. Tiếp tục phát huy

truyền thống uống nước nhớ nguồn, đẩy mạnh các phong trào đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, chăm sóc, giúp đỡ người có công, người nghèo.

3.3 - Đổi mới quản lý nhà nước đối với lĩnh vực ưu đãi người có công và an sinh xã hội. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm tính hệ thống và đồng bộ, đơn giản và hiệu quả; vừa hỗ trợ, vừa khuyến khích nỗ lực vươn lên của các đối tượng thụ hưởng, khắc phục sự ỷ lại vào Nhà nước.

Thống nhất đầu mối quản lý các chương trình, chính sách theo hướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương chỉ quản lý mục tiêu, hỗ trợ nguồn lực, hướng dẫn thực hiện, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, phổ biến điển hình; địa phương chịu trách nhiệm quản lý nguồn lực, tổ chức thực hiện. Nâng cao năng lực thực thi chính sách của cấp cơ sở.

Hợp lý hóa, hiện đại hóa công tác quản lý, phương thức chi trả; xây dựng cơ sở dữ liệu hộ gia đình, mã số cá nhân và bộ chỉ số an sinh xã hội để quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trong từng thời kỳ. Hằng năm có báo cáo quốc gia về an sinh xã hội, trong đó làm rõ kết quả thực hiện chính sách xã hội ở các huyện nghèo, vùng núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.4 - Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

3.5 - Nhà nước bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện chính sách người có công, đồng thời quan tâm bố trí ngân sách và đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

(...)

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1 - Tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 là một nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở.

(...)

4 - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tham gia thực hiện và vận động các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết này.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

KẾT LUẬN 26-KL/TW
NGÀY 02 THÁNG 8 NĂM 2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01 tháng 7 năm
2004 của bộ chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến
năm 2020
(Trích)

Tại phiên họp ngày 05 tháng 7 năm 2012, sau khi xem xét báo cáo kết quả tổng kết 6 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX “Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010” của Ban Chỉ đạo tổng kết, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1- Về tình hình thực hiện Nghị quyết

1.1- Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX được ban hành kịp thời, đánh giá đúng đặc điểm, vị trí quan trọng, tiềm năng, lợi thế, những khó khăn, thách thức và xác định rõ hướng phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; đã được các tỉnh ủy trong vùng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, từng bước đi vào cuộc sống và đã đạt được những kết quả quan trọng. Nổi bật là:

Bước đầu đã phát huy được tiềm năng, lợi thế để phát triển, kinh tế tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 11,57%, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra và cao hơn mức bình quân chung của cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực (tăng dần tỉ trọng công nghiệp – xây dựng, giảm dần tỉ trọng nông nghiệp).

(...)

Các lĩnh vực văn hóa- xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên; công tác phát triển nguồn nhân lực được chú trọng; an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm đạt kết quả khá.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; công tác quốc phòng, an ninh được tăng cường. Hệ thống chính trị các cấp, nhất là ở cơ sở không ngừng được củng cố, kiện toàn và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động.

1.2- Tuy nhiên, kết quả thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu quan trọng, cấp bách của vùng, có 5 mục tiêu quan trọng Nghị quyết

đề ra chưa đạt; chưa tạo được sự chuyển biến căn bản, đột phá quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của toàn vùng. Quy mô kinh tế còn nhỏ bé, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, tính liên kết thấp, chủ yếu sản phẩm thô, hiệu quả chưa cao. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều yếu kém, đến nay chưa xây dựng và phê duyệt được quy hoạch vùng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều yếu kém, nhiều dự án triển khai chậm so với yêu cầu.

(...)

2- Phương hướng đến năm 2020

Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX đến nay cơ bản vẫn phù hợp; Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy trong vùng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng ủy trực thuộc Trung ương cần tiếp tục tổ chức thực hiện đến năm 2020, tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt một số vấn đề chủ yếu sau đây:

(...)

2.3- Các nhiệm vụ chủ yếu

e) Về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước cũng như các tỉnh trong vùng thống nhất nhận thức về yêu cầu quan trọng và cấp bách của việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung di và miền núi Bắc Bộ, không chỉ là nhiệm vụ của các địa phương trong vùng mà còn là nhiệm vụ chung của cả nước, để từ đó tích cực tham gia, phối hợp thực hiện tốt.

- Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Xây dựng hệ thống chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp theo hướng gần dân, sát cơ sở, thực sự vì quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên.

(...)

3- Tổ chức thực hiện

(...)

- Ban Chỉ đạo Tây Bắc phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng ở Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các tỉnh trong vùng tổ chức thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị

quyết, Kết luận này và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ.

T/M. BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

NGHỊ QUYẾT SỐ 16-NQ/TW
NGÀY 10 THÁNG 8 NĂM 2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng, nhiệm vụ phát triển
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020
(Trích)

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 20-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHOÁ IX

1- Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan toả lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã luôn phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, phấn đấu bền bỉ, năng động, sáng tạo, đoàn kết, có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay.

(...)

Sau hơn 25 năm đổi mới và gần 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thành phố Hồ Chí Minh đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện, tạo sự chuyển biến căn bản trong đời sống xã hội, góp phần rất quan trọng vào thành tựu chung của vùng và cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Thành phố đã vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng các danh hiệu cao quý: "Thành phố Anh hùng", "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới", được hai lần tặng thưởng Huân chương Sao vàng.

2- Tuy nhiên, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn khó khăn, hạn chế, yếu kém:

- Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với vị trí, vai trò và tiềm năng của Thành phố. Cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế chuyển dịch còn chậm; chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh chưa cao; tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn thấp; quy mô, tỉ trọng của khu vực kinh tế tập thể còn nhỏ; kết quả hợp tác phát triển với các địa phương còn hạn chế.

(...)

3- Những khó khăn, hạn chế, yếu kém nêu trên là do :

- Năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, công tác quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền Thành phố trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết còn hạn

ché, thiếu quyết liệt. Thành phố chưa quan tâm đúng mức việc tổng kết thực tiễn, chưa kiên trì, kiên nghị với Trung ương để có chủ trương, biện pháp mang tính đột phá.

(...)

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020

1- Từ nay đến năm 2020, trên cơ sở vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ, Thành phố cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, nỗ lực phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển Thành phố nhanh và bền vững với chất lượng và tốc độ cao hơn mức bình quân chung của cả nước, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đóng góp ngày càng lớn với khu vực và cả nước; từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á; góp phần tích cực đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

2- Để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây :

(...)

2.2- Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đầu tư nâng cấp cải tạo, chỉnh trang đô thị cũ. Bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đặc biệt chú ý khai thác nguồn vốn từ nhà xưởng, quyền sử dụng đất để góp phần tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan tập trung xây dựng hệ thống giao thông công cộng có sức chở lớn, đường sắt đô thị, phát triển đường vành đai, đường trên cao, đường cao tốc, luồng tàu đường biển, đường sông; các hệ thống cấp nước, thoát nước, chống ngập, xử lý chất thải, hạ tầng năng lượng, hạ tầng viễn thông... Đầu tư xây

dựng hệ thống đê ven biển, công trình thuỷ lợi ven sông Sài Gòn, hệ thống công ngăn triều, kiểm soát lũ, giải quyết cơ bản tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước, kết nối với kết cấu hạ tầng các tỉnh lân cận và vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực tham gia bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó, hạn chế tác hại do biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

2.3- Nâng cao hiệu quả thực hiện chủ trương xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao.

Tiếp tục đầu tư đổi mới, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển mạnh khoa học - công nghệ gắn với phát triển kinh tế tri thức, làm nền tảng thúc đẩy Thành phố phát triển nhanh và bền vững.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế từ Thành phố đến cơ sở. Tập trung xây dựng, phát triển khu y tế kỹ thuật cao, các trung tâm y tế chuyên sâu và một số bệnh viện tại các cửa ngõ Thành phố. Nâng cao chất lượng hoạt động bệnh viện quận, huyện... Coi trọng phát triển y tế dự phòng, nâng cao tinh thần phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế. Giải quyết căn bản tình trạng quá tải các bệnh viện.

Phát triển mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng, nâng cao thể chất của nhân dân; phát triển thể thao thành tích cao, nhất là các môn Thành phố có truyền thống, có ưu thế.

Phát triển, nâng cao chất lượng và quản lý tốt các hoạt động văn hoá theo hướng văn minh, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và các giá trị tinh thần mang nét đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh. Lãnh đạo, quản lý hoạt động báo chí, xuất bản, văn học - nghệ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển, nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân; từng bước giảm dần sự cách biệt về mức hưởng thụ văn hoá giữa đô thị và nông thôn; xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh đô thị.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội và bảo đảm an sinh xã hội, rút ngắn khoảng cách nghèo giàu trong các tầng lớp nhân dân. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn tệ nạn xã hội, tội phạm; giảm tai nạn giao thông; bảo đảm trật tự, an toàn cho nhân dân.

2.4- Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong mọi tình huống; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc; xây dựng nền tảng chính trị vững chắc trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững

chắc, xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững mạnh. Xây dựng lực lượng quân đội, công an trong sạch, vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Triển khai có hiệu quả việc đấu tranh với các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp nảy sinh, không để bất ngờ xảy ra.

(...)

2.7- Phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc; chăm lo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh; thực hiện tốt quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị và quy chế dân chủ cơ sở; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. Giải quyết kịp thời các khiếu kiện của nhân dân, không để xảy ra những "điểm nóng".

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020" trước hết là trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố, đồng thời cũng là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và các địa phương, để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh của cả nước, vì cả nước.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
ĐÃ KÝ: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**CHỈ THỊ SỐ 18-CT/TW NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2012
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự,
an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa
và khắc phục ùn tắc giao thông**

(Trích)

Sau 9 năm thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW, ngày 24 tháng 02 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã có nhiều chủ trương, giải pháp, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện và đã đạt được những kết quả tích cực. Tình hình trật tự, an toàn giao thông có chuyển biến, tai nạn giao thông được kiềm chế, giảm về số vụ, số người chết và số người bị thương.

Tuy nhiên, tình hình vi phạm trật tự, an toàn giao thông còn diễn ra phức tạp; tai nạn giao thông vẫn ở mức cao và nghiêm trọng, nhất là số người chết, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gia tăng, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông đường bộ vẫn đang là vấn đề bức xúc của toàn xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội và hình ảnh của đất nước Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do ý thức tự giác chấp hành kỷ luật về trật tự, an toàn giao thông của người tham gia giao thông còn yếu kém. Kết cấu hạ tầng giao thông còn nhiều hạn chế, bất cập. Một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về kiềm chế, làm giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông còn hạn chế; việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan chức năng về bảo đảm trật tự an toàn giao thông chưa hợp lý, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong công tác này; lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vừa thiếu, vừa yếu về năng lực.

Để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trong tình hình mới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tốt các nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cấp ủy đảng, người đứng đầu chính quyền các cấp, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về công tác này; thực hiện toàn diện, đồng bộ, liên tục các chủ trương, giải pháp nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phấn đấu hằng năm kiềm chế, làm giảm từ 5% đến 10% tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và giảm ùn tắc giao thông đường bộ.

2- Huy động mọi nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế để bảo đảm các điều kiện phát triển về kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông công cộng.

3- Xây dựng lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1- *Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông.* Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông phải được xác định là một nhiệm vụ chính trị thường xuyên của cấp ủy đảng; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông của các ngành chức năng và chính quyền các cấp; tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

2- *Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.* Với nhiều hình thức và nội dung phù hợp để cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu, nhận thức rõ hiểm họa tai nạn giao thông; mỗi người khi tham gia giao thông thấy rõ trách nhiệm và tự giác chấp hành pháp luật về giao thông, thực hiện nếp sống “văn hóa giao thông”. Chú ý biểu dương gương người tốt, việc tốt, đi đôi với phê phán, lên án các hành vi cố ý vi phạm, coi thường kỷ cương, pháp luật trật tự, an toàn giao thông.

Đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông vào sinh hoạt định kỳ của chi bộ đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; gắn việc xây dựng “văn hóa giao thông” vào nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Xác định rõ việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là một tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên; là một tiêu chuẩn đánh giá đạo đức cuối năm của học sinh, sinh viên.

Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy pháp luật về giao thông trong trường học. Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong việc giáo dục, nhắc nhở học sinh, sinh viên tự giác chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông.

(...)

III- TÔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

3- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện Chỉ thị, tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học... an toàn về an ninh, trật tự, an toàn giao thông.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ 19-CT/TW NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2012
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề
cho lao động nông thôn
(Trích)

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, công tác dạy nghề cho lao động nông thôn bước đầu đã có chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả. Chính sách mới về dạy nghề cho lao động nông thôn được ban hành tương đối đồng bộ, phù hợp với điều kiện của đất nước. Đã xây dựng thành công một số mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn làm cơ sở để triển khai nhân rộng; số lao động nông thôn được học nghề ngày càng tăng. Một bộ phận lao động nông thôn sau khi học nghề đã có việc làm mới ở các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, được xuất khẩu lao động hoặc chuyển nghề. Qua đó, đã góp phần hình thành nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ có hiệu quả, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, công tác dạy nghề cho lao động nông thôn vẫn chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Việc triển khai công tác này còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với đặc điểm của từng vùng, ngành kinh tế; thiếu định hướng dài hạn, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch nông thôn mới, nhất là quy hoạch sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và thị trường. Một số nơi, dạy nghề còn chạy theo số lượng; chất lượng thấp, chưa phù hợp với nhu cầu của người học và người sử dụng lao động. Tư vấn, hướng nghiệp học nghề với điều kiện, khả năng của mình và nhu cầu của xã hội. Mạng lưới cơ sở dạy nghề còn nhiều bất cập, cơ sở vật chất, thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về dạy nghề thiếu về số lượng và yếu về nghiệp vụ. Công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, phổ biến về dạy nghề cho lao động nông thôn chưa sát thực tế, chưa phong phú về hình thức.

Nguyên nhân của những tồn tại nêu trên chủ yếu là do: nhận thức của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn và vai trò của công tác dạy nghề cho lao động nông thôn chưa đầy đủ. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng nông thôn

mới ở nhiều địa phương không xác định chỉ tiêu, giải pháp cụ thể cho công tác này; chưa quan tâm đầu tư đúng mức; thiếu chính sách cụ thể để huy động các nguồn lực xã hội phục vụ công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành liên quan trong tổ chức thực hiện chưa chặt chẽ.

Đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng có vai trò quan trọng việc phát huy nguồn lực phục vụ sự nghiệp dạy nghề cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và xây dựng nông thôn mới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và người dân về vị trí chiến lược của phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và vai trò của công tác dạy nghề trong việc nâng cao chất lượng lao động nông thôn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và tạo thêm việc làm.

(...)

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức thành viên chủ động tham gia thực hiện chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn với các hình thức phù hợp; tích cực phối hợp với các cơ quan nhà nước phổ biến, tuyên truyền, tư vấn dạy nghề cho các đoàn viên, hội viên, cộng tác viên; biểu dương, nhân rộng gương người tốt, việc tốt trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Thường xuyên giám sát việc thực hiện và kịp thời tập hợp ý kiến của nhân dân về công tác này để phản ánh, kiến nghị với các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW
NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020
(Trích)

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là hai chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Trong những năm qua, công tác bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần ổn định đời sống của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội và ổn định chính trị - xã hội. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từng bước được hoàn thiện phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng qua các năm; thực hiện việc chi trả lương hưu và các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng. Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành, có kết dư và bảo toàn, tăng trưởng, tham gia đầu tư góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

(...)

2- Tuy nhiên, công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn một số hạn chế, yếu kém. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp, mới đạt khoảng 20% lực lượng lao động, số người tham gia bảo hiểm y tế mới đạt khoảng 65% dân số. Quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế chưa đáp ứng yêu cầu; việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn có thiếu sót.

(...)

3- Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan bảo hiểm xã hội ở địa phương trong việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội chưa chặt chẽ.

(...)

II- QUAN ĐIỂM

1- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là hai chính sách xã hội quan trọng, là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

2- Mở rộng và hoàn thiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế có bước đi, lộ trình phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đồng bộ với phát triển các dịch vụ xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

(...)

4- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và của mỗi người dân.

III- MỤC TIÊU

(...)

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp cần xác định rõ trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tăng cường lãnh đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, để cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ vai trò, ý nghĩa của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong hệ thống an sinh xã hội; quyền lợi và nghĩa vụ của người dân khi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Phát hiện và biểu dương kịp thời các địa phương, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện tốt, đồng thời phê phán, xử lý nghiêm vi phạm. Chính quyền, cơ quan bảo hiểm xã hội và các tổ chức đoàn thể cần chú ý làm tốt công tác vận động nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

3- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, pháp luật, chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

(...)

4- Các cấp uỷ đảng địa phương lãnh đạo uỷ ban nhân dân phối hợp chặt chẽ với nhau.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CHỈ THỊ 21-CT/TW, NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
(Trích)

Thời gian gần đây, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" và Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về "Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, tình hình lãng phí vẫn còn xảy ra nghiêm trọng, gây bức xúc trong xã hội, nhất là trong bối cảnh kinh tế đất nước và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Để tạo sự chuyển biến thực sự về vấn đề này trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và cán bộ, đảng viên cần xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ hằng ngày và nội dung sinh hoạt hằng tháng của chi bộ, cơ quan, tổ chức; cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2- Mở cuộc vận động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo hướng lành mạnh, tiết kiệm, tránh xa hoa, lãng phí, phiền nhiễu, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan; chống lợi dụng việc cưới, việc tang để vụ lợi; chống thương mại hóa lễ hội. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên các cơ quan Trung ương phải gương mẫu chấp hành các quy định của Trung ương và địa phương về việc cưới, việc tang, lễ hội. Coi đây là tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Phê bình và xử lý nghiêm đối với cán bộ, đảng viên vi phạm.

3- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị khóa X về tổ chức các ngày kỷ niệm theo hướng tiếp tục tiết giảm quy mô, thời gian tổ chức, bảo đảm thiết thực, thật sự tiết kiệm và có ý nghĩa giáo dục cao. Việc tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu trong nước của lãnh đạo Đảng và Nhà nước thực hiện đúng theo Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 11 tháng 02 năm 2003 của Bộ Chính trị khóa IX. Cán bộ lãnh

đạo, quản lý ở các cấp không tham dự lễ hội và các hoạt động cắt băng khánh thành, động thổ, khai trương... nếu không được cấp có thẩm quyền phân công.

(...)

5 - Chấn chỉnh việc cử đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài. Việc đi nghiên cứu, tìm hiểu tình hình các nước, cần phải có mục đích, nội dung, kế hoạch rõ ràng, tránh trùng lặp với các đoàn đi trước. Thành phần đoàn cần gọn, bao gồm những người thật sự cần thiết cho công việc, thời gian đi hợp lý, chi phí phải tiết kiệm theo đúng quy định. Khi kết thúc, phải có báo cáo về kết quả chuyến đi cho cấp có thẩm quyền.

Các đồng chí lãnh đạo của các ban đảng, các bộ, ngành, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, các tổ chức chính trị-xã hội, các đoàn thể nhân dân, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cân nhắc kỹ việc đi công tác ngoài nước; thực hiện đúng quy định trong một năm đi nước ngoài tối đa là hai lần, trừ trường hợp có nhu cầu đột xuất, hoặc công việc thật cần thiết. Không bố trí hai đồng chí lãnh đạo chủ chốt của một bộ, ngành, địa phương cùng tham gia một đoàn đi công tác nước ngoài.

(...)

6 - Tổ chức các hoạt động đón Tết Nguyên đán Quý Tỵ 2013 và kỷ niệm 83 năm thành lập Đảng bảo đảm thiết thực, hướng về cơ sở. Tổ chức thăm hỏi các thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình và người có công với cách mạng, các đồng chí lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ tiêu biểu, các đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo. Chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... đón Tết.

Không tổ chức để các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đi thăm, chúc Tết các địa phương. Kỷ niệm 83 năm Ngày thành lập Đảng (03 tháng 02 năm 2013) là năm lẻ, không tổ chức đón, tiếp khách tại trụ sở các cơ quan đảng.

Nghiêm cấm mọi hình thức tặng quà Tết cho cấp trên; không được sử dụng tiền, phương tiện, tài sản công trái quy định vào các hoạt động trong dịp Tết và Xuân Quý Tỵ.

Tăng cường các biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự-an toàn xã hội, an toàn giao thông; bảo đảm đủ phương tiện giao thông công cộng để nhân dân đi lại trong dịp Tết được thuận lợi; bảo đảm hàng hóa chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, giá cả phù hợp phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết.

(...)

TM. BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ 15-CT/TW
NGÀY 24 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về việc thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương
đảng (khóa XI) “một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng hiện nay”
(Trích)

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã bàn và thống nhất ban hành Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Đây là Nghị quyết cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng về lĩnh vực xây dựng Đảng, có ý nghĩa rất quan trọng, được toàn Đảng, toàn dân đặc biệt quan tâm. Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung sau đây:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thực hiện Nghị quyết phải tạo được chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng đảng ngay trong nhiệm kỳ khóa XI, nhằm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân.

- Làm tốt công tác xây dựng Đảng là cơ sở để xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của cả hệ thống chính trị, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chăm lo đời sống nhân dân và cũng là căn cứ để xem xét, sàng lọc, xây dựng đội ngũ cán bộ, chuẩn bị quy hoạch cấp ủy, các chức danh chủ chốt các cấp nhiệm kỳ tới.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết với quyết tâm chính trị cao trong toàn Đảng. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là người đứng đầu, phải thật sự gương mẫu làm trước. Phải làm kiên quyết, kiên trì, xác định rõ lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành; làm từng bước vững chắc, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện.

- Xây dựng Đảng là công việc hệ trọng, khi thực hiện phải bình tĩnh, tỉnh táo, không nóng vội, cực đoan; giữ đúng nguyên tắc, không để các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội lợi dụng, kích động, xuyên tạc, đả kích gây rối nội bộ; đồng thời không được để rơi vào trì trệ, hình thức, không làm chuyển biến được tình hình.

II- NỘI DUNG VÀ CÁCH LÀM

1- Tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến, quán triệt Nghị quyết của Trung ương, Chỉ thị, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị.

(...)

2.3- Phương châm, phương pháp tiên hành

- Tiên hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nhất là những mặt còn yếu kém, không nể nang, né tránh; đề ra các biện pháp khắc phục, sửa chữa thiết thực, khả thi. Thực hiện các giải pháp bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp "chống và xây", "xây và chống", nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất hiện nay. Khắc phục tư tưởng coi khuyết điểm chỉ là của người khác, đơn vị khác.

- Việc tổ chức kiểm điểm phải thật sự dân chủ, nghiêm túc, thẳng thắn với tinh thần xây dựng, đúng yêu cầu, nội dung, cách làm, thời gian mà Trung ương và Bộ Chính trị đã đề ra. Trước khi kiểm điểm, phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp và các đồng chí nguyên là cấp ủy viên cùng cấp. Ủy ban kiểm tra chủ trì phối hợp với ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban dân vận, văn phòng và các cơ quan liên quan kiến nghị với cấp ủy (hoặc thường vụ cấp ủy) nội dung gợi ý kiểm điểm cho tập thể, cá nhân ở những nơi cần thiết. Sau khi kiểm điểm, báo cáo kết quả với cấp trên và thông báo với cấp dưới và các cơ quan lấy ý kiến góp ý.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (tập thể và cá nhân), các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng kiểm điểm trước với tinh thần gương mẫu để cấp ủy, cán bộ, đảng viên cấp dưới thực hiện theo. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên kiểm điểm tự phê bình và phê bình không đạt yêu cầu phải kiểm điểm lại; kiên quyết xử lý kỷ luật những cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên không tự giác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, không tự nhận được sai lầm, khuyết điểm, không khắc phục được những hạn chế, khuyết điểm đã được nêu ra. Những trường hợp có vi phạm, tự giác kiểm điểm, tự phê bình nghiêm túc, tích cực sửa chữa, khắc phục sẽ được xem xét giảm hoặc miễn xử lý kỷ luật.

- Kiểm điểm tự phê bình và phê bình là việc làm vừa cấp bách vừa lâu dài, do đó các cấp ủy, tổ chức đảng, từng đảng viên phải thường xuyên tự giác xem xét, nhìn lại mình để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, không chờ đến khi tổ chức hội nghị kiểm điểm. Sau đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 lần này, cần duy trì nghiêm túc nền nếp, chế độ tự phê bình, phê bình hằng năm, gắn với kiểm điểm theo chức trách, nhiệm vụ được giao và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh lãnh

đạo trong cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể. Định kỳ hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng có hình thức thích hợp thông báo kết quả kiểm điểm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, đóng góp ý kiến. Định kỳ tổ chức để nhân dân góp ý xây dựng Đảng thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

3- Thực hiện các nhóm giải pháp về tổ chức, cán bộ và sinh hoạt đảng; về cơ chế, chính sách và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

(...)

3.4- Các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương khẩn trương rà soát các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, những vụ việc có thông tin hoặc đơn, thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo mà dư luận quan tâm, thanh tra, kiểm tra, điều tra, kết luận làm rõ; xử lý kịp thời, nghiêm minh những người vi phạm. Đối với những vụ án đã khởi tố, cần khẩn trương kết thúc điều tra để sớm đưa ra truy tố, xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

- Căn cứ vào Nghị quyết của Trung ương, Chỉ thị và Kế hoạch của Bộ Chính trị, sự chỉ đạo hướng dẫn của các ban đảng Trung ương và các cơ quan cấp trên, các cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các ngành phải xây dựng chương trình kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết một cách khẩn trương, nghiêm túc, thiết thực, có sự phân công trách nhiệm cụ thể, chặt chẽ, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị.

TỔNG BÍ THƯ

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**CHỈ THỊ 20/CT-TW NGÀY 5 THÁNG 11 NĂM 2012
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về việc tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác chăm sóc, giáo
dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới**

(Trích)

Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 55-CT/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2000 của Bộ Chính trị khóa VIII, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã có sự chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả quan trọng. Hệ thống pháp luật, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã từng bước được hoàn thiện. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được tăng cường. Việc huy động và sử dụng nguồn lực để thực hiện các mục tiêu vì trẻ em ngày càng có hiệu quả; chăm sóc sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em được cải thiện đáng kể. Số trường đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ngày càng tăng; đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; đang thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập trung học phổ thông ở một số địa phương có điều kiện. Công tác bảo vệ, xây dựng môi trường sống an toàn và lành mạnh cho trẻ em được chú trọng; đời sống văn hóa, tinh thần, vui chơi, giải trí, phúc lợi xã hội và các quyền dành cho trẻ em ngày càng được bảo đảm.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vẫn còn một số hạn chế, yếu kém. Hệ thống pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em chưa hoàn thiện. Nhiều mục tiêu cụ thể quan trọng trong Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2001-2010 thực hiện chưa đạt. Đạo đức, lối sống xuống cấp, lệch chuẩn của một bộ phận trẻ em đang trở thành nỗi lo của gia đình và xã hội. Tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục, bạo lực, bị lạm dụng sức lao động có xu hướng gia tăng, tính chất ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng trẻ em phạm tội, trẻ em lang thang, bị tai nạn, bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS vẫn là những vấn đề xã hội bức xúc.

(...)

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên là do một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chưa dành sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức cho công tác này. Sự tham gia của các đoàn thể ở nhiều nơi còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các đoàn thể và xã hội còn thiếu chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế.

(...)

Để tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quán triệt và thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

(...)

4- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Các địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho việc xây dựng các công trình phúc lợi cho trẻ em. Khi lập các dự án xây dựng khu dân cư, khu nhà ở phải dành diện tích thích hợp để xây dựng trường học, công trình vui chơi, giải trí cho trẻ em. Từng bước bố trí tăng nguồn ngân sách cho sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; trong đó ưu tiên kinh phí đầu tư các công trình cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, trẻ em các gia đình chính sách, gia đình nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội. Khuyến khích sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động và công trình dành cho trẻ em.

Hàng năm, tổ chức các hoạt động có hiệu quả thiết thực: Tháng hành động vì trẻ em từ ngày 1 đến ngày 30/6, Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, Ngày gia đình Việt Nam và Diễn đàn trẻ em các cấp.

Tổ chức thực hiện tốt Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các công ước, điều ước quốc tế khác có liên quan mà Nhà nước Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, khu vực nhằm trao đổi kinh nghiệm, huy động nguồn lực bên ngoài cho công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

(...)

6- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng và tổ chức thực hiện phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo và thực hiện tốt các hoạt động thanh thiếu niên và nhi đồng. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giữa các ban, ngành, đoàn thể trong hoạt động chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; trong đó, gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em, cùng với nhà trường giáo dục hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ

năng cần thiết cho trẻ em phát triển toàn diện. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em; phát hiện, ngăn chặn, lên án các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật, vi phạm quyền trẻ em.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

**CHỈ THỊ 17-CT/TW NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với các
hội quần chúng**

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 06 tháng 10 năm 1998 của Bộ Chính trị khoá VIII "Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng" đã đạt nhiều kết quả tích cực. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng được tăng cường; công tác quản lý nhà nước, hệ thống văn bản pháp luật về hội tiếp tục được hoàn thiện. Các hội quần chúng phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về hình thức tổ chức và hoạt động, từng bước gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đất nước; góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng còn nhiều hạn chế. Công tác theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác quản lý nhà nước, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hội chưa theo kịp sự phát triển của hội quần chúng. Một số hội quần chúng hoạt động còn hình thức, kém hiệu quả; nội dung, phương thức hoạt động chậm đổi mới, chưa thực sự gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước; tính tự nguyện, tự quản lý, tự trang trải kinh phí chưa được quán triệt và thực hiện đầy đủ; hoạt động của nhiều hội chưa đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của hội viên.

Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm trên chủ yếu do các cấp uỷ đảng và đảng đoàn ở một số hội chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; vai trò của đảng viên là hội viên chưa được phát huy tốt. Công tác quản lý nhà nước ở một số nơi còn bị buông lỏng; trình độ quản lý của nhiều cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Tính chủ động vươn lên của một số hội chưa cao, còn nặng tư tưởng bao cấp, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước; sự phối hợp hoạt động chưa chặt chẽ.

Để tạo điều kiện cho các hội quần chúng tổ chức và hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng được nguyện vọng ngày càng đa

dạng, phong phú của nhân dân, đồng thời để lãnh đạo, quản lý tốt hơn nữa hoạt động của các hội quần chúng trong điều kiện đất nước ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế; Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội quần chúng cần thực hiện tốt những nội dung sau :

1- Các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên phải nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng. Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng và quản lý của chính quyền cấp đó. Cấp uỷ đảng ở mỗi cấp phải thường xuyên đổi mới, tăng cường lãnh đạo đối với hội thông qua việc định hướng chính trị về tổ chức và hoạt động của hội. Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương, khẩn trương thành lập tổ chức đảng ở những nơi có đủ điều kiện; củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng đã có trong các hội; đảng viên là hội viên phải nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong việc vận động, tập hợp hội viên thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội.

Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp phải thường xuyên lãnh đạo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết để đánh giá đúng tình hình tổ chức và hoạt động của các hội từ Trung ương đến địa phương; phát hiện những kinh nghiệm tốt, những mặt còn yếu kém; đề ra biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các hội. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, đảng đoàn các liên hiệp hội và các hội tăng cường chỉ đạo các thành viên và hội viên thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của hội.

2- Hội lập ra phải xuất phát từ nhu cầu chính đáng của quần chúng nhân dân, theo đúng quy định của pháp luật; không nhất thiết phải tổ chức thành hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Hoạt động của hội theo nguyên tắc chung là : tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí, tuân thủ pháp luật và điều lệ hội. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho hội căn cứ vào hoạt động và việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Đảng, Nhà nước giao.

Các hội phải thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ; đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Đa dạng hoá các loại hình về hội, hoạt động của hội phải thực sự đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của hội viên; đoàn kết, tập hợp hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức hội, hội viên và cộng đồng.

Khắc phục tình trạng hành chính hoá trong tổ chức và hoạt động của các hội hiện nay.

Các hội cần làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, góp phần làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ đất nước và con người Việt Nam; xây dựng và tăng cường tình hữu nghị, hợp tác của nhân dân các nước với nhân dân ta. Chú trọng xây dựng và củng cố các hội đoàn của người Việt Nam ở nước ngoài và công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, tích cực tham gia đóng góp xây dựng quê hương và bảo vệ Tổ quốc, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước trên thế giới.

3- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật về hội phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hội, tạo điều kiện cho hội thành lập, hoạt động và phát triển đúng quy định của pháp luật. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng tiêu chí xác định hội có tính chất chính trị - xã hội, hội có tính chất chính trị - xã hội - nghề nghiệp, hội đặc thù, trình Ban Bí thư cho ý kiến trước khi Chính phủ ban hành.

4- Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan chuyên trách quản lý hội để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Cơ quan nhà nước các cấp có trách nhiệm quản lý chặt chẽ các hội, đồng thời tạo điều kiện để các hội hoạt động đúng pháp luật và có hiệu quả thiết thực; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của hội, kịp thời xử lý vi phạm.

5- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với các hội quần chúng nhằm thực hiện tốt công tác vận động quần chúng trong tình hình mới để xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần làm tốt vai trò chủ trì phối hợp giữa các tổ chức thành viên và các hội quần chúng thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

6- Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Bộ Chính trị ban hành quy định thành lập tổ chức đảng trong hội quần chúng, trách nhiệm của đảng viên làm nòng cốt trong các hội quần chúng.

7- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Ban Bí thư xem xét xác định trách nhiệm của các ban đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, nắm tình hình các hội quần chúng có phạm vi hoạt động trong cả nước.

Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình chung của các hội quần chúng và tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan; chủ trì phối hợp với các ban đảng ở Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN 55/KL-TW
NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2013 CỦA BAN BÍ THƯ
về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính
trị khóa X “về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện
đại hóa đất nước”

Tại phiên họp ngày 04 tháng 12 năm 2012, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X “về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1- Năm năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X “về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đã đạt được những thành tựu nhất định. Nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về giới, bình đẳng giới, về phụ nữ và công tác phụ nữ được nâng lên rõ rệt, tạo sự chuyển biến tích cực. Hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực lao động sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội. Trình độ, năng lực, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được nâng lên. Công tác gia đình ngày càng được quan tâm; điều kiện sống của các gia đình đã được cải thiện đáng kể. Đội ngũ cán bộ nữ có sự chuyển biến về chất lượng và số lượng; có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm, luôn vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao. Công tác phụ vận tiếp tục đạt nhiều kết quả, hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã tập hợp, vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tổ chức Hội có bước phát triển, tính liên hiệp và việc thực hiện chức năng đại diện, vai trò cầu nối giữa Đảng với phụ nữ có chuyển biến tốt, bộ máy tiếp tục được kiện toàn, chất lượng cán bộ được nâng lên; tỷ lệ phụ nữ tham gia tổ chức Hội, tham gia các hoạt động của Hội ngày càng tăng.

2- Tuy nhiên, công tác phụ nữ vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện lao động, học tập, sinh hoạt của nhiều phụ nữ chưa thực sự được nâng cao. Việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết chưa đồng bộ, chưa gắn với chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của các cấp ủy đảng, chính quyền; nguồn lực cho công tác

phụ nữ chưa được ưu tiên, tập trung; nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết chưa đạt yêu cầu đề ra; hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới chưa được hoàn thiện, còn nhiều bất cập.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do nhiều cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cơ quan tham mưu, giúp việc chưa quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết; một số nơi chưa thực sự quan tâm đến công tác phụ nữ, còn biểu hiện coi công tác phụ nữ là trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ. Hệ thống văn bản pháp luật về bình đẳng giới, chính sách để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển còn thiếu đồng bộ, chưa theo đúng tinh thần của Nghị quyết về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ. Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp, cán bộ, đảng viên nữ chưa thực sự làm tốt nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết. Công tác phối hợp giữa các cấp ủy đảng với các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện Nghị quyết chưa chặt chẽ. Công tác truyền thông và giáo dục về bình đẳng giới, về xây dựng gia đình chưa thường xuyên. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về công tác phụ nữ chưa được phân định rõ ràng. Một bộ phận phụ nữ chưa thực sự phấn đấu vươn lên.

3- Trong thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể cần tiếp tục quán triển và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết đã đề ra, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Công tác phụ nữ là vấn đề lớn, quan trọng và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tăng cường truyền thông để tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và của toàn xã hội về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của phụ nữ; về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, về bình đẳng giới, về hôn nhân và gia đình. Thông qua truyền thông để giáo dục giá trị truyền thống của phụ nữ Việt Nam, nêu gương người tốt, việc tốt; phê phán những biểu hiện phân biệt đối xử với phụ nữ.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển; đặc biệt quan tâm đến nội dung thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, nghỉ hưu.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030; Nghị định 56/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật... để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển; tiếp tục có chính sách phù hợp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ dân tộc thiểu số.

- Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện công tác cán bộ nữ để các cấp ủy đảng, ban, ngành, đoàn thể, địa phương xây dựng quy hoạch cán bộ nữ. Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỉ lệ nữ từ 30%, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỉ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cán bộ, đảng viên nữ cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ và giới thiệu quần chúng là phụ nữ ưu tú cho Đảng. Phát huy vai trò nòng cốt của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong công tác vận động phụ nữ, xây dựng, củng cố tổ chức Hội thật sự vững mạnh. Hội cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc phối hợp với các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, địa phương phát hiện và giải quyết các nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, buôn bán phụ nữ và trẻ em, hôn nhân có yếu tố nước ngoài thiếu lành mạnh, xâm hại tình dục trẻ em, bất bình đẳng giới.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, căn cứ và chức năng, nhiệm vụ của mình để tổ chức vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

4- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kết luận này của Ban Bí thư, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN 56-KL/TW
NGÀY 21 THÁNG 02 NĂM 2013 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về đẩy mạnh thực hiện nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể
(Trích)

Tại phiên họp ngày 20 tháng 12 năm 2012, sau khi nghe Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết báo cáo kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị kết luận:

1- Đánh giá tình hình

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khu vực kinh tế tập thể có những chuyển biến tích cực. Nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới được thành lập, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực; số tổ hợp tác tiếp tục tăng; phần lớn các hợp tác xã đã cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Nhiều hợp tác xã được củng cố, đổi mới về tổ chức và hoạt động, trong đó xuất hiện một số điển hình tiên tiến, hỗ trợ tốt hơn kinh tế hộ xã viên, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động. Liên kết giữa các hợp tác xã với nhau và với các tổ chức kinh tế khác bước đầu có sự phát triển. Các tổ chức kinh tế tập thể đã từng bước khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, kinh tế tập thể vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài. Nhiều hạn chế, yếu kém của khu vực kinh tế tập thể mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX đã chỉ ra, đến nay vẫn chưa được khắc phục. Tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tập thể chậm, thiếu ổn định, tỉ lệ đóng góp vào GDP của cả nước giảm dần, không đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra. Nhiều hợp tác xã chưa tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật; còn có những biểu hiện hình thức, xa rời bản chất các nguyên tắc và giá trị hợp tác xã; sự liên kết, hợp tác của các hợp tác xã chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp, vai trò của liên hiệp hợp tác xã chưa được phát huy.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế, yếu kém trên là do nhận thức về phát triển kinh tế tập thể của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ,

đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu chưa đầy đủ, chưa thống nhất; ý thức trách nhiệm còn thấp; đánh giá về kinh tế tập thể chưa toàn diện, chưa thấy hết vai trò quan trọng của khu vực kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh, quốc phòng. Năng lực của các tổ chức kinh tế tập thể còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, bộ máy phân tán, hoạt động kém hiệu quả; khung pháp luật và chính sách phát triển kinh tế tập thể còn nhiều bất cập. Vai trò, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa được phát huy.

2- Giải pháp tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, đưa kinh tế tập thể thực sự là thành phần kinh tế quan trọng, góp phần cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phát triển kinh tế tập thể phải gắn với tái cơ cấu nền kinh tế đất nước, chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Trong đó, cần tập trung vào một số giải pháp lớn sau đây:

2.1- Thống nhất và nâng cao nhận thức về bản chất, vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Phát triển kinh tế tập thể là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, đồng thời cũng là sự nghiệp hết sức khó khăn đòi hỏi phải kiên trì, xuất phát từ nhu cầu thực tế, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, địa phương, tránh hình thức, gò ép hoặc buông lỏng. Phải tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và các luật khác có liên quan, bảo đảm hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, do các thành viên tự nguyện thành lập nhằm tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên, trên cơ sở bình đẳng, dân chủ và cùng có lợi.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể phải toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh, quốc phòng của đất nước, cả về hiệu quả của tổ chức kinh tế tập thể và lợi ích của các thành viên.

- Tiếp tục đổi mới phương thức học tập, quán triệt, tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết một cách thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng. Tăng cường công tác nghiên cứu, làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn

về kinh tế tập thể, hợp tác xã, vận dụng sáng tạo trong thực tế và có biện pháp nhân rộng các mô hình tổ chức kinh tế tập thể điển hình tiên tiến.

(...)

2.2- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên trong phát triển kinh tế tập thể

(...)

- Chăm lo củng cố và phát triển các tổ chức đảng, đoàn thể trong tổ chức kinh tế tập thể theo quy định, trên cơ sở tôn trọng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh tế tập thể.

2.3- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể từ Trung ương đến địa phương

(...)

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương trong phát triển kinh tế tập thể.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách cán bộ phù hợp, bảo đảm nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế tập thể.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về kinh tế tập thể.

2.4- Tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2012, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

(...)

- Có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và đối tượng thành viên là nông dân nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, biển đảo.

2.5- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của tổ chức Liên minh hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trên cơ sở củng cố, đổi mới tổ chức hoạt động, bảo đảm thực hiện tốt chức năng là tổ chức đại diện của hợp tác xã và các nhiệm vụ được quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức hội, hiệp hội có kế hoạch, chương trình hành động, phối hợp với các tổ chức có liên quan thực hiện tốt công tác vận động, giáo dục quần chúng, hội viên,

thành viên, thành viên tự nguyện tham gia kinh tế tập thể theo đúng tinh thần Nghị quyết và các quy định của pháp luật.

3- Tổ chức thực hiện

(...)

- Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ và giám sát các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các quy định của pháp luật về phát triển kinh tế tập thể.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ SỐ 24-CT/TW
NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2013 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến
năm 2020 và những năm tiếp theo
(Trích)

Trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế cao cả, đã có hàng triệu cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta anh dũng hy sinh. Nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có nhiều chủ trương, giải pháp về công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xây dựng và tôn tạo nhiều công trình tưởng niệm...

Trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế cao cả, đã có hàng triệu cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta anh dũng hy sinh. Nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có nhiều chủ trương, giải pháp về công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xây dựng và tôn tạo nhiều công trình tưởng niệm... Đã thể hiện sự tri ân, tôn kính, biết ơn và ghi nhớ sâu sắc công lao to lớn của các anh hùng liệt sĩ; từng bước đáp ứng nguyện vọng của thân nhân, gia đình liệt sĩ và nhân dân trong cả nước; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, yêu nước đối với các thế hệ người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ còn một số hạn chế, khuyết điểm. Công tác này chưa trở thành một phong trào sâu rộng trong toàn dân. Số hài cốt liệt sĩ chưa tìm kiếm được còn nhiều; tỉ lệ hài cốt liệt sĩ đã quy tập chưa xác định được họ tên, quê quán còn cao. Việc báo tin mộ liệt sĩ đến thân nhân, gia đình liệt sĩ chưa làm được sâu rộng. Công tác quản lý, lưu trữ, khai thác thông tin, tổ chức tìm kiếm hài cốt liệt sĩ chưa khoa học. Việc đầu tư và huy động các nguồn lực trong xã hội phục vụ công tác này chưa đáp ứng yêu cầu. Hợp tác quốc tế trong việc cung cấp thông tin, hỗ trợ và phối hợp tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ chưa được chú trọng.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có lúc chưa đầy đủ về tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; chưa dành sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức; chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân; công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này còn nhiều bất cập.

Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế; thể hiện sâu sắc đạo lý, truyền thống "Uống nước, nhớ nguồn", "Đền ơn, đáp nghĩa" của dân tộc ta. Để tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây :

1- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ với quyết tâm chính trị cao, khẩn trương, tích cực, toàn diện và đạt hiệu quả cao nhất. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân đối với công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Vận động các tổ chức, cá nhân và kiều bào ở nước ngoài cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ, hỗ trợ và phối hợp tham gia tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

(...)

6- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị các cấp tham gia đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên tham gia tích cực công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ 25-CT/TW
NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2013 CỦA BAN BÍ THƯ
về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại
biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII
(nhiệm kỳ 2014-2019)

Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2014 - 2019) là sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong bối cảnh đất nước ta đang tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức mới. Trong bối cảnh đó, yêu cầu tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng, bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định.

Để lãnh đạo đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII đạt kết quả, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chuẩn bị và tiến hành tổ chức đại hội đạt chất lượng và hiệu quả tốt nhất.

- Về báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, cần đánh giá đúng tình hình nhân dân và việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nêu rõ những kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của công tác Mặt trận trong nhiệm kỳ qua; chú ý biểu dương những nhân tố mới, những cách làm hay; phát hiện những vấn đề mới đặt ra cần phải giải quyết trong nhiệm kỳ tới trên tinh thần cụ thể, sát thực tế và khả thi.

Chương trình hành động của nhiệm kỳ mới cần bám sát yêu cầu, nhiệm vụ của nghị quyết đại hội đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, các nghị quyết của Trung ương, Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Bộ Chính trị khóa X về "Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội"; nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, gắn liền với đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận ở các cấp, hướng mạnh về cơ sở, xây dựng khu dân cư văn hóa. Thể hiện rõ vai trò của Mặt trận trong việc thực

hiện đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động rộng khắp và có hiệu quả; phát huy dân chủ, tiếp thu sáng kiến, kiến nghị của nhân dân; thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh; mở rộng công tác đối ngoại nhân dân để không ngừng nâng cao uy tín của Đảng và Nhà nước. Cổ vũ, phát huy tiềm năng, sức mạnh, trí tuệ nhân dân cống hiến cho đất nước, góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội.

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp kiến nghị để Đại hội toàn quốc xem xét, quyết định phù hợp với yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới.

- Việc chuẩn bị nhân sự Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, phải căn cứ tiêu chuẩn cán bộ và cơ cấu theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; coi trọng tính tiêu biểu, tính đại diện và tính thiết thực; mở rộng thành phần là những cá nhân tiêu biểu, đại diện cho các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài có đủ điều kiện hoàn thành nhiệm vụ của ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình. Tăng số ủy viên là người ngoài Đảng (bảo đảm ở Trung ương đạt từ 45% - 50%, ở các cấp địa phương đạt từ 25% - 30%) để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng lớn nhất, là hình ảnh tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc hiệp thương cử đại biểu dự đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc cấp trên cần được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, bảo đảm cơ cấu, thành phần, chất lượng đại biểu để hoàn thành tốt nhiệm vụ tham gia đại hội.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan Mặt trận các cấp và đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng và cơ cấu phù hợp. Đồng thời, mở rộng và tạo điều kiện để phát huy đội ngũ cán bộ không chuyên trách, chuyên gia tư vấn, cộng tác viên cho các hoạt động đa dạng, sâu sát các tầng lớp nhân dân của Mặt trận. Các cấp ủy đảng cần phân công đồng chí trong Ban Thường vụ làm Bí thư Đảng đoàn và giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2- Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp phải được tập trung chỉ đạo, chuẩn bị chu đáo để đại hội diễn ra trang trọng, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng tiến độ và đúng quy định của Điều lệ. Thời gian tiến hành đại hội cấp cơ sở thực hiện từ quý IV-2013 và hoàn thành trước tháng 3-2014; cấp huyện hoàn thành trước tháng 5-2014; cấp tỉnh hoàn thành trước tháng 7-2014; Đại hội

đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII tổ chức vào tháng 9-2014.

3- Tăng cường công tác tuyên truyền trước, trong và sau Đại hội; coi trọng công tác tuyên truyền trong nước và thông tin, tuyên truyền đối ngoại về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Tổ quốc các cấp cần tổ chức phát động phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, đạt kết quả cao nhất chào mừng đại hội Mặt trận Tổ quốc cấp mình và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII. Thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân để góp phần cùng với hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước nhằm xây dựng, củng cố và phát triển môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác, cùng phát triển. Đồng thời, chú trọng đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài nhằm quy tụ, tạo sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò tích cực của người Việt Nam ở các nước trong việc mở rộng và tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc, tích cực ủng hộ sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta.

4- Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban cán sự đảng Chính phủ tăng cường phối hợp, tập trung lãnh đạo việc thể chế hóa các nội dung cơ bản về đại đoàn kết toàn dân tộc, về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan phù hợp Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng. Chính phủ chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành tạo mọi điều kiện để Mặt trận chuẩn bị và tiến hành tổ chức tốt Đại hội.

5- Các cấp ủy đảng chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung những quy định về chế độ, chính sách để phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ Mặt trận, nâng cao năng lực hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; lãnh đạo các cấp chính quyền, đoàn thể phối hợp và bảo đảm điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tốt đại hội.

6- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư theo dõi và tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

**NGHỊ QUYẾT SỐ 25-NQ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 6 NĂM 2013, HỘI NGHỊ LẦN THỨ 7 BAN CHẤP
HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA XI)
về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận
trong tình hình mới**

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước; là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều chủ trương về công tác dân vận. Trên cơ sở đó, công tác dân vận đã đạt được những kết quả quan trọng. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác vận động nhân dân được đổi mới; đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được kiện toàn, củng cố, đổi mới phương thức hoạt động; giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đã có nhiều hình thức hoạt động vận động nhân dân, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thúc đẩy các hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên được chăm lo, bảo vệ; công tác tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên được chú trọng; công tác giáo dục thế hệ trẻ được quan tâm.

Công tác dân vận thời gian qua đã góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2- Tuy nhiên, công tác dân vận còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận còn chưa kịp thời, kém hiệu quả; chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, thành phần dân cư, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân...để có chủ trương, chính sách phù hợp. Việc thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác dân vận chưa kịp

thời, nhất là cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận chưa được quan tâm đúng mức. Một số chính sách chưa đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, nhiều bức xúc chưa được giải quyết; quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

3- Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan. Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác dân vận; chưa thấy hết trách nhiệm và chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo, chỉ đạo công tác này. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý còn thiếu gương mẫu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận chậm được đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn. Tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội ở một số cơ sở yếu kém, giám sát vai trò lãnh đạo, phối hợp thiếu chặt chẽ, không sát dân, không làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân. Chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và bố trí đủ nguồn lực cho việc triển khai, thực hiện chủ trương, chính sách công tác dân vận. Phương pháp vận động, tập hợp quần chúng chưa phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là đối với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên, người theo đạo. Việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, đoàn thể chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, có rất nhiều vấn đề mới đặt ra tác động đến tư tưởng, tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội, cùng với tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, là thách thức đối với mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng. Thực tiễn đòi hỏi Đảng cần tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo đối với công tác dân vận, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân cũng như khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1- Mục tiêu

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới nhằm củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt

giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2- Quan điểm

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, cần quán triệt các quan điểm sau:

- Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ.

- Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh.

- Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu để nhân dân tin tưởng, noi theo.

- Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt.

- Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" thành quy chế, quy định để các tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ máu thịt của nhân dân với Đảng và Nhà nước

Kiên quyết, kiên trì thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống. Sớm ban hành và thực hiện tốt quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy định về Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Không ngừng nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải hiếu dân, gương mẫu, tận tụy với công việc, nói đi đôi với làm để nhân dân tin tưởng, noi theo. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trên cơ sở tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân phát huy đầy đủ quyền và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị tập trung giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống, việc làm, đền bù thu hồi đất đai, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội. Trong xây dựng thể chế, chính sách, cần quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc: mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải thuận với lòng dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Chú trọng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là điều kiện sống, lao động, học tập, sáng tạo, nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe.

Quan tâm điều chỉnh hài hòa lợi ích giữa các giai tầng xã hội, các vùng miền, các lĩnh vực; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng, xã hội.

Xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực, tham nhũng; giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu kiện đông người phức tạp, kéo dài.

2- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí công tác dân vận trong tình hình mới

Đổi mới và nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, nhất trí với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ công tác dân vận; quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công". Công tác dân vận trong tình hình mới phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với

nhân dân, tạo động lực để nhân dân đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác dân tộc, tôn giáo, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Không ngừng nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tăng cường lãnh đạo công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan thông tin đại chúng; mở rộng các kênh thông tin truyền thông, đối thoại trực tiếp với nhân dân, góp phần giải tỏa bức xúc, hoài nghi trong xã hội. Chú trọng việc định hướng và quản lý các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các mạng xã hội; phát huy sức mạnh của dư luận xã hội lành mạnh hỗ trợ cho các biện pháp quản lý của Nhà nước và các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Chủ động đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đẩy mạnh tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực; phát huy tinh thần yêu nước, thực hành dân chủ, tạo ra phong trào hành động cách mạng của toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các quan điểm, giải pháp về công tác dân vận của Đảng để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là cán bộ dân vận của Đảng. Phát hiện, bồi dưỡng kỹ năng vận động nhân dân cho những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, tạo điều kiện để họ tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự lan tỏa, sức sống của công tác dân vận trong tình hình mới.

3- Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan nhà nước

Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng về dân vận thành các văn bản pháp luật để các cấp chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân thực hiện. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi. Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng đất nước; góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm vận động nhân dân. Xây dựng và thực hiện phong cách: "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin"; thường xuyên đi công tác cơ sở. Các cơ quan nhà nước, nhất là những ngành, cơ quan, đơn vị có quan hệ trực tiếp với nhân dân cần công khai các quy định cụ thể về trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức để nhân dân biết và giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới lề lối làm việc, chấn chỉnh thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân và giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu tố của dân. Làm tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chủ động nắm tình hình và giải quyết những công việc liên quan đến đời sống của nhân dân.

Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các chính sách đối với người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc ít người, để các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

4- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị

Trong tình hình mới, công tác dân vận phải tập hợp được quần chúng nhân dân thành lực lượng xã hội rộng rãi tham gia các phong trào thi đua yêu nước theo tinh thần "Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua". Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải kết thành một khối vững chắc, làm nên sức sống các phong trào thi đua. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bám sát nhiệm vụ chính trị, nắm bắt lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân để xác định nội dung và lựa chọn cách thức phát động thi đua sát với thực tế của địa phương, đơn vị với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng. Đẩy mạnh phong trào thi đua "Dân vận khéo" gắn với việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

Các phong trào thi đua cần thiết thực, tiết kiệm, tránh hình thức, sáo rỗng; lấy hiệu quả về chính trị, kinh tế - xã hội làm thước đo đánh giá từng phong trào thi đua. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng kịp thời. Vận động và tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân phát huy cao độ tiềm năng, sức sáng tạo, tích cực lao động, học tập, sản xuất,

kinh doanh, làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước; tham gia đấu tranh, phòng, chống tội phạm, tiêu cực, tệ nạn xã hội.

5- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng để tập hợp nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở, phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm, tình hình cụ thể của từng giai tầng xã hội, trong từng giai đoạn cách mạng.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội làm tham mưu và nòng cốt trong việc nắm bắt dư luận xã hội, phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm của công dân trong thực hiện giám sát xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động, để gần dân, sát dân hơn.

Phát triển các tổ chức quần chúng theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải, tạo môi trường và điều kiện để nhân dân phát huy sức lực, trí tuệ sáng tạo theo nguyện vọng trên cơ sở pháp luật. Nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức đoàn thể, đoàn viên, hội viên; phát hiện, lựa chọn những đoàn viên, hội viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn để giới thiệu kết nạp vào Đảng, giới thiệu quy hoạch, đào tạo cán bộ. Phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ; tạo môi trường, cơ chế, chính sách thuận lợi cho tuổi trẻ rèn đức, luyện tài, lao động, học tập, phấn đấu, cống hiến cho đất nước. coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng cho thanh, thiếu niên trở thành những người kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội với các hội quần chúng, với chính quyền, lực lượng vũ trang trong công tác dân vận. Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Phát huy vai trò công tác đối ngoại nhân dân và vận động người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, hình ảnh con người, đất nước Việt Nam và hướng về xây dựng quê hương, đất nước; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè và các tổ chức quốc tế.

6- Quan tâm xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ Ban Dân vận, Mặt trận, đoàn thể nhân dân các cấp vững mạnh

Củng cố ban dân vận các cấp; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận của Đảng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược; có cơ chế, chính sách thu hút người có năng lực, có uy tín, có kinh nghiệm làm công tác dân vận; chú trọng luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, nhất là cán bộ trẻ tuổi, có năng lực; khắc phục tình trạng đưa cán bộ phẩm chất, năng lực yếu kém và không có uy tín về làm công tác dân vận.

Kiên toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu về trình độ lý luận, năng lực thực tiễn và kỹ năng công tác vận động nhân dân.

Các cơ quan tham mưu của Đảng phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng về công tác dân vận; có chế độ báo cáo, thông tin kịp thời, đầy đủ về tình hình nhân dân và những hạn chế trong hoạt động lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận.

7- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác dân vận

Các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở phải đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đề nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận sớm đi vào cuộc sống, có hiệu quả thiết thực. Phải xác định công tác vận động và chăm lo lợi ích của nhân dân là một trong những nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình; có kế hoạch thường xuyên tìm hiểu tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để có chủ trương, biện pháp xử lý đúng đắn, kịp thời. Các cấp ủy đảng lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ trong giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân và vận động nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.

Các cơ quan đảng ở Trung ương thường xuyên phối hợp, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận. Quan tâm nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là về xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, từ đó tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình hành động quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị quyết và giám sát việc thực hiện.

3- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tốt việc thi hành pháp luật; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các cấp chính quyền; kịp thời điều chỉnh các chương trình, giải pháp về tăng cường công tác dân vận phù hợp với thực tế.

4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; tổ chức học tập, tuyên truyền phổ biến Nghị quyết cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

5- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được quán triệt, phổ biến đến các chi bộ./.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW,
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2013, HỘI NGHỊ LẦN THỨ 7 BAN CHẤP
HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA XI)**

**về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý
tài nguyên và bảo vệ môi trường**

(Trích)

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thời gian qua, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được quan tâm, có bước chuyển biến và đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản; tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững, một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt; ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng; việc khắc phục hậu quả về môi trường do chiến tranh để lại còn chậm; đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe và đời sống nhân dân.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức và tầm nhìn của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về công tác này chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, chưa coi trọng phát triển bền vững. Một số chủ trương của Đảng chưa được quán triệt và thể chế hóa đầy đủ, kịp thời. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ; một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi. Chất lượng công tác dự báo và quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm và nguồn lực thực hiện. Tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước và việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ; tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, cương quyết; hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao. Chủ trương xã hội hóa chưa huy động được sự tham gia của các đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng,

có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị; là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

(...)

2- Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020, về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Đến năm 2050, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực.

(...)

IV- GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

Đa dạng hóa hình thức, đổi mới nội dung, xác định các đối tượng ưu tiên tuyên truyền, giáo dục; đưa nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình đào tạo các cấp học phổ thông, đại học, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý. Phổ biến kinh nghiệm, xây dựng năng lực, kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho mọi người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo dư luận xã hội lên án và thống nhất nhận thức về việc phải xử lý nghiêm các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, đốt phá rừng, gây ô nhiễm môi trường, săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã.

Nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Xây

dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên. Hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội. Thực hiện đánh giá, phân hạng về môi trường đối với các ngành, địa phương.

(...)

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CHỈ THỊ 27-CT/TW
NGÀY 12 THÁNG 9 NĂM 2013 CỦA BAN BÍ THƯ
về Đại hội văn học, nghệ thuật và Đại hội liên tiếp các hội văn học,
nghệ thuật Việt Nam

Các hội văn học, nghệ thuật và Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam sẽ tổ chức đại hội nhiệm kỳ trong hai năm 2014 và năm 2015. Đại hội lần này được tiến hành trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng; chính trị - xã hội ổn định; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; thế và lực của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa và 5 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về văn học, nghệ thuật, lĩnh vực văn học, nghệ thuật đã có nhiều đổi mới và tiến bộ. Các tác phẩm, ấn phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng, tăng đáng kể về số lượng. Quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ được tôn trọng, không khí dân chủ được mở rộng. Các hội văn học, nghệ thuật đã tập hợp, đoàn kết, tạo điều kiện, động viên văn nghệ sĩ không ngừng lao động sáng tạo, gắn bó với đời sống nhân dân góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật có chuyển biến tích cực. Đấu tranh chống quan liêu, luận điệu sai trái được coi trọng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, kiến thức cho văn nghệ sĩ, hội viên, nhất là các tài năng trẻ, văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số được quan tâm...

Bên cạnh những kết quả đạt được, lĩnh vực văn học, nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ nước ta còn một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Đó là: còn ít những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, phản ánh sinh động, sâu sắc hiện thực đất nước trong các thời kỳ lịch sử trước đây và thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Nhìn chung, công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn thụ động thiếu tính chiến đấu, tính định hướng. Quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật hiệu quả chưa cao. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ ở Liên hiệp hội và các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương còn nhiều bất cập, hạn chế. Một bộ phận văn nghệ sĩ chưa nên cao trách nhiệm công dân, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp.

Với tinh thần “Đoàn kết, Đổi mới, Dân chủ, Nhân văn”, việc chuẩn bị và tổ chức đại hội các hội văn học, nghệ thuật và Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam nhiệm kỳ mới cần làm tốt những công tác chủ yếu sau đây:

1. Đại hội phải thật sự là đợt sinh hoạt chính trị, văn hóa và nghề nghiệp quan trọng, sâu rộng, nghiêm túc của đội ngũ cán bộ, hội viên và đông đảo anh chị em nghệ sĩ. Đại hội cần đánh giá đúng tình hình hoạt động của các hội, Liên hiệp hội trong nhiệm kỳ qua về hoạt động chuyên môn, về tổ chức hội, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, đúc rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, quản lý và hoạt động hội ...Đại hội cần tập trung trí tuệ, trách nhiệm, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để Liên hiệp hội và các hội văn học, nghệ thuật phát triển vững mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu lý luận, phê bình, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật; góp phần xây dựng và thực hiện chính sách, chế độ, tạo điều kiện chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho văn nghệ sĩ sáng tạo ra nhiều tác phẩm có giá trị cao cả về nghệ thuật và tư tưởng. Khắc phục hạn chế, yếu kém trong việc phát triển hội viên; ngăn chặn đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, lệch lạc sai trái trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ

Đại hội cần kiểm điểm sâu việc thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; hưởng ứng Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Cuộc thi sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật chất lượng cao phản ánh các cuộc kháng chiến chống xâm lược, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1930 – 1975.

2. Đảng đoàn và Ban Chấp hành Liên hiệp hội và các hội cần phát huy trí tuệ, trách nhiệm của đông đảo cán bộ, hội viên, xây dựng, hoàn thiện các văn kiện trình đại hội gồm: Báo cáo Ban Chấp hành đánh giá tình hình hoạt động của Liên hiệp hội và các hội nhiệm kỳ qua, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ mới; Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành nhiệm kỳ qua.

Cần quan tâm làm tốt công tác nhân sự Ban Chấp hành, ban kiểm tra khóa mới theo hướng dân chủ, coi trọng tiêu chuẩn, kết hợp với cơ cấu hợp lý các vùng, miền, lứa tuổi, giới tính, dân tộc ...Ban Chấp hành các hội văn học, nghệ thuật nhiệm kỳ mới cần chú trọng bảo đảm chất lượng chính trị, chuyên môn, có uy tín trong hội viên và có số lượng hợp lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong những năm tới.

Đại hội của các hội văn học, nghệ thuật cần bầu đủ số lượng Ban Chấp hành, ban kiểm tra, bảo đảm chất lượng, có khả năng đoàn kết, tập hợp văn nghệ sĩ, đưa hoạt động các hội và liên hiệp hội có bước phát triển mạnh mẽ, vững chắc trong những năm tới.

Đại hội các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương nhiệm kỳ này được tiến hành theo hai cấp: đại hội cơ sở và đại hội toàn quốc. Đại hội cơ sở là đại hội toàn thể, đại hội toàn quốc là đại hội đại biểu tổ chức tại Hà Nội.

3. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương để chỉ đạo đại hội các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam. Đảng đoàn Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam và Ban Chấp hành các hội văn học, nghệ thuật cần chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương chỉ đạo chặt chẽ công tác chuẩn bị, việc triệu tập đại biểu, nội dung, chương trình đại hội và phương án nhân sự lãnh đạo các hội. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội, khi có những vấn đề quan trọng nảy sinh, Đảng đoàn Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam và Ban Chấp hành các hội văn học, nghệ thuật xin ý kiến Ban Chỉ đạo Trung ương; nếu cần thiết, xin ý kiến Ban Bí thư.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương có liên quan phối hợp chỉ đạo các hội văn học, nghệ thuật địa phương, các chi hội chuyên ngành Trung ương hoạt động tại địa phương bầu đại biểu dự đại hội; tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ đại biểu tham dự đại hội toàn quốc của các hội văn học, nghệ thuật và Liên hiệp các văn học, nghệ thuật Việt Nam.

5. Về kinh phí đại hội, các hội văn học, nghệ thuật và Liên hiệp các văn học, nghệ thuật Việt Nam và các tỉnh, thành phố lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; bảo đảm thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Chỉ thị.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

**CHỈ THỊ SỐ 29-CT/TW NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 2013
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**về đẩy mạnh công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong thời kỳ
công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế**

(Trích)

Thời gian qua, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động đã được Đảng, Nhà nước, các doanh nghiệp quan tâm và đạt được những kết quả quan trọng, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng lao động chưa nêu cao trách nhiệm, vi phạm các quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Phần lớn người lao động còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và thiếu chủ động trong phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chưa thực hiện đúng quy định về khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ. Tình trạng mất an toàn lao động, vệ sinh lao động trong các cơ quan, doanh nghiệp, khu vực nông nghiệp, nông thôn, làng nghề xảy ra khá phổ biến; tai nạn lao động, người bị tai nạn, người mắc bệnh nghề nghiệp có xu hướng gia tăng. Trong đó, có nhiều vụ nghiêm trọng, gây tổn thất lớn về người và tài sản, để lại hậu quả nặng nề, lâu dài cho người lao động và xã hội.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên có yếu tố khách quan, nhưng chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan và người dân về an toàn lao động, vệ sinh lao động chưa đầy đủ. Công tác tuyên truyền, giáo dục còn mang tính hình thức, thiên về đưa tin các vụ việc, thiếu biện pháp cảnh báo, phòng ngừa. Hệ thống pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thiếu, chưa đồng bộ; một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp, thiếu tính khả thi; nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn không còn phù hợp, chậm được sửa đổi.

(...)

Nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, tăng cường chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe cho người lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức chủ động bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức và doanh nghiệp cần xác định công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động là nhiệm vụ quan trọng và đưa vào chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm. Gắn công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị. Ban hành các tiêu chí, chuẩn mực về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức, cần ưu tiên tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người sử dụng lao động.

Tăng cường công tác phổ biến kinh nghiệm, phương pháp và kỹ năng phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho doanh nghiệp và toàn xã hội. Khắc phục triệt để tình trạng người sử dụng lao động vi phạm các quy định, không thực hiện trách nhiệm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động và việc người lao động mới chỉ quan tâm đến việc làm, thu nhập mà xem nhẹ bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động cho chính mình.

4 - Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động

(...)

Nâng cao hiệu quả hoạt động, sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức công đoàn, các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động; công tác giám định và thực hiện các chính sách khắc phục hậu quả tai nạn lao động. Phát động phong trào quần chúng xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

5- Đổi mới cơ chế, chính sách, đa dạng hóa nguồn lực xã hội trong thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động

(...)

Huy động nguồn lực xã hội tham gia vào việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động; mở rộng các hình thức bảo hiểm, bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp linh hoạt theo ngành, lĩnh vực. Có cơ chế đầu tư cho các hoạt động cảnh báo, phòng ngừa, quản lý rủi ro, phục hồi chức năng cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động và người lao động thực hiện tốt các quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Phát triển các dịch vụ huấn luyện, kiểm định, tư vấn kỹ thuật an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm nâng cao quyền và lợi ích của người lao động.

7- Tổ chức thực hiện

(...)

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động; tăng cường công tác giám sát, phối hợp với các cơ quan nhà nước phổ biến, tuyên truyền, tư vấn cho các đoàn viên, hội viên; biểu dương, nhân rộng gương người tốt, việc tốt trong công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.

(...)

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN SỐ 74-KL/TW
NGÀY 17 THÁNG 10 NĂM 2013, HỘI NGHỊ LẦN THỨ 8 BAN CHẤP
HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA XI)
về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và
“Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội,
trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới
mô hình tăng trưởng”
(Trích)

(...)

I - Tình hình năm 2013 và kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược

1- Trong gần 3 năm qua, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, cùng với khủng hoảng nợ công, cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực, diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... tác động bất lợi đến kinh tế - xã hội nước ta. Trong nước, những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô. Thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại nặng nề. Đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Nhu cầu bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, chúng ta phải dành nhiều công sức để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước.

Trước tình hình trên, Đảng và Nhà nước đã kịp thời điều chỉnh trọng tâm chỉ đạo, điều hành theo hướng tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội. Với những nỗ lực to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong 3 năm qua, đã tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, biện pháp đưa kinh tế đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả tích cực, đúng hướng trên các lĩnh vực.

(...)

Trong điều kiện ngân sách nhà nước rất khó khăn, Đảng và Nhà nước đã quan tâm dành nguồn lực bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm. Trên 98% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên được mở rộng lên trên 2,5 triệu người. Hệ thống bảo hiểm xã hội phát triển đa dạng. Mạng lưới cơ sở y tế tiếp tục phát triển, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân có chuyển biến tích cực. Thông

tin truyền thông và các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao gắn với thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có chuyển biến tích cực. Tiềm lực quốc phòng được nâng lên, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực; vị thế quốc tế của đất nước tiếp tục được nâng cao.

(...)

4- Sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về phát triển kinh tế - xã hội, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu:

(...)

Năm là, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; tạo đồng thuận xã hội trong việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

II- Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2014-2015

(...)

3.5- Phát triển văn hóa – xã hội và bảo đảm an sinh xã hội

Tập trung giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động, nhất là khu vực nông thôn. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công, các chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội. Quan tâm hơn đến công tác dân tộc, tôn giáo.

(...)

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, công trình văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tạo lập môi trường sống an toàn, thân thiện, phát triển toàn diện cho thanh thiếu niên, trẻ em. Quan tâm chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Chú trọng công tác gia đình, thực hiện bình đẳng giới và giảm mất cân bằng giới tính trẻ sơ sinh. Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thể dục – thể thao. Đẩy mạnh giao lưu văn hóa, thể thao với thế giới gắn với giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

(...)

3.9- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền tạo đồng thuận xã hội

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin báo chí trong tuyên truyền vận động; chủ động thông tin kịp thời, khách quan về các cơ chế, chính sách, sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tình hình kinh tế - xã hội; tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước về thông tin; chấn chỉnh hoạt động của các cơ quan báo chí và cơ quan chủ quản báo chí, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện nghiêm túc kỷ luật phát ngôn. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn việc lợi dụng quyền tự do ngôn luận để chống phá đất nước, xử lý nghiêm các vi phạm.

III- Tổ chức thực hiện

Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội căn cứ vào Kết luận này, hoàn chỉnh các báo cáo, dự thảo kế hoạch để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp xây dựng các chương trình hành động cụ thể thực hiện Kết luận này và quyết định của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính – ngân sách năm 2014.

TM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW, NGÀY 4 THÁNG 11 NĂM 2013, HỘI
NGHỊ LẦN THỨ 8 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA XI)**

**về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo
(Trích)**

A- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lĩnh vực giáo dục và đào tạo nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể là: Đã xây dựng được hệ thống giáo dục và đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện rõ rệt và từng bước hiện đại hóa. Số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh, nhất là ở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý. Chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt mức 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; hệ thống giáo dục và đào tạo ngoài công lập góp phần đáng kể vào phát triển giáo dục và đào tạo chung của toàn xã hội. Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến nhất định.

(...)

Những thành tựu và kết quả nói trên, trước hết bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của dân tộc; sự quan tâm, chăm lo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của mỗi gia đình và toàn xã hội; sự tận tụy của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sự ổn định về chính trị cùng với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2- Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất.

(...)

B- ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

(...)

3- Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

(...)

6- Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

(...)

II- MỤC TIÊU

1- Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hoá, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

(...)

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

(...)

Đổi mới công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục.

Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Bảo đảm các trường học có chi bộ; các trường đại học có đảng bộ. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục - đào tạo phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

(...)

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

(...)

C- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tổ chức việc học tập, quán triệt tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết này. Lãnh đạo kiện toàn bộ máy tham mưu và bộ máy quản lý giáo dục và đào tạo; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đặc biệt là kiểm tra công tác chính trị, tư tưởng và việc xây dựng nền nếp, kỷ cương trong các trường học, phát hiện và giải quyết dứt điểm các biểu hiện tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

(...)

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

QUY CHẾ GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1- “Giám sát” là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2- “Phản biện xã hội” là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

3- “Giám sát và phản biện xã hội” là giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

4- “Cơ quan, tổ chức” là cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.

Điều 2. Mục đích, tính chất của giám sát và phản biện xã hội

1- Giám sát nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2- Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

3- Giám sát và phản biện xã hội mang tính nhân dân, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa, tính xây dựng, tính khoa học và thực tiễn.

Điều 3. Nguyên tắc giám sát và phản biện xã hội

1- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ các đoàn thể chính trị - xã hội.

2- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm

trở ngại các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và phản biện xã hội.

3- Bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và mang tính xây dựng.

4- Tôn trọng các ý kiến khác nhau, nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, đoàn viên, hội viên, lợi ích quốc gia, dân tộc.

Điều 4. Chủ thể giám sát và phản biện xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chương II

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 5. Đối tượng và nội dung giám sát

1- Đối tượng giám sát

a) Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở.

b) Cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước (sau đây gọi chung là cá nhân).

2- Nội dung giám sát

Việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Điều 6. Phạm vi giám sát

1- Đối với cơ quan, tổ chức

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Các đoàn thể chính trị - xã hội: Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

2- Đối với cá nhân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội giám sát theo các nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 5 Quy chế này ở nơi công tác và nơi cư trú.

Điều 7. Phương pháp giám sát

1- Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát báo cáo cấp ủy và chính quyền cùng cấp trước khi triển khai. Khi cần thiết có thể tổ chức giám sát ngoài kế hoạch.

Chương trình, kế hoạch giám sát được thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước liên quan để hỗ trợ triển khai, bảo đảm giám sát thiết thực, đúng thực tế, có tác động tốt với đời sống chính trị, xã hội và nhân dân.

2- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp thu ý kiến phản ánh của các thành viên, đoàn viên, hội viên, ý kiến của nhân dân, ý kiến của các chuyên gia và tổ chức khảo sát thực tế để có cơ sở kiến nghị với cơ quan Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền cùng cấp.

3- Giám sát thông qua việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

4- Giám sát thông qua nghiên cứu văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức; đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân gửi Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và qua phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng.

5- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia các hoạt động giám sát do các cơ quan dân cử đề nghị.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm trong giám sát

1- Đối với chủ thể giám sát

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức được giám sát cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.

b) Tổ chức đối thoại giữa chủ thể giám sát và đối tượng giám sát để làm rõ nội dung kiến nghị khi một trong hai bên có yêu cầu.

c) Gửi báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản (văn bản phải được đóng dấu và có chữ ký của người có thẩm quyền) đến các cơ quan được quy định ở điều này; kiến nghị và theo dõi việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

d) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương báo cáo kết quả giám sát với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương báo cáo kết quả giám sát với cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cùng cấp để các cơ quan, tổ chức được báo cáo cho ý kiến về việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

đ) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan và cơ quan thông tin đại chúng phổ biến các điển hình tiên tiến, góp phần tạo phong trào thi đua học tập các điển hình tiên tiến.

e) Chịu trách nhiệm về những nội dung kết quả giám sát của tổ chức, đoàn thể mình.

2- Đối với đối tượng được giám sát

a) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của chủ thể giám sát; góp ý vào dự thảo báo cáo giám sát khi được chủ thể giám sát đề nghị.

b) Yêu cầu đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị giám sát khi cần thiết.

c) Kiến nghị với cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp hoặc các cơ quan, ban, ngành chức năng liên quan, nếu chủ thể giám sát vi phạm Quy chế này.

d) Tổ chức thực hiện và trả lời kiến nghị giám sát bằng văn bản cho chủ thể giám sát theo quy định.

đ) Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cấp ủy đảng các cấp có trách nhiệm bố trí thời gian trong phiên họp định kỳ 6 tháng và cuối hằng năm để nghe Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo kết quả giám sát đối với cơ quan, đơn vị; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện trách nhiệm giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VỀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

Điều 9. Đối tượng và nội dung phản biện xã hội

1- Đối tượng phản biện xã hội

Các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Nội dung phản biện xã hội

- Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo.

- Sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương.

- Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo.

- Dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bản dự thảo.

Điều 10. Phạm vi phản biện xã hội

1-Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2-Các đoàn thể chính trị - xã hội

Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

Điều 11. Phương pháp phản biện xã hội

1- Tổ chức hội nghị các cơ quan lãnh đạo trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội từng cấp.

2- Tổ chức lấy ý kiến phản biện (thông qua tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên) trong hệ thống của tổ chức, đoàn thể mình hoặc gửi văn bản dự thảo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện.

3- Khi cần thiết, tổ chức đối thoại trực tiếp giữa chủ thể phản biện với cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo được phản biện.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm trong phản biện xã hội

1- Chủ thể phản biện xã hội

a) Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện.

b) Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức có yêu cầu phản biện khi cần thiết.

c) Gửi kết quả phản biện bằng văn bản (văn bản phải được đóng dấu và có chữ ký của người có thẩm quyền) đến cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện.

d) Chịu trách nhiệm về những nội dung phản biện của mình.

đ) Bảo đảm bí mật nội dung thông tin phản biện theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo (nếu có).

2- Cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội

a) Gửi văn bản dự thảo và cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu cần thiết đến chủ thể phản biện.

b) Cử người có trách nhiệm thay mặt tổ chức của mình tham dự hội nghị phản biện do chủ thể phản biện tổ chức hoặc tham gia đối thoại theo yêu cầu của chủ thể phản biện.

c) Trả lời bằng văn bản với chủ thể phản biện về việc tiếp thu ý kiến phản biện. Báo cáo đầy đủ (bằng văn bản) các ý kiến phản biện của chủ thể phản biện với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Điều kiện bảo đảm

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức, bộ máy, cán bộ; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng về giám sát và phản biện xã hội cho đội ngũ cán bộ.

2- Kinh phí giám sát và phản biện xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm theo kế hoạch hàng năm do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội thì được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1- Tổ chức, cá nhân có hành vi trả thù, trù dập, cản trở tổ chức, cá nhân giám sát, phản biện xã hội hoặc bao che cho người có hành vi trả thù, trù dập,

cản trở hoặc can thiệp trái quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm thì bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2- Những hành vi lợi dụng quyền giám sát và phản biện xã hội làm cản trở hoạt động, gây tổn hại đến uy tín hoặc danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và điều lệ các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

1- Hằng năm, lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát và phản biện xã hội, báo cáo với cấp ủy và thống nhất với cơ quan nhà nước liên quan cùng cấp; kịp thời bổ sung nội dung giám sát và phản biện xã hội (khi có yêu cầu) theo quy định tại Quy chế này.

2- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế tới các cấp thuộc tổ chức, đoàn thể mình.

Điều 17. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm:

1- Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện những nội dung có liên quan trong Quy chế.

2- Phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thống nhất thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình.

Điều 18. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1- Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp và cấp dưới tổ chức thực hiện Quy chế.

2- Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình, kết quả thực hiện Quy chế (qua Ban Dân vận Trung ương).

Điều 19. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1- Lãnh đạo triển khai thực hiện Quy chế ở tổ chức, đơn vị mình.

2- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan của Trung ương Đảng có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy chế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế khi thấy cần thiết.

QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC VỀ VIỆC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, CÁC ĐOÀN
THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ NHÂN DÂN THAM GIA GÓP Ý XÂY
DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013
của Bộ Chính trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích góp ý

1- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

2- Tiếp tục thể chế hoá và cụ thể hoá cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc góp ý

1- Bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, trung thực, có tính xây dựng.

2- Phù hợp với các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước; không được lợi dụng việc góp ý để vu cáo, đả kích, bôi xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và hoạt động của tổ chức, cá nhân.

3- Các ý kiến góp ý bằng văn bản của tập thể do lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu, không nhân danh cá nhân.

4- Các ý kiến góp ý của cá nhân là công dân, người có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phạm vi góp ý

1- Việc góp ý được thực hiện từ Trung ương đến cơ sở.

2- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và công dân góp ý với cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên công tác ở các cơ quan, đơn vị cùng cấp.

Điều 4. Chủ thể góp ý

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

2- Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, người lao động và công dân (gọi chung là cá nhân).

Chương II

GÓP Ý XÂY DỰNG ĐẢNG

Điều 5. Đối tượng góp ý

1- Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban đảng Trung ương; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

2- Ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ các cấp; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cơ quan đảng ở các cấp; chi uỷ, chi bộ.

3- Cán bộ, đảng viên.

Điều 6. Nội dung góp ý

1-Góp ý với tổ chức đảng:

a) Dự thảo nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận... (sau đây gọi chung là quy định) của Đảng có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội; dự thảo báo cáo chính trị của cấp uỷ, tổ chức đảng trước mỗi kỳ đại hội.

b) Việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đảng, cấp uỷ, tổ chức đảng.

c) Mọi quan hệ giữa cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên với nhân dân.

2- Góp ý với đảng viên

a) Thực hiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng; mối quan hệ giữa đảng viên với nhân dân.

Điều 7. Phương pháp góp ý

1- Góp ý định kỳ

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội góp ý bằng văn bản mỗi năm một lần trước khi kiểm điểm cấp uỷ, tổ chức đảng và trước khi kết thúc nhiệm kỳ của cấp uỷ cùng cấp.

b) Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp uỷ ở địa phương với nhân dân mỗi năm một lần.

c) Tổ chức lấy ý kiến nhận xét của nhân dân nơi cư trú (thôn, xóm, tổ dân phố) đối với cán bộ, đảng viên mỗi năm một lần trước khi kiểm điểm cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên.

2- Góp ý thường xuyên

a) Thông qua hòm thư góp ý xây dựng Đảng được đặt công khai tại trụ sở các cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp và các cơ quan, tổ chức đảng các cấp.

b) Thư góp ý gửi đến cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan, tổ chức đảng.

c) Thông qua tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, đảng viên.

3- Góp ý đột xuất

a) Góp ý các văn bản dự thảo do cấp uỷ, tổ chức đảng gửi đến cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hoặc đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Góp ý khi có yêu cầu hoặc khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thấy cần thiết.

c) Góp ý khi đại diện tổ chức đảng làm việc với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Điều 8. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội

1- Chủ trì tổ chức việc góp ý theo nội dung quy định tại điểm a của khoản 1, điểm a, điểm b của khoản 3, Điều 7 của Quy định này. Tập hợp, tổng hợp ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân ở các điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 (Điều 7) chuyển đến cấp ủy, tổ chức đảng được góp ý.

2- Phối hợp với các cơ quan của cấp ủy địa phương thực hiện nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm b khoản 3 (Điều 7).

3- Theo dõi và thông tin kết quả tiếp thu góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên tới tổ chức, cá nhân góp ý.

4- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về giữ gìn bí mật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 9. Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

1- Thực hiện việc thông báo, cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng; một số văn bản dự thảo nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, tổ chức đảng (không thuộc diện bảo vệ bí mật).

2- Tiếp nhận, xử lý, tiếp thu ý kiến góp ý qua các hình thức được quy định tại Điều 7. Những nội dung góp ý không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình thì cấp ủy, tổ chức đảng chuyển cho cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc cấp có thẩm quyền xem xét tiếp thu và thông báo cho chủ thể góp ý biết.

3- Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy ở địa phương với nhân dân và tổ chức lấy ý kiến nhận xét của nhân dân nơi cư trú đối với cán bộ, đảng viên theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 (Điều 7).

4- Hằng năm, báo cáo kết quả tiếp thu góp ý lên cấp ủy cấp trên trực tiếp, đồng gửi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp để theo dõi, giám sát.

Chương III

GÓP Ý XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

Điều 10. Đối tượng góp ý

1- Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; các cơ quan của Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp.

2- Chính phủ, lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3- Lãnh đạo tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân các cấp, Kiểm toán Nhà nước.

4- Cán bộ, công chức, viên chức (gọi chung là cá nhân).

Điều 11. Nội dung góp ý

1- Góp ý với cơ quan, tổ chức:

a) Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

b) Việc thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật.

c) Việc thực hiện cải cách hành chính; phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

d) Việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân.

2- Góp ý với cá nhân:

a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ công dân.

b) Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu dân cử, sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang; nhất là người đứng đầu cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp.

Điều 12. Phương pháp góp ý

1- Góp ý định kỳ

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp góp ý bằng văn bản mỗi năm một lần đối với các nội dung nêu tại Điều 11 Quy định này cho các đối tượng góp ý cùng cấp.

b) Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu chính quyền các cấp với nhân dân mỗi năm một lần.

c) Tổ chức lấy ý kiến tại hội nghị công chức, viên chức (đối với cơ quan, đơn vị) và hội nghị nhân dân (chủ yếu ở xã, phường, thị trấn) mỗi năm một lần.

2- Góp ý thường xuyên

a) Thông qua hòm thư góp ý xây dựng chính quyền đặt công khai tại trụ sở.

b) Thư góp ý gửi đến cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan chính quyền.

c) Thông qua tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, công chức, viên chức.

3- Góp ý đột xuất

a) Góp ý vào các văn bản dự thảo do cơ quan nhà nước gửi đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hoặc đăng công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, các cơ quan thuộc Chính phủ, của ủy ban nhân dân các địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Góp ý cho cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khi có yêu cầu hoặc khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thấy cần thiết.

c) Góp ý khi các đồng chí lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ, bộ, ngành, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, sở, ngành đến làm việc với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp.

Điều 13. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội

1- Tổ chức góp ý theo nội dung quy định tại điểm a khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3 (Điều 12) Quy định này.

2- Phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện các nội dung quy định tại các điểm b, c khoản 1, điểm b, khoản 3 (Điều 12) Quy định này.

3- Tổng hợp ý kiến góp ý ở các điểm b, c của khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 (Điều 12) chuyển đến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4- Theo dõi và thông báo kết quả tiếp thu góp ý của cơ quan nhà nước tới tổ chức, cá nhân góp ý.

5- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về giữ gìn bí mật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền

1- Thực hiện công khai về tổ chức, hoạt động, quy chế làm việc của tổ chức; các quy định về thủ tục hành chính; quy định trách nhiệm công vụ; các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; các quy định, quyết định quản lý hành chính; các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sẽ ban hành.

2- Cung cấp thông tin về khen thưởng, kỷ luật cán bộ; các báo cáo kết quả thanh tra, giám sát, kiểm toán các cơ quan, đơn vị khi được yêu cầu.

3- Tiếp nhận, xử lý, tiếp thu ý kiến góp ý qua các hình thức được quy định tại Điều 12. Những nội dung góp ý không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức mình thì chuyển cho cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, tiếp thu và thông báo cho chủ thể góp ý biết.

4- Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cơ quan chính quyền các cấp với nhân dân và lấy ý kiến của nhân dân tại hội nghị nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 (Điều 12) Quy định này.

5- Hằng năm, báo cáo kết quả tiếp thu góp ý với cấp uỷ cùng cấp và chính quyền cấp trên trực tiếp; đồng gửi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp để theo dõi, giám sát.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Điều kiện bảo đảm

Cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình theo Điều 9 và Điều 14 Quy định này; tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân thực hiện tốt việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ở mỗi cấp.

Điều 16. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được biểu dương, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1- Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và cá nhân cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc Quy định này thì tùy mức độ vi phạm để xem xét, xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội.

2- Khi tiếp nhận góp ý nếu thấy tổ chức, cá nhân có biểu hiện vi phạm thì cơ quan, cấp có thẩm quyền phải tiến hành thanh tra kiểm tra kết luận rõ ràng và xử lý vi phạm.

3- Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có hành vi trù dập, thành kiến, gây áp lực đối với tổ chức, cá nhân góp ý; tổ chức, cá nhân lợi dụng việc góp ý để vu cáo, đả kích, bôi xấu làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của tổ chức, cá nhân được góp ý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm

1- Lãnh đạo ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm, nội dung, phương pháp, quy trình tham gia góp ý của tổ chức mình đối với Đảng, chính quyền theo Quy định này.

2- Tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức, hoạt động; tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

3- Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy định (qua Ban Dân vận Trung ương).

Điều 19. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm

Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Quy định theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 20. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

1- Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chỉ đạo xây dựng, ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm tiếp thu góp ý của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp theo Quy định này.

2- Định kỳ hằng năm báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả thực hiện Quy định (quan Ban Dân vận Trung ương).

Điều 21. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

1- Tổ chức tiếp thu góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân thuộc thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ./.

**KẾT LUẬN 79-KL/TW NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA
BỘ CHÍNH TRỊ**
**về đẩy mạnh thực hiện nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm
2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X**
**về “tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công
nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”**

Vừa qua, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Đề án báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1- Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và cả hệ thống chính trị về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn được nâng lên, tạo sự chuyển biến tích cực về hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn ngày càng vững mạnh. Nhà nước đã thể chế hoá ban hành nhiều chính sách, pháp luật có liên quan đến công nhân, lao động, như chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ thai sản... Các cấp chính quyền đã triển khai thực hiện nhiều đề án, chương trình, kế hoạch với các mục tiêu phân đầu cụ thể, sát thực, phù hợp với đặc điểm tình hình công nhân lao động ở từng địa phương, từng lĩnh vực. Giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2- Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết còn một số yếu kém, khuyết điểm. Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể về xây dựng giai cấp công nhân còn nhiều hạn chế. Công tác chỉ đạo và phối hợp của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan chức năng chưa thường xuyên, thiếu đồng bộ; nội dung, chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết có nơi còn chung chung, thiếu các giải pháp cụ thể. Những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân như việc làm, nhà ở, nơi sinh hoạt văn hoá, nhà trẻ... tại các khu công nghiệp, khu chế xuất chậm được giải quyết. Những tồn tại trong việc thực hiện chính sách, pháp luật cho người lao động như: tiền lương và thu nhập, tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế v.v.. chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chế độ, chính

sách đối với người lao động chưa được quan tâm. Thu nhập của công nhân chưa tương xứng với cường độ lao động và thời gian làm việc. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp, nhất là khu vực ngoài nhà nước còn nhiều hạn chế. Công tác phát triển đảng trong công nhân chưa được coi trọng, tỉ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên là do sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền địa phương chưa quyết liệt; chưa thường xuyên quan tâm, tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ và đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo đảng, chính quyền, người sử dụng lao động với công nhân, người lao động. Vai trò, trách nhiệm của tổ chức Công đoàn chưa được phát huy đầy đủ. Sự phối hợp của các cơ quan chức năng đối với tổ chức Công đoàn trong việc xây dựng giai cấp công nhân, chăm lo đời sống công nhân, người lao động thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Hệ thống cơ chế, chính sách đối với giai cấp công nhân chưa đồng bộ; có những chủ trương, chính sách không còn phù hợp, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3- Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã đề ra hệ thống các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ, nhằm xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam phát triển về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, không ngừng nâng cao về chất lượng để hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn cách mạng mới. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân các cấp tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết nhằm nâng cao nhận thức trong các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân. Xác định việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết là trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, nhà nước và cả hệ thống chính trị. Tuyên truyền, vận động người sử dụng lao động nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn.

Làm tốt hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống giai cấp công nhân và truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng; nâng cao giác ngộ giai cấp, ý thức chấp hành pháp luật, nhận thức chính trị của giai cấp công nhân. Giáo dục nâng cao trình độ kiến thức, tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, trách nhiệm trong lao động sản xuất, xây dựng và phát triển đất nước của công nhân, lao động.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các Đề án theo Kết luận số 23-KL/TW, ngày 08 tháng 02 năm 2008 của Bộ Chính trị về những công việc cần cụ thể hoá để thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp cần khẩn trương thể chế hoá Nghị quyết. Bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật, có chế tài thực thi pháp luật hiệu quả, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân, lao động; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm các vấn đề xã hội, tập trung đầu tư thích đáng tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng. Trước mắt, tập trung giải quyết những kiến nghị của đoàn viên, công nhân viên lao động và các cấp công đoàn tại Đại hội XI Công đoàn Việt Nam về những vấn đề bức xúc, cấp bách của công nhân như việc làm, nhà ở, tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hoá, nhà trẻ.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn; quan tâm chăm lo xây dựng giai cấp công nhân, có các chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện để giai cấp công nhân phát triển toàn diện. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chú trọng phát triển đảng viên, tổ chức đảng, đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh) trong các doanh nghiệp, nhất là ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Xây dựng tổ chức Công đoàn theo phương châm “ở đâu có công nhân, ở đó có tổ chức công đoàn” hoạt động theo Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hàng năm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tham gia giám sát, phản biện xã hội về luật pháp, chính sách liên quan đến giai cấp công nhân, người lao động.

- Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện Nghị quyết. Tổ chức công đoàn các cấp chủ động đề xuất, phối hợp với các ban, ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch liên ngành với tổ chức công đoàn trong các mặt công tác, nhất là công tác tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật liên quan đến giai cấp công nhân và người lao động, tổ chức Công đoàn.

- Phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân và vai trò của tổ chức công đoàn trong việc xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh. Tập trung kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức, bộ máy và

cán bộ để tổ chức công đoàn các cấp thực sự là chỗ dựa vững chắc và tin cậy của giai cấp công nhân và người lao động. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn, đa dạng hoá các loại hình tập hợp công nhân, vận động đội ngũ công nhân đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của tổ chức công đoàn thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam. Chỉ đạo các cơ quan báo chí trong hệ thống Công đoàn hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích đã được xác định.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc nghiên cứu để xây dựng một số dự án luật có liên quan đến công nhân, viên chức, lao động trình Quốc hội khoá XIII (dự thảo Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi), Luật Phá sản (sửa đổi), Luật An toàn – Vệ sinh lao động, Luật Tổ tụng lao động, Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật Tiền lương tối thiểu).

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết, sớm ban hành Quy định về việc thành lập tổ chức chính trị - chính trị xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thành lập tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng và Điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội theo Kết luận của Bộ Chính trị (tại Thông báo số 114-TB/TW, ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị).

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các ngành chức năng xây dựng Đề án “Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và công nhân lao động”.

- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X và Kết luận này; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN 80/KL-TW
NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về đẩy mạnh thực hiện nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành
Trung ương khoá X về “tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công
tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”

Vừa qua, sau khi nghe Ban Chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1- Năm năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW đã đạt được nhiều kết quả thiết thực. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể và xã hội về thanh niên và công tác thanh niên có chuyển biến tích cực, hệ thống pháp luật, chính sách tiếp tục được hoàn thiện, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi hơn cho thanh niên trong học tập, lao động, rèn luyện, vui chơi giải trí lành mạnh và phát triển tài năng. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát triển vững chắc, hoạt động có hiệu quả hơn, chất lượng chính trị của đoàn viên từng bước được nâng lên, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; đóng góp tích cực cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2- Tuy nhiên, công tác thanh niên vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một số cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác thanh niên; chưa cụ thể hoá các quan điểm, giải pháp của Nghị quyết phù hợp với thực tế địa phương, đơn vị; chưa quan tâm thường xuyên, đúng mức đến công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và định hướng dư luận xã hội cho thanh niên chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách về thanh niên và công tác thanh niên thiếu đồng bộ và chậm đi vào cuộc sống. Vai trò của tổ chức đoàn ở một số nơi, nhất là trên địa bàn dân cư, còn hạn chế. Công tác tập hợp, đoàn kết thanh niên khu vực kinh tế ngoài nhà nước, trong các khu công nghiệp, đối với thanh niên Việt Nam ở nước ngoài chưa đạt yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực trẻ chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Một bộ phận thanh niên có biểu hiện sa sút về lý luận, đạo đức, lối sống, mắc tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Một số cấp uỷ, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến công tác thanh niên. Một số nội dung, giải pháp của Nghị quyết chậm được thể chế hoá, thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ để thực hiện. Một số hoạt động của Đoàn và tổ chức thanh niên còn hình thức, chưa thực sự phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của thanh niên, chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, nhất là công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, cảm hoá thanh thiếu niên chậm tiến. Cán bộ Đoàn còn thiếu kỹ năng, đa phần ít được đào tạo, bồi dưỡng về công tác thanh vận. Một bộ phận thanh niên chưa thực sự phấn đấu vươn lên. Công tác quản lý báo chí của Đoàn, quản lý văn hoá phẩm, các sản phẩm thông tin, tuyên truyền còn bất cập và thiếu tính định hướng.

3- Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá” đã xác định rõ quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu xây dựng một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; góp phần vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thành công mục tiêu này, trong thời gian tới, các cấp uỷ, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và toàn hệ thống chính trị cần tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã đề ra; trong đó, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan đổi mới phương thức tuyên truyền để làm chuyển biến căn bản nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên, đoàn viên đối với công tác thanh niên và công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, tư tưởng chính trị cho thanh niên.

- Ban Tổ chức Trung ương sớm ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế cán bộ đoàn, trong đó đặc biệt quan tâm đến vấn đề chuẩn hoá, trẻ hoá, tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn các cấp; luân chuyển, bố trí công tác phù hợp đối với cán bộ đoàn trưởng thành.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc thể chế hoá nội dung của Nghị quyết. Nghiên cứu sớm trình Quốc hội Luật Thanh niên (bổ sung, sửa đổi), trong đó xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về thanh niên, cơ chế phối

hợp trong công tác thanh niên và vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020. Khẩn trương hoàn thành các chương trình, đề án nêu trong Nghị quyết số 45/NQ-CP, ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ. Rà soát, bổ sung các chính sách về học tập, đào tạo nghề và việc làm cho thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn; quy hoạch và phát triển các khu vui chơi giải trí lành mạnh cho thanh thiếu nhi; tạo cơ chế giao cho thanh niên đảm nhận các công trình thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh tại các vùng trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục công dân; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, tư tưởng chính trị cho thanh niên, đấu tranh với các âm mưu lôi kéo, kích động thanh niên tham gia các hoạt động sai trái. Tiếp tục đổi mới phương thức tập hợp, mở rộng mặt trận đoàn kết thanh niên. Chú trọng xây dựng mô hình tổ chức và phương thức tập hợp thanh niên thông qua các mạng viễn thông, internet, thanh niên ở địa bàn dân cư và các doanh nghiệp mọi thành phần kinh tế. Chấn chỉnh, đảm bảo hoạt động báo chí trong hệ thống của Đoàn thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích đã được xác định là kênh thông tin hữu hiệu cho việc giáo dục, tập hợp, đoàn kết thanh niên. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, thiếu niên giai đoạn 2013-2020”.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân tổ chức vận động toàn dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh để thanh niên học tập, phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành, xứng đáng là đội xung kích cách mạng, rường cột nước nhà, là người chủ tương lai của đất nước.

4- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW và Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN SỐ 90-KL/TW
NGÀY 4 THÁNG 3 NĂM 2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X
về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước”

Tại phiên họp ngày 19 tháng 12 năm 2013, sau khi nghe Tờ trình số 149-TTr/BTGTW, ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Tuyên giáo Trung ương về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết Trung ương 7*) và ý kiến các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1- Hơn 5 năm qua, việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 đã tạo được chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị; việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết đã đạt được một số kết quả bước đầu. Hoạt động của các hội trí thức tiếp tục có tiến bộ, nhất là trong việc tập hợp và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức. Đội ngũ trí thức tiếp tục được tăng cường, có những đóng góp tích cực, quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, việc quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết ở một số bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và một số địa phương còn chậm, chưa nghiêm và chưa đạt yêu cầu đề ra. Việc thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết còn chậm, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập nên Nghị quyết chưa thực sự đi vào cuộc sống. Một số cơ chế, chính sách đối với trí thức chậm được đổi mới để phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ trí thức tuy có tăng về số lượng song chất lượng chưa cao; số trí thức sáng tạo, chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học có trình độ cao còn ít, đội ngũ trí thức kế cận hẫng hụt. Hoạt động chuyên môn (nghiên cứu, sáng tác...) của trí thức chưa gắn kết, phù hợp với cơ chế thị trường và cũng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cơ chế hành chính quan liêu và tình trạng trì trệ, hình thức, hiệu quả hoạt động thấp trong các tổ chức nghiên cứu khoa học, các hội trí thức chậm được khắc phục.

2- Để đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng làm tốt một số nhiệm vụ sau:

2.1- Nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết ngày càng tốt hơn.

Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đội ngũ trí thức nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết, của việc xây dựng đội ngũ trí thức, nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước trên tất cả các lĩnh vực mà Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã xác định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2- Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 cần được gắn kết chặt chẽ với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học công nghệ và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết Trung ương 7, tạo môi trường làm việc thực sự phát huy dân chủ và khuyến khích trí thức tự do sáng tạo trong nghiên cứu, sáng tác, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Tăng cường thực hiện cơ chế đặt hàng kết hợp với cơ chế trí thức tự đề xuất trong hoạt động nghiên cứu, sáng tác.

Khẩn trương hoàn thành các đề án còn lại về thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 7 để trình Bộ Chính trị cho ý kiến: Đề án “Quy chế tạm thời về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị” (Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì chuẩn bị); Đề án “Phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020 phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” (Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì chuẩn bị).

3- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 và Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN SỐ 92-KL/TW
NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2005
của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020
(Trích)

1- Về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp

Việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong 8 năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò của hoạt động tư pháp, sự cần thiết phải đẩy mạnh cải cách tư pháp được nâng lên rõ rệt. Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động tư pháp có nhiều tiến bộ; đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định của pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp, thi hành án, luật sư, công chứng, giám định tư pháp theo đúng chủ trương, định hướng lớn nêu trong Chiến lược cải cách tư pháp. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp từng bước được kiện toàn và xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân cấp huyện; mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính. Đã đổi mới tổ chức, hoạt động của luật sư, công chứng, giám định tư pháp.

(...)

Hoạt động hợp tác quốc tế về tư pháp được mở rộng phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Phương thức lãnh đạo của Đảng và công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới. Kết quả cải cách tư pháp đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp vẫn còn chậm, chưa theo đúng lộ trình của Chiến lược cải cách tư pháp. Một số nhiệm vụ khi triển khai thực hiện có ý kiến khác nhau, nhưng chưa được nghiên cứu, kết luận kịp thời. Việc nghiên cứu, xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế phân bổ ngân sách và việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp vẫn còn chậm.

(...)

Công tác giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với hoạt động tư pháp hiệu quả thấp. Sự phối hợp giữa

cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan tư pháp Trung ương với các cấp ủy địa phương và giữa các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp với nhau trong việc lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp chưa thực sự chặt chẽ. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về trách nhiệm triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp chưa thực sự đầy đủ, nhất quán; chưa thể hiện quyết tâm cao trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại cơ quan, tổ chức mình.

2- Về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong thời gian tới

Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 về cơ bản là đúng đắn. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cần phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, vướng mắc, tiếp tục thực hiện mục tiêu, quan điểm, phương hướng cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX vẫn còn phù hợp. Đồng thời, quán triệt nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng nêu trong các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI và các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 có liên quan đến tổ chức, hoạt động tư pháp.

Điều chỉnh một số nội dung về quan điểm và nhiệm vụ cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị như sau:

2.1- Về cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp

Bổ sung nội dung “kiểm soát” vào quan điểm 2.1 của Nghị quyết số 49-NQ/TW và viết lại là “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” cho phù hợp với các văn kiện Đại hội XI. Xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp.

(...)

4- Về công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn

Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương chủ trì, phối hợp với các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội XII chỉ đạo nghiên cứu làm rõ một số vấn đề sau: Vấn đề lý luận về quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xác định rõ nội hàm và xây dựng cơ chế để tòa án nhân dân thực hiện có hiệu quả quyền tư pháp; hoàn thiện cơ chế để tòa án nhân dân thực hiện có hiệu quả quyền tư pháp; hoàn thiện cơ chế quản lý tổ chức, cán bộ, cơ sở vật chất, cơ chế phân bổ ngân sách của tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp; chuẩn bị những nội dung có liên quan đến việc đổi

mới, kiện toàn tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp và cải cách tư pháp giai đoạn 2016 - 2020, phục vụ việc xây dựng các văn kiện Đại hội XII của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

CHỈ THỊ 34-CT/TW
NGÀY 07 THÁNG 4 NĂM 2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng
(Trích)

Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX, công tác thi đua, khen thưởng đã có chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, đối ngoại và tăng cường đoàn kết dân tộc. Phong trào thi đua yêu nước đã được tổ chức sâu rộng, từng bước đổi mới nội dung, hình thức phát động thi đua, bám sát thực tiễn, gắn với Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, đơn vị. Công tác khen thưởng cơ bản bảo đảm theo quy định của pháp luật, đã động viên, tôn vinh kịp thời tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt đã được quan tâm hơn. Hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng từng bước được hoàn thiện. Bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp được củng cố, kiện toàn. Các cơ quan truyền thông đại chúng có nhiều hình thức tuyên truyền về các phong trào thi đua và biểu dương người tốt, việc tốt.

Tuy nhiên, phong trào thi đua phát triển chưa đồng đều, liên tục, nhiều nơi còn mang nặng tính hình thức, chưa gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị. Nhiều nơi việc khen thưởng còn thiếu chính xác, chưa kịp thời; khen thưởng cho người lao động trực tiếp sản xuất, nông dân, công nhân còn ít. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến hiệu quả chưa cao; biện pháp tuyên truyền thiếu đồng bộ... làm hạn chế động lực phấn đấu của tập thể và cá nhân.

Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, yếu kém là: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền ở một số bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu còn chưa đầy đủ, toàn diện. Nhiều nơi, bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng chưa ổn định, thống nhất; năng lực tham mưu của cán bộ, công chức làm công tác này còn hạn chế.

Để đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội

nhập quốc tế, Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng, tránh tình trạng khen thưởng tràn lan, không thực chất. Mỗi chi bộ, đảng viên cần phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu và là hạt nhân trong các phong trào thi đua ở cơ sở, gắn với việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", làm cho phong trào thi đua trở thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

(...)

Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước theo hướng: Tập trung về cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tổ chức phát động với các hình thức thi đua phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí cụ thể, nội dung thiết thực, triển khai có hiệu quả, chống hình thức. Thực hiện nghiêm túc việc đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong đổi mới phương pháp tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua, bảo đảm thực hiện đồng bộ ở cả bốn khâu: phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến. Quan tâm tạo điều kiện để các điển hình tiên tiến được tuyên truyền nêu gương, tạo sự lan tỏa trong cơ quan, đơn vị, bộ, ngành, địa phương.

Thực hiện đổi mới công tác khen thưởng bảo đảm chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch; coi trọng việc phát hiện, lựa chọn các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện những điển hình tiên tiến để khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, dân phòng, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Quan tâm khen thưởng cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số. Tập trung giải quyết dứt điểm việc khen thưởng thành tích trong các cuộc kháng chiến và thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng có công lao, thành

tích, cống hiến trong các cuộc kháng chiến của dân tộc. Chủ động xem xét, khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có đóng góp lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh-quốc phòng của Việt Nam, có nhiều thành tích trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước mà trọng tâm là phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" và tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Tăng thời lượng tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị cấp tỉnh thực hiện việc đưa vào chương trình giảng dạy đường lối, chủ trương của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua, khen thưởng.

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khẩn trương kiện toàn bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp nhằm tạo sự thống nhất, ổn định từ Trung ương đến địa phương. Bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng cần tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả; bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ phù hợp, đáp ứng yêu cầu công tác thi đua, khen thưởng. Nâng cao vai trò của hội đồng thi đua - khen thưởng các cấp theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Tổ chức, phát động các phong trào thi đua sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân gắn với việc tổ chức tốt đại hội thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX vào năm 2015.

Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy các đơn vị sự nghiệp Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chỉ thị.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

KẾT LUẬN SỐ 97-KL/TW
NGÀY 15 THÁNG 05 NĂM 2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện
Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Kết luận khẳng định: Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có tầm chiến lược và mang tính đột phá, được triển khai thực hiện khá đồng bộ, nghiêm túc, sâu rộng; huy động được cả hệ thống chính trị và đông đảo người dân tham gia.

Sau 5 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả rõ rệt. Nông nghiệp giữ được mức tăng trưởng ổn định, phát triển tương đối toàn diện, tạo nền tảng vững chắc góp phần quan trọng duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội; năng suất, chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên, xuất khẩu liên tục tăng; trồng và bảo vệ rừng thực hiện tốt hơn; khai thác hải sản phát triển theo hướng bền vững, giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; đã xuất hiện nhiều mô hình liên kết sản xuất hiệu quả dựa trên ứng dụng tốt khoa học, công nghệ.

Đời sống của nông dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; an sinh xã hội ngày càng được bảo đảm; các điều kiện về giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được cải thiện; dân chủ ở cơ sở được phát huy....

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết để từng cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là người đứng đầu các tổ chức, cơ quan và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phải coi phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân giữ vai trò chủ thể trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và kinh tế đô thị khu vực nông thôn là quan hệ hữu cơ nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên, gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái.

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tái cơ cấu ngành, cơ cấu sản phẩm gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở thực hiện quy hoạch nông thôn mới gắn với quy hoạch nông nghiệp, đô thị. Nâng cao vai trò làm chủ của người nông dân; chú trọng xây dựng và phát triển giai cấp nông dân.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Theo đó, các bộ, ngành Trung ương tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể có liên quan gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp của cả nước; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu quốc gia, quốc tế.

Trên cơ sở yêu cầu tái cơ cấu nền nông nghiệp của cả nước và của mỗi vùng, miền, các địa phương tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt; đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng huyện và các quy hoạch chuyên ngành khác. Phát triển nông thôn gắn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản, ưu tiên trước hết cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển nông nghiệp dựa trên đặc điểm, lợi thế của mỗi vùng, miền, địa phương; xác định rõ các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có thị trường. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các loại nông sản chủ lực, các sản phẩm hàng hóa có thương hiệu quốc gia và quốc tế.

Chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện

đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao. Xây dựng các chương trình, dự án nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất, tăng thu nhập cho nông dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng và khai thác hải sản trên các vùng biển gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng biển, đảo quốc gia. Tiếp tục quan tâm phát triển diêm nghiệp, có chính sách hỗ trợ người làm muối. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Thực hiện nghiêm chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên. Tăng cường đầu tư cho phát triển rừng trồng, nâng cao hiệu quả rừng sản xuất.

Chủ động sản xuất và kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn, chất lượng các sản phẩm đầu vào sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi... Tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của các vùng, cơ sở sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn, công nghệ cao. Hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp trong nước sản xuất được. Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp bảo quản, chế biến, công nghiệp chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp. Khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ sử dụng nhiều lao động và nguyên vật liệu tại chỗ ở nông thôn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn; đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại tất cả các xã. Trên cơ sở nghiên cứu, rà soát, đánh giá lại hệ thống 19 tiêu chí nông thôn mới, vận dụng sáng tạo, linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế của mỗi vùng, miền, địa phương với phương châm "Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ".

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó ưu tiên nguồn lực phát triển sản xuất, bảo đảm sinh kế cho người dân. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nhất là các hạ tầng thiết yếu như hệ thống cầu, cống, công trình thủy lợi, đê điều, giao thông nội đồng, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, cảng cá, ưu tiên củng cố hệ thống đê và rừng ven biển, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, đời sống, hiện đại hóa và phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tiếp tục chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát huy quyền làm chủ của nông dân. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo chăm sóc sức khỏe cho người dân. Ưu tiên đầu tư phát triển y tế, giáo dục

ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn; thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, chính sách dân số. Khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; sơ kết việc thực hiện chính sách Bảo hiểm nông nghiệp; nghiên cứu chính sách Bảo hiểm đối với nông dân, ngư dân.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình và chính sách giảm nghèo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình trên cùng một địa bàn. Ưu tiên, hỗ trợ hợp lý các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo cao thuộc các vùng miền núi Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng Sông Cửu Long, khu vực biên giới, hải đảo, vùng bãi ngang, an toàn khu gắn với tăng cường bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực làm việc cho người nghèo, giúp họ tự tin, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững và làm giàu. Đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao năng lực và vị thế cho phụ nữ; quyền được giáo dục và chăm sóc của trẻ em; chăm lo cho các đối tượng chính sách xã hội ở khu vực nông thôn.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đổi mới cơ chế, chính sách, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn ...

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: TRƯƠNG TẤN SANG

**NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW, NGÀY 9 THÁNG 6 NĂM 2014, HỘI
NGHỊ LẦN THỨ 9 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA XI)**

**về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam
đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước**

(Trích)

A- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm.

(...)

Tuy nhiên, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn sáng tác. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa

hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng.

(...)

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên đây chủ yếu là do nhiều cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ lĩnh vực này; lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ và trong một số trường hợp thiếu khả thi. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

B- ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI

I- MỤC TIÊU

Mục tiêu chung

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia

đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách.

- Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam.

- Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

II- QUAN ĐIỂM

1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

2- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

4 - Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

5- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

III- NHIỆM VỤ

1- Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

(...)

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm

quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng. Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(...)

2- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Xây dựng mỗi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, "tốt đời, đẹp đạo". Khuyến khích các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", từ thiện, nhân đạo.

3- Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

4- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

(...)

5- Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

(...)

6- Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

(...)

Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa

Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

(...)

IV- GIẢI PHÁP

1- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao vai trò gương mẫu, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

(...)

2- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa

(...)

Tăng cường công tác thanh tra văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(...)

4- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết./.

TM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đã ký: NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CHỈ THỊ 40-CT/TW
NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 2014 CỦA BAN BÍ THƯ
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội
(Trích)

Trong những năm qua, tín dụng chính sách xã hội do Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện là một giải pháp sáng tạo, có tính nhân văn sâu sắc và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế, xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội chưa thực sự ổn định, cơ cấu chưa hợp lý, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; chất lượng tín dụng chưa đồng đều. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thực sự vào cuộc, chưa quan tâm đúng mức tới hoạt động tín dụng chính sách xã hội...

Để phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội

(...)

2- Nâng cao trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò tập hợp lực lượng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát của toàn dân đối với công tác này.

- Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả; lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội. Làm tốt

công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

3- Tập trung nguồn lực và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội

Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt những nội dung sau:

(...)

- Mặt trận Tổ quốc mở rộng cuộc vận động vì người nghèo để huy động sự đóng góp của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và các cá nhân bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội.

(...)

4- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội

(...)

- Nâng cao hiệu quả phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động tại các điểm giao dịch cấp xã; phát triển các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ đem lại tiện ích cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

5- Tổ chức thực hiện

Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các ban đảng, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này.

(...)

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: LÊ HỒNG ANH

MỤC LỤC

	Trang
1 Chi thị của Ban Bí thư, số 34-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2004 về đại hội các hội văn học, nghệ thuật trung ương	1
2 Nghị quyết của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 34-NQ/TW ngày 3 tháng 2 năm 2004 về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng	4
3 Chi thị của Ban Bí thư, số 38-CT/TW ngày 28 tháng 4 năm 2004 về lãnh đạo Đại hội Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V	6
4 Chi thị của Bộ Chính trị, số 39-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 21 tháng 5 năm 2004 về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến	9
5 Kết luận của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 30-KT/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2004 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những năm sắp tới.	10
6 Chi thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW ngày 21 tháng 02 năm 2005 về xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước	13
7 Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới	15
8 Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình	16
9 Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020	17
10 Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ X (4-2006)	21
11 Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 04-NQ/TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí	28
12 Chi thị của Bộ Chính trị, số 06-CT/TW ngày 07 tháng 11 năm	29

- 2006 về tổ chức cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức hồ chí minh"
- 13 Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 08-NQ/TW ngày 05 tháng 2 năm 2007 về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới 31
- 14 Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 10-NQ/TW, ngày 09 tháng 2 năm 2007 về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội 34
- 15 Chỉ thị của Bộ Chính trị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập 35
- 16 Nghị quyết của Bộ Chính trị số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 36
- 17 Chỉ thị của Ban Bí thư, số 14-CT/TW ngày 19 tháng 6 năm 2007 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam 38
- 18 Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 15-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2007 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị 49
- 19 Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới 41
- 20 Chỉ thị của Ban Bí thư, số 13-CT/TW ngày 16 tháng 05 năm 2007 về lãnh đạo Đại hội nông dân các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V 43
- 21 Chỉ thị của Ban Bí thư, số 18-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2007 về việc lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII 45
- 22 Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2008 về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy 48

	manh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	
23	Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 21-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2008 về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	50
24	Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 22-NQ/TW ngày 02 tháng 02 năm 2008 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên	51
25	Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 22-NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2008 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá	52
26	Chỉ thị của Ban Bí thư, số 28-CT/TW ngày 02 tháng 12 năm 2008 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	57
27	Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn	58
28	Chỉ thị của Ban Bí thư, số 29-CT/TW ngày 21 tháng 1 năm 2009, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 41 của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	70
29	Nghị quyết của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 31-NQ/TW ngày 02 tháng 02 năm 2009 về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng	71
30	Chỉ thị của Ban Bí thư, số 35-CT/TW ngày 8 tháng 5 năm 2009 về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số	75
31	Kết luận của Bộ Chính trị, số 62-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2009 về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội	78
32	Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 304-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2015 về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1987 của Ban Bí thư (khóa VI) về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	81
33	Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 305-TB/TW, ngày 3 tháng	82

- 2 năm 2010 về kết quả thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi
- 34 Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 306-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2010, kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW về "tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp". 84
- 35 Quy chế đánh giá cán bộ, công chức (kèm theo Quyết định số 286-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Bộ Chính trị (khóa X)) 86
- 36 Quy định của Ban Bí thư, số 287-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010 chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước (Công ty cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn, trong đó, Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ) 88
- 37 Quy định của Ban Bí thư, số 288-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010 chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở trong Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống (gọi chung là công ty) 91
- 38 Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (kèm theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Ban Bí thư) 95
- 39 Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 307-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2010 về đề án đổi mới công tác tiếp công dân 105
- 40 Quyết định của Bộ Chính trị, số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 2 năm 2010 về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị 109
- 41 Quy chế Công tác Dân vận của hệ thống chính trị (ban hành kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 2 năm 2010 của Bộ Chính trị) 110
- 42 Kết luận của Ban Bí thư, số 65-KL/TW ngày 4 tháng 3 năm 2010 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở 119
- 43 Kết luận của Ban Bí thư, số 66-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới 124

- 44 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 308-TB/TW, ngày 5 tháng 3 năm 2010 về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2009 128
- 45 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 312-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2010 về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra 130
- 46 Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 316-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2010 về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XI tại Đại hội Đảng các cấp, lấy ý kiến nhân dân, các đại biểu quốc hội và tổng hợp các ý kiến góp ý vào các văn kiện Đại hội XI của Đảng 134
- 47 Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 329-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010 về Đại hội VI của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam 135
- 48 Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 330-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 2010 về Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam 137
- 49 Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 333-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010 về việc tổ chức Lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 139
- 50 Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 334-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2010 về đề án tổ chức các ngày kỷ niệm và nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao 140
- 51 Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 337-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2010 về đề án xây dựng Đảo Thanh niên toàn quốc giai đoạn 2010 - 2020 142
- 52 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 344-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010 về việc xây dựng Bia di tích lịch sử truyền thống Mặt trận dân tộc Thống nhất Việt Nam 143
- 53 Chỉ thị của Ban Bí thư, số 43-CT/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam 144
- 54 Kết luận của Ban Bí thư, số 73-KL/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2010 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12-4-1989 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội 147

Người mù Việt Nam

- 55 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 357-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2010 về việc đúc và đặt tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng 149
- 56 Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 359-TB/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010 về việc tổ chức Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ (10-7-1910 - 10-7-2010) 150
- 57 Quy định của Ban Bí thư, số 314-QĐ/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2010 về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và Đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, Ban Cán sự đảng, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, các Ban Trung ương Đảng và các Tỉnh ủy, Thành ủy 151
- 58 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 360-TB/TW, ngày 2 tháng 7 năm 2010 về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng 158
- 59 Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 363-TB/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2010 về Đại hội IV Hội Khuyến học Việt Nam 161
- 60 Chỉ thị của Ban Bí thư, số 46-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 2010 về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội 162
- 61 Kết luận của Ban Bí thư, số 80-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2010 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới 165
- 62 Kết luận của Ban Bí thư, số 83-KL/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2010 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) "về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến" 170
- 63 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 377-TB/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2010 về Đại hội Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam lần thứ VIII 174
- 64 Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 380-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2010 về năm thanh niên 2011 175
- 65 Quy định của Bộ Chính trị, số 330-QĐ/TW, ngày 4 tháng 10 năm 2010 về trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban Đảng ở Trung ương và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương trong 177

	công tác chuẩn bị nhân sự Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân	
66	Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 382-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2010 về công nhận Ngày phụ nữ Việt Nam 20-10	180
67	Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 397-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2010 về việc xây dựng Khu lưu niệm luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại Long An	181
68	Chỉ thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2010 về lãnh đạo Đại hội đại biểu Phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI	182
69	Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 406-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2010 về điều chỉnh sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương sau 2 năm thực hiện Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng	184
70	Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Bộ Chính trị về bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016	186
71	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (01-2011)	188
72	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)	194
73	Kết luận số 02-KL/TW, ngày 16 tháng 03 năm 2011 của Bộ Chính trị về tình hình kinh tế - xã hội năm 2011	200
74	Chỉ thị 01-CT/TW, ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị về học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng	203
75	Kết luận 04-KL/TW, ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân	205
76	Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	209
77	Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại	212

- nhân dân trong tình hình mới.
- 78 Chỉ thị 08-CT/TW, ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới 216
- 79 Kết luận 14-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài 218
- 80 Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 1 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 221
- 81 Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ Doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 224
- 82 Chỉ thị 09/CT/TW, ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới 229
- 83 Chỉ thị 10-CT/TW, ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn 233
- 84 Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 236
- 85 Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay 239
- 86 Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 241
- 87 Chỉ thị 11-CT/TW, ngày 4 tháng 2 năm 2012 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2013 - 2018 243
- 88 Chỉ thị 12-CT/TW, ngày 24 tháng 2 năm 2012 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Công đoàn các cấp và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI (nhiệm kỳ 2013-2018) 246

- 89 Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 BCHTW (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí 249
- 90 Kết luận số 23-KL/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020” 251
- 91 Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 253
- 92 Kết luận 26-KL/TW, ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 260
- 93 Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 263
- 94 Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông 267
- 95 Chỉ thị 19-CT/TW, ngày 05 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn 270
- 96 Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020 272
- 97 Chỉ thị 21-CT/TW, ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 274
- 98 Chỉ thị 15-CT/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” 276
- 99 Chỉ thị 20-CT/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị 279

- về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới
- 100 Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng 282
- 101 Kết luận 55-KL/TW, ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X “về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 286
- 102 Kết luận 56-KL/TW, ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể 289
- 103 Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo 293
- 104 Chỉ thị 25-CT/TW, ngày 20-5-2013 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2014-2019) 295
- 105 Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 3 tháng 6 năm 2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới 298
- 106 Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường 307
- 107 Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Ban Bí thư về Đại hội văn học, nghệ thuật và Đại hội Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam 310
- 108 Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 313
- 109 Kết luận số 74-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết đại hội xi về kinh tế - xã hội,

trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”

- 110 Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 319
- 111 Quy chế giám sát và phân biệt xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị) 322
- 112 Quy định về việc về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền (ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị) 328
- 113 Kết luận 79-KL/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá X về “tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” 335
- 114 Kết luận 80-KL/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá” 339
- 115 Kết luận số 90-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 7 khóa X về “xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 342
- 116 Kết luận số 92-KL/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 344
- 117 Chỉ thị 34-CT/TW, ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng 347
- 118 Kết luận số 97-KL/TW, ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn 350
- 119 Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây

dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu
phát triển bền vững đất nước

120 Chỉ thị 40-CT/TW, ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư 360
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Tín dụng chính sách
xã hội